

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **15553**/BTC-TCDN

Hà Nội, ngày **23** tháng **12** năm **2019**

V/v lấy ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại văn bản số 8159/VPCP-KTTH ngày 11/9/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã dự thảo Tờ trình Chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP để lấy ý kiến của các đối tượng chịu tác động đồng thời đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân (theo Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đính kèm), Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Theo quy định tại điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định nêu trên và gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) - Số 28 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - TP Hà Nội **trước ngày 27/12/2019** (kèm file điện tử theo địa chỉ email: chauthiquynhvinh@mof.gov.vn) để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Thông tin chi tiết liên hệ: Đ/c Châu Thị Quỳnh Vinh - Chuyên viên Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính. Số điện thoại liên hệ: 024.2220.2828 (Máy lẻ 5054) - Di động: 0986.819.199.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTĐN;
- Lưu: VT, TCDN (7 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO
Lấy ý kiến thẩm định
của Bộ Tư pháp

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư

100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) như sau:

1. Bổ sung, sửa đổi Điều 4 như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ;

b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

c) Có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.”

b) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các doanh nghiệp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án mua bán nợ đảm bảo tính khả thi và hiệu quả để tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.”

2. Bổ sung vào điểm b khoản 3 Điều 6 nội dung sau:

“Riêng các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp không thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa cần thiết lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định cụ thể.”

3. Bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.”

4. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này để xác định giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc:

a) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 500 triệu đồng cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp;

b) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng và chỉ có 01 tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp;

c) Đối với các gói thầu tư vấn không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”

b) Điểm a khoản 5 được bổ sung như sau:

“a) Các công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.”

c) Điểm b khoản 6 được bổ sung như sau:

“b) Có uy tín, năng lực, thương hiệu và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (60 tháng hoạt động liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) về một trong các lĩnh vực: Thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.

Trong thời gian 03 năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, mỗi năm tổ chức phải thực hiện được ít nhất 30 hợp đồng cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nói trên.”

5. Bổ sung vào Khoản 2 Điều 13 nội dung sau:

“Đối với một số tài sản chuyên ngành, đặc thù của các doanh nghiệp cổ phần hóa mà việc tiếp cận tài sản để kiểm kê và đánh giá hiện trạng thực tế của tài sản không đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với bộ quản lý ngành, kỹ thuật có liên quan quyết định phương án kiểm kê phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.”

6. Khoản 4 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyên giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về

đất đai và pháp luật có liên quan khác. Trường hợp tổ chức công đoàn và tập thể người lao động trong công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng các tài sản này thì được tổ chức thanh lý, nhượng bán theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.”

7. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 21 như sau:

“d) Đối với cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước theo giá được xác định tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và các nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định này, đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 27 như sau:

“1. Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau khi đánh giá lại có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có)”.

9. Khoản 4 Điều 29 được sửa đổi như sau:

“4. Giá trị quyền sử dụng đất được giao và giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”

10. Bổ sung Điều 30a như sau:

“Điều 30a. Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa, cụ thể:

a) Đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này, phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa bao gồm toàn bộ diện tích đất của doanh nghiệp và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp đầu tư 100% vốn điều lệ.

b) Đối với các doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này, phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa bao gồm toàn bộ diện tích đất của doanh

nghiệp và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp đầu tư 100% vốn điều lệ.

c) Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp bao gồm:

- Toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hình thức: giữ lại tiếp tục sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đất và tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

- Toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp được giao, nhận chuyển nhượng và thuê đất hợp pháp theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (nếu có).

d) Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp cổ phần hóa quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này) có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất; giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai đối với những diện tích đất được giao theo quy định khoản 1 Điều 30 Nghị định này.

Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương hoặc khác với mục đích sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) phải có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) chịu trách nhiệm chỉ đạo, khẩn trương có ý kiến về diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng khi cổ

phần hóa và giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật về đất đai để làm cơ sở cho việc xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định; đồng thời chịu trách nhiệm chỉ đạo tiến hành kiểm điểm, xử lý trách nhiệm các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chậm có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa dẫn tới phải tổ chức xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

4. Căn cứ ý kiến của các địa phương, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

5. Các diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa được giao, nhận chuyển nhượng, thuê đất hợp pháp theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan.”

11. Điều 30 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với diện tích đất còn lại (sau khi loại trừ diện tích đất quy định tại khoản 1 Điều này) theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp thực hiện hình thức thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và trả tiền thuê đất hàng năm.

Căn cứ giá đất cụ thể được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được thuê) có ý kiến theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai, công ty cổ phần thực hiện nộp tiền thuê đất kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Đối với diện tích đất đã được Nhà nước cho doanh nghiệp thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và diện tích đất do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có nguồn gốc là đất thuê đã trả tiền thuê một lần cho Nhà nước, doanh nghiệp cổ phần được tiếp tục thuê đất trong thời hạn thuê đất còn lại. Số tiền doanh nghiệp đã nộp hoặc đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu được xác định là khoản đã trả trước và được trừ vào tiền thuê đất mà công ty cổ phần phải trả hàng năm theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

Đối với diện tích đất đã được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và diện tích đất do doanh nghiệp nhận chuyển nhượng có nguồn gốc là đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất mà nay thuộc trường hợp thuê đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 thì phải chuyển sang thuê đất. Số tiền doanh nghiệp đã nộp khi Nhà nước giao đất hoặc đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa hạch toán vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu được xác định là khoản đã trả trước và được trừ vào tiền thuê đất mà công ty cổ phần phải trả hàng năm theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.”

b) Khoản 4 được sửa đổi như sau:

“4. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, công ty cổ phần có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về tài chính, đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

12. Sửa đổi Điều 37 như sau:

“Điều 37. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần

1. Căn cứ phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn từ chối mua theo phương án cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng.

2. Căn cứ kết quả bán cổ phần, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ đảm bảo nguyên tắc:

- Trường hợp doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa theo hình thức bán một phần vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm cổ phiếu hoặc bán toàn bộ vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm cổ phiếu thì xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án cổ phần hóa đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được theo các hình thức quy định (bao gồm cả số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược) lớn hơn số cổ phần phát hành thêm theo phương án cổ phần hóa thì phần chênh lệch được xác định là cổ phần bán phần vốn nhà nước.

- Số cổ phần bán ưu đãi cho đối tượng quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP được xác định là số cổ phần bán phần vốn nhà nước.

3. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, căn cứ kết quả bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp

để thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều này, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.”

13. Sửa đổi điểm a, b khoản 1 Điều 39 như sau:

“a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá công khai, tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần lần đầu cho doanh nghiệp cổ phần hóa để xử lý lao động dôi dư, thanh toán chi phí cổ phần hóa theo dự toán chi phí đã xác định trong phương án cổ phần hóa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, để lại cho doanh nghiệp cổ phần hóa giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá và giá vốn (giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra tương ứng với vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp I tại doanh nghiệp cấp II); phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b) Sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của tổ chức công đoàn và người lao động, Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.”

14. Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung điểm e khoản 1 nội dung: “Tổng giá trị của số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động tính theo mệnh giá tối đa không vượt quá giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp”.

b) Bổ sung điểm đ khoản 2 nội dung: “Số cổ phần người lao động được mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến hết thời gian làm việc của người lao động theo chế độ lao động quy định tại Bộ Luật lao động hiện hành”.

15. Điều 48 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 3 được sửa đổi như sau:

“Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành có giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng chưa thực hiện phân bổ hết vào chi phí sản xuất kinh doanh và chưa thực hiện khấu trừ vào tiền thuê đất, công ty cổ phần thực hiện phân bổ vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đảm bảo công ty cổ phần không bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, công ty cổ phần tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty cổ phần có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.”

b) Bổ sung khoản 8:

“Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 8, khoản 1 Điều 1 như sau:

“Đấu giá theo lô là cuộc đấu giá trong đó số lượng cổ phần bán đấu giá được xác định theo một hoặc nhiều lô (trường hợp bán nhiều lô thì số cổ phần mỗi lô là bằng nhau), nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua tối thiểu trọn toàn bộ từ một lô trở lên. Việc chia tổng số cổ phần thành từng lô cổ phần để đấu giá theo lô do chủ sở hữu vốn quyết định”.

2. Bổ sung khoản 5 Điều 1 nội dung sau:

“h) Ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối.”

3. Khoản 11 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Các khoản thu từ lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con và thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con.

- Các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu theo chế độ kế toán hiện hành của việc đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân độc lập (hợp đồng BCC); tiền thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước và các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài khác.

- Việc quản lý, hạch toán, xử lý các khoản thu từ cổ phần hóa thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa hiện hành.”

4. Khoản 12 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi tiết a, điểm 1 như sau:

“a) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước phải căn cứ vào danh mục chuyển nhượng vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không phân biệt mức vốn đầu tư, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước lãi, lỗ; việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn, lập hồ sơ chuyển nhượng vốn, thực hiện công bố thông tin chuyển nhượng vốn, báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần mà điều lệ công ty cổ phần có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp (đối với trường hợp cổ đông chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty) thì việc chuyển nhượng cổ phần để chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo thứ tự các phương thức chuyển nhượng quy định tại Nghị định này đối với cổ đông hiện hữu.”

b) Sửa đổi tiết c, điểm 1 như sau:

“c) Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp nhà nước lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, đảm bảo giá khởi điểm không được thấp hơn giá khởi điểm tính theo phương pháp tài sản.

Khi xác định giá khởi điểm theo phương pháp tài sản phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp nhà nước phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc xác định giá khởi điểm đảm bảo theo các quy định trên và quy định sau:

- Mức giá khởi điểm do doanh nghiệp nhà nước quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

- Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tổng khối lượng cổ phần phải chuyển nhượng có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

c) Bổ sung vào tiết d, điểm 1 nội dung sau:

“Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Chỉ thực hiện xác định bổ sung phần chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại trong hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất tính theo giá đất tại thời điểm có hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất với tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại tính theo giá đất tại thời điểm xác định giá chuyển nhượng khi xác định giá khởi điểm đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm của doanh nghiệp khác có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn.

Thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất hàng năm làm cơ sở tính toán vào giá khởi điểm là thời gian còn lại trên hợp đồng thuê đất ổn định trong vòng 05 năm đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.”

d) Sửa đổi tiết g, điểm 1 như sau:

“g) Doanh nghiệp nhà nước căn cứ danh mục chuyển nhượng vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, lập phương án chuyển nhượng vốn để trình cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện chuyển nhượng vốn. Phương án chuyển nhượng vốn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Cơ sở pháp lý, mục đích chuyển nhượng vốn.

- Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

- Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước, nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng. Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn.

- Phương thức chuyển nhượng vốn (trường hợp bán đấu giá theo lô thì phải báo cáo cụ thể căn cứ xác định trường hợp áp dụng đấu giá theo lô theo quy định).

5. Khoản 13 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung vào tiết a điểm 1 nội dung sau:

“- Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn.”

b) Bổ sung vào điểm 2 nội dung sau:

“Việc chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ được thực hiện theo trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này thông qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc các tổ chức có chức năng đấu giá tài sản. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trường hợp này.

Quy chế mẫu bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường/đấu giá theo lô/đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu) và chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.

c) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai, tiết b điểm 3 như sau:

“- Doanh nghiệp nhà nước ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn. Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp nhà nước có vốn chuyển nhượng hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp nhà nước và tổ chức đấu giá.”

d) Bổ sung vào tiết d điểm 3 nội dung sau: “+ Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau thì tổ chức bỏ phiếu kín giữa các nhà đầu tư với mức giá khởi điểm bằng mức giá đã trả cao nhất bằng nhau của cuộc đấu giá để xác định nhà đầu tư trúng giá.”

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm 6 như sau:

“Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn của doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng thì doanh nghiệp nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp khác để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch quy định.

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn nhưng phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm để tiếp tục

chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển nhượng mà doanh nghiệp đang triển khai.”

e) Sửa đổi, bổ sung điểm 9 như sau:

“9. Nguyên tắc xử lý tài chính khi chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài, chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của doanh nghiệp nhà nước:

Số tiền chuyển nhượng thu được sau khi trừ chi phí chuyển nhượng, giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán và thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định (nếu có), trường hợp số chênh lệch dương doanh nghiệp phản ánh vào thu nhập hoạt động tài chính của doanh nghiệp, trường hợp số chênh lệch âm doanh nghiệp sử dụng dự phòng đã lập để bù đắp, nếu còn thiếu, doanh nghiệp phản ánh vào chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp.”

g) Bổ sung vào điểm 11 nội dung sau:

“Căn cứ vào nội dung cụ thể của hợp đồng BCC, trường hợp doanh nghiệp nhà nước được phép chuyển nhượng vốn, cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn theo phương thức sau:

Trường hợp chỉ được phép chuyển nhượng vốn cho các thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trường hợp không có quy định ràng buộc chuyển nhượng vốn cho thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.”

6. Sửa đổi khoản 15 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi tiết c, điểm 1 như sau:

“c) Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá chuyển nhượng vốn nhà nước:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, đảm bảo giá khởi điểm không được thấp hơn giá khởi điểm tính theo phương pháp tài sản.

Khi xác định giá khởi điểm theo phương pháp tài sản phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển

nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị vốn nhà nước nắm giữ trong vốn điều lệ phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Trường hợp chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc xác định giá khởi điểm đảm bảo theo các quy định trên và quy định sau:

- Mức giá khởi điểm do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

- Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tổng khối lượng cổ phần phải chuyển nhượng có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.”

b) Bổ sung vào tiết d, điểm 1 nội dung sau:

“Việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Chỉ thực hiện xác định bổ sung phần chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại trong hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất tính theo giá đất tại thời điểm có hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất với tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại tính theo giá đất tại thời điểm xác định giá chuyển nhượng khi xác định giá khởi điểm đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm của doanh nghiệp có vốn nhà nước đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn.

Thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất hàng năm làm cơ sở tính toán vào giá khởi điểm là thời gian còn lại trên hợp đồng thuê đất ổn định trong vòng 05 năm đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.”

c) Sửa đổi tiết đ điểm 1 như sau:

“đ) Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản thuê tổ chức đấu giá, thuê tổ chức tư vấn khác có hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chuyển nhượng vốn để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.”

7. Khoản 16 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Bổ sung vào tiết a điểm 1 nội dung sau:

“- Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch.”

b) Bổ sung vào điểm 2 nội dung sau:

“Quy chế mẫu bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường/đấu giá theo lô) và chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.

c) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2 tiết b điểm 3 như sau:

“Cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn. Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp nhà nước có vốn chuyển nhượng hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp nhà nước và tổ chức đấu giá.”

d) Sửa đổi, bổ sung điểm 6 như sau:

“Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch quy định.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn nhưng phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm để tiếp tục chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển nhượng mà doanh nghiệp đang triển khai.”

đ) Bổ sung điểm 10 về chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước nội dung sau:

“Cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ, ngành và địa phương căn cứ lộ trình, kế hoạch thoái vốn Nhà nước ở các doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chỉ đạo các bộ phận chức năng xây dựng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước (bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn). Chi phí chuyển nhượng vốn do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt dự toán và quyết toán; quyết định mức chi cụ thể đảm bảo có đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Căn cứ quyết định dự toán chi phí chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi Bộ Tài chính đề nghị xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ) để cấp tiền tạm ứng. Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định xuất Quỹ tạm ứng tối đa 70% tổng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn theo quyết định đã được duyệt cho các Bộ, ngành và địa phương.

Đối với các đơn vị đã thực hiện chuyển nhượng vốn Nhà nước nhưng không thành công hoặc đang triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn Nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các bộ phận chức năng xây dựng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước để phê duyệt và thực hiện theo quy trình nêu trên. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cụ thể số tiền cấp tạm ứng trong trường hợp đảm bảo thanh toán đủ các khoản chi phí đã chi (có thể lớn hơn 70% tổng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn đã duyệt).

Trên cơ sở kết quả chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn và chi phí chuyển nhượng vốn. Trường hợp số tiền thu từ chuyển nhượng vốn và khoản đã tạm ứng chi phí chuyển nhượng vốn cao hơn chi phí hợp lý thực tế liên quan đến chuyển nhượng vốn thì thực hiện quyết toán và nộp khoản chênh lệch về Quỹ. Trường hợp số tiền thu từ chuyển nhượng vốn và khoản tạm ứng chi phí chuyển nhượng vốn thấp hơn chi phí hợp lý thực tế liên quan đến chuyển nhượng vốn thì cơ quan đại diện

chủ sở hữu có văn bản đề nghị Quỹ cấp bổ sung phần chênh lệch còn thiếu. Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định xuất Quỹ cấp phần còn thiếu này cho các Bộ và địa phương.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn và quyết toán (gồm tiền thu từ chuyển nhượng vốn, chi phí hợp lý thực tế liên quan đến chuyển nhượng vốn, khoản thu đã được tạm ứng và kinh phí thừa/thiếu nộp về hoặc đề nghị cấp bổ sung từ Quỹ) kèm chứng từ có liên quan (bản gốc) về Quỹ để làm căn cứ hoàn ứng và hạch toán kế toán.

Đối với những trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đã ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản cho cá nhân lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá, thuê tổ chức đấu giá, thuê tổ chức tư vấn khác có hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chuyển nhượng vốn để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước nhưng không thành công, Bộ Tài chính căn cứ báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn và quyết toán của cơ quan đại diện chủ sở hữu để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thanh toán chi phí chuyển nhượng vốn cho cơ quan đại diện chủ sở hữu”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 Điều 1 như sau:

“Điều 38b. Thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn

1. Trường hợp chủ sở hữu vốn đã đầu tư vốn tại doanh nghiệp nhưng không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và phải chuyển nhượng vốn theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp trong từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này và có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (tại công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) về việc không thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ dẫn tới giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các doanh nghiệp đã có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (tại công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) về việc không thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ dẫn tới giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp nhưng không được Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần hoặc Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thông qua thì chủ sở hữu vốn xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của mình cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ sở hữu vốn đã đầu tư vốn tại doanh nghiệp nhưng không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và không phải chuyển

nhượng vốn theo tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước, danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp trong từng giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần)/quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) khi doanh nghiệp thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá công khai quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 hoặc tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

Trường hợp thời gian cho phép cổ đông, thành viên góp vốn thực hiện quyền mua cổ phần, quyền góp vốn theo phương án phát hành của doanh nghiệp phát hành ngắn không đủ để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng thì chủ sở hữu vốn chuyển nhượng xem xét quyết định giá chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn, phương thức chuyển nhượng thỏa thuận trực tiếp và đảm bảo nguyên tắc giá thị trường, có hiệu quả.

Người đại diện vốn nhà nước/đại diện vốn doanh nghiệp nhà nước căn cứ phương án phát hành và quy mô vốn phát hành của tổ chức phát hành báo cáo chủ sở hữu vốn quyết định phương thức thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn theo phương thức đấu giá công khai hoặc thỏa thuận.

Giá bán thỏa thuận trên cơ sở giá được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 hoặc tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định này.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.”

9. Bổ sung khoản 19 Điều 1 nội dung sau:

“ Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP như sau:

c) Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của doanh nghiệp nhà nước không có khả năng thu hồi đủ vốn đã đầu tư, doanh nghiệp phải giải trình rõ nguyên nhân không có khả năng thu hồi vốn báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.”

10. Bổ sung khoản 20 Điều 1 nội dung sau:

“Giao cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này để có ý

kiến khi tổ chức thoái vốn ở các doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, theo thị trường và lợi ích cao nhất của các cổ đông trong đó có Nhà nước.”

11. Bổ sung khoản 21 Điều 1 nội dung sau:

“Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu”.

Điều 3. Bãi bỏ các nội dung quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau:

1. Các nội dung quy định tại Điều 12:

a) Nội dung quy định tại điểm d khoản 5.

b) Nội dung quy định tại điểm c khoản 6.

2. Nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13.

3. Nội dung quy định tại khoản 3 Điều 17.

4. Nội dung quy định tại khoản 6 Điều 30.

5. Nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31: “Đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có)”.

Điều 4. Bãi bỏ các nội dung quy định tại Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

1. Nội dung quy định tại tiết c điểm 1 khoản 13: “trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận)”.

2. Nội dung quy định tại tiết b điểm 3 khoản 13: “Doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)”.

3. Nội dung quy định tại tiết d điểm 3 khoản 13: “+ Chuyển nhượng vốn kèm theo nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán nợ. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trường hợp này.”

4. Nội dung quy định tại tiết c điểm 1 khoản 16: “trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho cơ quan đại diện chủ sở hữu theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận)”.

5. Nội dung quy định tại tiết b điểm 3 khoản 16: “Cơ quan đại diện chủ sở hữu/tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)”.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.

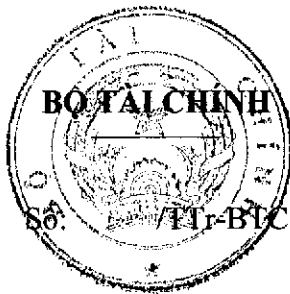
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chỉ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng thành viên công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO
Lấy ý kiến thẩm định của
Bộ Tư pháp

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 25/01/2019 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ tại cuộc họp giao ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp về tình hình sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và phát triển doanh nghiệp năm 2018; nhiệm vụ, giải pháp năm 2019; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019; Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát cơ chế cổ phần hóa, thoái vốn và có công văn số 8993/BTC-TCDN ngày 07/8/2019 báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại văn bản số 8159/VPCP-KTTH ngày 11/9/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).

Dự thảo Nghị định đã được Bộ Tài chính lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, Bộ Tài chính đã tổ chức Hội thảo để lấy ý kiến tham gia trực tiếp của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp. Trên cơ sở ý kiến tham gia về dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân (Bảng tổng hợp kèm theo).

Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (tại công văn số ngày), Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị định) và xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Đánh giá triển khai Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

1.1. Kết quả đạt được

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP được ban hành trong thời gian qua về cơ bản đã tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, khó khăn khi cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) thúc đẩy quá trình tái cơ cấu DNNN trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; các quy định tại các Nghị định đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; công tác xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, xác định giá khởi điểm khi thực hiện thoái vốn bảo đảm tối đa lợi ích của Nhà nước/doanh nghiệp nhà nước, việc tổ chức bán cổ phần lần đầu, thoái vốn được quy định theo hướng công khai, minh bạch tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư tham gia, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển và hạn chế tình trạng lợi ích nhóm, tiêu cực trong việc cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước.

1.1.1. Nghị định số 126/2017/NĐ-CP:

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 với một số nội dung đổi mới cơ bản như bổ sung đối tượng áp dụng Nghị định là các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ; điều chỉnh tiêu chí lựa chọn và có chính sách bán cổ phần phù hợp cho cổ đông chiến lược đối với doanh nghiệp cổ phần hoá (như giảm thời gian hạn chế không được chuyển nhượng cổ phiếu từ 05 năm xuống còn 03 năm; yêu cầu việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược phải thực hiện sau cuộc bán đấu giá công khai với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai...); xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 để doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước. Đồng thời, bổ

sung quy định về xử lý đất đai đối với các doanh nghiệp quản lý nhiều đất đai ở những vị trí có lợi thế thương mại cao; tăng cường xử lý các vấn đề về tài chính trước và trong quá trình cổ phần hoá; quy định không thực hiện điều chỉnh sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực và trách nhiệm của các tổ chức tài chính trung gian, các công ty kiểm toán, tư vấn... Những điểm đổi mới tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đã góp phần khắc phục những hạn chế tồn tại của cơ chế cổ phần hóa doanh nghiệp trước đây, giúp cho việc xác định giá trị doanh nghiệp phản ánh đầy đủ và đảm bảo lợi ích cao nhất cho Nhà nước/DNNN. Kết quả từ năm 2018 đến nay đã có 29 doanh nghiệp nhà nước hoàn thành công tác cổ phần hóa.

1.1.2. Nghị định số 32/2018/NĐ-CP:

Nghị định số 32/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2018 với một số nội dung đổi mới cơ bản như: bổ sung một số quy định về nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác; bổ sung quy định về xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác trong đó yêu cầu xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của nhà nước/DNNN đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hằng năm), giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) theo quy định của pháp luật; bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; bổ sung phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác là thực hiện giao dịch ngoài sàn và phương pháp định sở; bổ sung quy định về ghi nhận vốn đầu tư ra ngoài của DNNN theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) và chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia Hợp đồng BCC và quy định về trách nhiệm của người đại diện vốn nhà nước trong việc thu cổ tức, lợi nhuận được chia vào Ngân sách nhà nước. Với những điểm đổi mới cơ bản nêu trên, Nghị định 32/2018/NĐ-CP đã tạo điều kiện để quá trình chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả theo nguyên tắc thị trường bảo toàn vốn nhà nước/DNNN đầu tư ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong chuyển nhượng vốn của Nhà nước/DNNN.

1.2 Hạn chế, tồn tại:

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thời gian qua cho thấy chính sách về cổ phần hóa, thoái vốn vẫn còn tồn tại một số bất cập, vướng mắc, việc tổ chức triển khai của các doanh nghiệp, địa phương chưa thực sự sát sao, quyết liệt dẫn tới quá trình cổ phần hóa, thoái vốn gặp khó khăn và chưa đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

1.2.1. Những vướng mắc về cơ chế cổ phần hóa doanh nghiệp:

- Về xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống:

Tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định “Đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có)”. Tuy nhiên, quá trình tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa cho thấy căn cứ xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống chưa thực sự rõ ràng, gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn, khó xác định.

- Về khấu trừ tiền thuê đất của giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành:

Tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, khi thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của công ty cổ phần mà có khó khăn vướng mắc thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý.”

Qua rà soát, việc thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm có vướng mắc do quy định tại Luật Đất đai do không có hình thức “khấu trừ vào tiền thuê đất” chỉ có quy định “miễn, giảm tiền thuê đất” theo lĩnh vực và địa bàn, do đó cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Về Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa: Thời gian vừa qua, khó khăn lớn nhất trong công tác cổ phần hóa doanh nghiệp chủ yếu là về đất đai, việc tổ chức thực hiện sắp xếp nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; việc xây dựng và phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của các doanh nghiệp kéo dài; quy định về thời hạn các địa phương có ý kiến về giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp (30 ngày) theo phản ánh của các địa phương là không đủ để thực hiện do đó cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

1.2.2. Những vướng mắc về cơ chế thoái vốn:

- Về xác định giá trị các quyền sở hữu trí tuệ bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử, nhãn hiệu, tên thương mại:

Trong quá trình xác định giá khởi điểm khi thoái vốn, việc xác định giá trị văn hóa, lịch sử theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 59/2018/TT-BTC gặp khó khăn do không có đủ hồ sơ tài liệu, căn cứ xác định giá trị văn hóa, lịch sử chưa rõ ràng do đó gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn.

- Về xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán và giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán khi giao dịch ngoài sàn:

Theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được căn cứ trên giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định và giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn. Trong trường hợp giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà thấp hơn giá sàn thì nhà đầu tư phải thanh toán theo giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn. Quy định nêu trên phát sinh bất cập do nhà đầu tư đã trúng đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng lại phải thanh toán theo giá sàn không phải là giá đặt mua đã trúng của nhà đầu tư. Một số doanh nghiệp có vốn góp phải thoái có tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ (chưa đảm bảo quyền phủ quyết theo Luật doanh nghiệp) và giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp nhà nước phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng gặp khó khăn khi thu thập các tài liệu để xác định giá khởi điểm trong đó có giá trị đất thuê trả tiền hàng năm.

- Về chi phí đối với chuyển nhượng vốn Nhà nước: Theo quy định hiện nay, khi chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ và địa phương) phải căn cứ số tiền thu từ chuyển nhượng và các chi phí liên quan (thuê tư vấn, thuê tổ chức bán đấu giá...) để quyết toán và chuyên tiền thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; trường hợp thiếu thì đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ) hoàn trả.

Theo phản ánh, dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ và địa phương không bố trí nguồn chi hoạt động chuyển nhượng vốn này. Khi thực hiện chỉ đạo xây dựng phương án chuyển nhượng vốn cũng như thuê tư vấn xác định giá khởi điểm, thuê tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá... cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phải thanh toán một phần tiền cho các tổ chức này; mặt khác có những đơn vị chuyển nhượng vốn Nhà nước không thành công đã phải bỏ ra các chi phí và không có nguồn để bù đắp.

- Về hạch toán các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của DNNN: Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp nhà nước bao gồm các khoản thu từ lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con và thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con, các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên... Tuy nhiên, quy định này hiện đang có sự khác biệt với cách ghi nhận, hạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp (phần

ảnh vào doanh thu hoạt động tài chính). Mặc dù việc ghi nhận trên không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cuối cùng nhưng gây lúng túng trong việc hạch toán kế toán và ghi nhận chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Về thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác:

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017) thì DNNN bao gồm cả doanh nghiệp mà Nhà nước góp vốn có tỷ lệ chi phối.

Theo quy định hiện hành, việc thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp mà Nhà nước có vốn góp chi phối ta doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện có ý kiến tham gia khi doanh nghiệp này thoái vốn theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn.

Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 chưa quy định hướng dẫn nguyên tắc, trình tự, phương thức thoái vốn ở các doanh nghiệp này.

Ngoài những hạn chế, vướng mắc nêu trên, trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho thấy một số quy định cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để tăng cường tính phù hợp và đảm bảo điều chỉnh được các tình huống phát sinh trong thực tế (như quy định về điều kiện cổ phần hóa, quy định về cổ phần bán ưu đãi cho người lao động, quy định xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa do nguyên nhân bất khả kháng, quy định về xử lý cổ phần không bán hết và điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả thực hiện phương án cổ phần hóa doanh nghiệp; đầu tư bổ sung vốn nhà nước cho các ngân hàng thương mại mà nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối; sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn công bố thông tin, gửi hồ sơ chuyển nhượng vốn, quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần/chào bán cạnh tranh; về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn...).

II. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Một là, đảm bảo sự thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cùng việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, thông thoáng, thuận lợi cho quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp, thoái vốn của Nhà nước/vốn của DNNN.

Hai là, đảm bảo tính liên tục, tính công bằng trong quá trình sắp xếp cổ phần hoá và thoái vốn của Nhà nước/vốn của DNNN. Kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; đồng thời bổ sung, hoàn chỉnh nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị định nêu trên.

Ba là, nâng cao tính công khai, minh bạch để tăng cường sự giám sát đối với công tác cổ phần hoá, thoái vốn; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để nâng cao hiệu quả công tác cổ phần hoá, thoái vốn của Nhà nước/vốn của DNNN đầu tư tại doanh nghiệp.

III. KẾT CẤU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 05 Điều, trong đó:

1. Điều 1 bao gồm 15 khoản mục sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

2. Điều 2 bao gồm 11 khoản mục sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

3. Điều 3 bao gồm 05 khoản mục bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

4. Điều 4 bao gồm 05 khoản mục bãi bỏ một số nội dung quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

5. Điều 5 quy định về Điều khoản thi hành.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tiếp tục kế thừa các nội dung đã quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và có những điều chỉnh, bổ sung nhằm khắc phục, xử lý những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình triển khai cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước/vốn của nhà nước, Dự thảo Nghị định điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chủ yếu sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau:

1.1. Về xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có) vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa:

Tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: *“Đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có)”*.

Nhiều ý kiến phản ánh việc quy định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có) gây lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn, khó quyết định do không có đủ hồ sơ tài liệu để xác định, không thuyết minh được căn cứ xác định giá trị lịch sử, bề dày truyền thống, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ, địa phương) và các bộ phận tham mưu không có chuyên môn để xác định giá trị này, việc xác định này hoàn toàn mang tính chủ quan gây khó khăn cho cơ quan quyết định đặc biệt là khi có thanh tra, kiểm toán có thể đưa ý kiến chủ quan xác định giá trị khác với quyết định của chủ sở hữu sẽ tạo tâm lý gây thất thoát vốn nhà nước trong khi giá trị thực tế khi cổ phần sẽ do thị trường quyết định khi đấu giá, còn

giá khởi điểm chỉ là một cơ sở giá ban đầu cho các nhà đầu tư tham khảo làm cơ sở đặt mua.

Do đó, dự thảo Nghị định (tại khoản 5 Điều 3) bãi bỏ nội dung quy định về xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có) vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

1.2. Về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thì toàn bộ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (trong đó gồm cả doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa và doanh nghiệp không thuộc diện cổ phần hóa) đều phải xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (Nghị định 167/2017/NĐ-CP đã quy định cụ thể về đối tượng, hồ sơ, trình tự, phương án xử lý, thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất).

Đối với các doanh nghiệp thuộc diện cổ phần hóa, Nghị định 126/2017/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về đối tượng, trình tự, thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa mà tại khoản 1 Điều 13 quy định doanh nghiệp thực hiện rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước thời điểm quyết định cổ phần hóa.

Trong quá trình triển khai cổ phần hóa, theo phản ánh còn có sự lúng túng trong triển khai xây dựng trình duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và việc triển khai xây dựng, phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

Để tách bạch rõ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công với phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp cổ phần hóa, dự thảo Nghị định bãi bỏ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định 126/2017/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định hướng dẫn điều kiện cổ phần hóa phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (tại khoản 1 Điều 1) và trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (tại khoản 10 Điều 1), cụ thể:

- Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp bao gồm:

+ Toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo hình thức: giữ lại tiếp tục sử dụng, chuyển mục đích sử dụng đất và tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

+Toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp được giao, nhận chuyển nhượng và thuê đất hợp pháp theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (nếu có).

- Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về đất đai.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất; giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai đối với những diện tích đất được giao. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

- Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương hoặc khác với mục đích sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Căn cứ ý kiến của các địa phương, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp cấp 2, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp nhà nước phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

- Các diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hóa được giao, nhận chuyển nhượng, thuê đất hợp pháp theo quy định của pháp luật phát sinh từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan.

Để đồng bộ với nội dung sửa đổi trên, dự thảo Nghị định (khoản 11 Điều 1) sửa đổi, bổ sung khoản Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về giá trị quyền sử dụng đất như sau:

Căn cứ giá đất cụ thể được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được thuê) có ý kiến theo quy

định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai, công ty cổ phần thực hiện nộp tiền thuê đất kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, công ty cổ phần có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về tài chính, đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đồng thời, dự thảo Nghị định (khoản 9 Điều 1) sửa đổi khoản 4 Điều 29 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp theo hướng bỏ quy định *tiền thuê đất xác định lại* là một căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

1.3. Về khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê:

Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định: *“Đối với các doanh nghiệp đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thì được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa. Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP mà chưa tính giá trị lợi thế vị trí địa lý thì được áp dụng Nghị định số 59/2011/NĐ-CP không phải tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý và điều chỉnh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.”* Nguyên tắc khấu trừ, trình tự thực hiện và hồ sơ khấu trừ đã được Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần quy định.

Tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: *“Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thì hành, khi thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của công ty cổ phần mà có khó khăn vướng mắc thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý”*.

Qua rà soát, việc thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm có vướng mắc do quy định tại Luật Đất đai do không có hình thức “khấu trừ vào tiền thuê đất” chỉ có quy định “miễn, giảm tiền thuê đất” theo lĩnh vực và địa bàn. Do đó, dự thảo Nghị định (khoản 15 Điều 1) sửa đổi quy định về xử lý đối với giá trị lợi thế vị trí đất thuê mà các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thì hành đã tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng chưa thực hiện phân bổ hết vào chi phí sản xuất kinh doanh và chưa thực hiện khấu trừ vào tiền thuê đất theo hướng công ty cổ

phần thực hiện phân bổ vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đảm bảo công ty cổ phần không bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, công ty cổ phần tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty cổ phần có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

1.4. Về cổ phần hóa các công ty nông, lâm nghiệp

- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp đã quy định cụ thể việc rà soát, đo đạc, lập bản đồ; lập, điều chỉnh, phê duyệt phương án sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; thu hồi và bàn giao đất về địa phương; xử lý đất công ty đang cho thuê, cho mượn; đang bị lấn, chiếm, tranh chấp; đất liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư...

Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ khi cổ phần hóa các công ty này, dự thảo Nghị định (khoản 1 Điều 1) bổ sung điều kiện cổ phần hóa nội dung: *“Đối với các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, có phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.”*

- Tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Thực tế hiện nay việc cổ phần hóa các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước không giữ cổ phần chi phối cho thấy có trường hợp cần thiết phải có nhà đầu tư chiến lược (vì nhà đầu tư chiến lược có các điều kiện ràng buộc khi tham gia đầu tư vào doanh nghiệp cổ phần hóa là các công ty nông, lâm nghiệp - các doanh nghiệp quản lý diện tích đất rừng lớn và có tác động ảnh hưởng đến nhiều đối tượng như người lao động, các hộ nhận khoán và đồng bào dân tộc). Vì vậy, dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 1) bổ sung quy định: *“Riêng các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp không thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa cần thiết lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định cụ thể”*.

1.5. Về xử lý chi phí cổ phần hóa

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chưa quy định về xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa hoặc phải xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (như việc dừng cổ phần hóa Tổng công ty thuốc lá, tạm dừng cổ phần hóa Tổng công ty Giấy Việt Nam).

Vì vậy, dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 1) bổ sung quy định: “*Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.*”

1.6. Về xử lý một số vấn đề về tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp

- Về kiểm kê đối với một số tài sản đặc thù:

Theo phản ánh của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, đối với một số tài sản chuyên ngành, đặc thù (như vệ tinh, cáp quang...) việc kiểm kê tài sản khi cổ phần hóa doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, chi phí kiểm kê rất lớn, không đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Do đó cần bổ sung quy định về kiểm kê đối với các tài sản đặc thù này.

Vì vậy, tại dự thảo Nghị định (khoản 5 Điều 1) sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Nghị định số 127/2017/NĐ-CP nội dung sau: “*Đối với một số tài sản chuyên ngành, đặc thù của các doanh nghiệp cổ phần hóa mà việc tiếp cận tài sản để kiểm kê và đánh giá hiện trạng thực tế của tài sản không đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với bộ quản lý ngành, kỹ thuật có liên quan quyết định phương án kiểm kê phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.*”

- Về tài sản đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành thì khi cổ phần hóa, đối với các tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi phục vụ cho mục đích phúc lợi của người lao động sẽ được bàn giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý. Tuy nhiên, doanh nghiệp (Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam) có ý kiến trong trường hợp tổ chức công đoàn và tập thể người lao động trong công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng các tài sản này thì cần bổ sung quy định để xử lý.

Do đó, dự thảo Nghị định (khoản 6 Điều 1) sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau: “4. Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan khác. Trường hợp tổ chức công đoàn và tập thể người lao động trong công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng các tài sản này thì được tổ chức thanh lý, nhượng bán theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.”

- Về số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

Tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục theo dõi trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được loại trừ khi xác định giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tại khoản 5 Điều 21 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định khi lập báo cáo tài chính để bàn giao sang công ty cổ phần không điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Do đó, dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 3) bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP về việc thực hiện đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Đồng thời, để đảm bảo tính đồng bộ, dự thảo Nghị định (khoản 8 Điều 1) sửa đổi khoản 1 Điều 27 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP theo hướng: “Giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có)”.

Việc đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

- Về cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền:

Tại điểm d khoản 2 điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước (theo giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định này) đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính. Điều 32 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định nguyên tắc xác định giá trị vốn đầu tư của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, trong khi đó điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định số cổ phiếu nhận được sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Để thống nhất nguyên tắc xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, dự thảo Nghị định (khoản 7 Điều 1) quy định: “*Đối với cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước (theo giá được xác định tại thời điểm*

chính thức chuyển sang công ty cổ phần và các nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định này) đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính”.

1.7. Về trình tự bán cổ phần và điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần

Tại Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định việc bán cổ phần lần đầu thực hiện theo quy trình bán đấu giá công khai trước, sau đó mới tổ chức bán cổ phần cho tổ chức công đoàn, người lao động và số lượng cổ phần chưa bán được theo phương án cổ phần hóa sẽ được điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Việc tổ chức bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP không phụ thuộc vào kết quả bán đấu giá công khai (giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và ưu đãi cho người lao động là mệnh giá). Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định về chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần, sau khi đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần việc quản lý và sử dụng vốn góp tại doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Đề thống nhất quá trình bán cổ phần, triển khai cổ phần hóa tách bạch với việc quản lý sử dụng vốn sau khi cổ phần hóa, dự thảo Nghị định (khoản 12 Điều 1) sửa đổi, quy định rõ căn cứ phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn từ chối mua theo phương án cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng. Căn cứ kết quả bán cổ phần, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ, số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được xác định là số cổ phần bán phần vốn nhà nước.

Tại dự thảo Nghị định (khoản 13 Điều 1) sửa đổi về quản lý và sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa cho phù hợp với quy trình và tiến độ bán cổ phần lần đầu, theo đó sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của tổ chức công đoàn và người lao động, Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Mặt khác, theo quy định hiện hành sau khi thu tiền bán cổ phần doanh nghiệp phải nộp giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá và giá vốn (giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra tương ứng với vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp I tại doanh nghiệp cấp II) về Quỹ, sau đó đến khi có quyết toán tại thời điểm đăng ký kinh doanh sẽ hoàn trả lại cho doanh nghiệp hai khoản này (bản chất khoản thu này là của doanh nghiệp). Quy định này dẫn tới doanh nghiệp không được sử dụng ngay giá trị cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá. Để khắc phục, dự thảo Nghị định quy định số tiền thu từ cổ phần hóa được để lại cho doanh nghiệp giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá và giá vốn (giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra tương ứng với vốn đầu tư của doanh

ng nghiệp cấp I tại doanh nghiệp cấp II) trước khi nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

1.8. Về chính sách bán cổ phần cho người lao động:

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chưa quy định không chế về giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động và thời hạn cam kết làm việc của người lao động khi đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi.

Thực tế có trường hợp giá trị của tổng số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động vượt quá giá trị phần vốn nhà nước mà theo quy định hiện hành giá trị ưu đãi được trừ vào vốn nhà nước và có người lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi với thời hạn cam kết tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần vượt quá độ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Để khắc phục tình trạng trên, dự thảo Nghị định (khoản 14 Điều 1) bổ sung quy định: tổng giá trị của số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động tính theo mệnh giá tối đa không vượt quá giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; và số cổ phần người lao động được mua thêm quy định được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến hết thời gian làm việc của người lao động theo chế độ lao động quy định tại Bộ Luật lao động hiện hành.

1.9. Về phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018), giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định khi định giá làm chỉ làm cơ sở xác định giá khởi điểm và doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã công bố.

Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo cơ chế trước Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã công bố trong đó phải thực hiện tăng vốn nhà nước giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật thuế hiện hành giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí không quá 03 năm; để đảm bảo tính thống nhất cho các doanh nghiệp cổ phần hóa trước Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thực hiện, dự thảo Nghị định (khoản 15 Điều 1) bổ sung nội dung các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

1.10. Về tư vấn cổ phần hóa:

Dự thảo Nghị định (khoản 4 Điều 1) sửa đổi, bổ sung một số quy định về tư vấn cổ phần hóa (hình thức lựa chọn tổ chức tư vấn theo giá trị các gói thầu tư vấn định giá và quy định về tiêu chuẩn của các tổ chức tư vấn trong và ngoài nước cung

cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp) để đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định tại Luật Đấu thầu và Luật giá, cụ thể như sau:

- Sửa đổi Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP theo hướng quy định rõ đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 500 triệu đồng cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp; đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng và chỉ có 01 tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về các tổ chức tư vấn trong nước cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp phải được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá. Đồng thời, đối với tổ chức tư vấn nước ngoài phải đáp ứng các tiêu chuẩn tương tự với tổ chức tư vấn trong nước (có uy tín, năng lực, thương hiệu và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (60 tháng hoạt động liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) về một trong các lĩnh vực: Thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp; trong thời gian 03 năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, mỗi năm tổ chức phải thực hiện được ít nhất 30 hợp đồng cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nói trên).

Đồng thời, dự thảo Nghị định (khoản 1 Điều 3) bãi bỏ quy định tại điểm d khoản 5 và điểm c khoản 6 Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định tổ chức tư vấn có ít nhất 03 thẩm định viên về giá đã được Bộ Tài chính cấp thẻ thẩm định viên về giá theo quy định của pháp luật. Các thẩm định viên về giá phải là người có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 với doanh nghiệp đăng ký tham gia tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp chưa có đủ 03 thẩm định viên về giá thì phải có hợp đồng hợp tác liên doanh với các tổ chức định giá trong nước đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

1.11. Về cổ phần hóa đối với doanh nghiệp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả:

Khoản 2 Điều 4 Nghị định 126 quy định đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án mua bán nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp. Trường hợp phương án mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi và hiệu quả thì chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với các doanh nghiệp còn lại thì cơ quan đại diện chủ sở hữu

quyết định chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

So với Nghị định 59/2011/NĐ-CP thì đối tượng các doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp trước khi thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bị thu hẹp và gần như không xảy ra đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần. Trong khi đó những doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa phải chuyển sang hình thức sắp xếp khác hoặc giải thể, phá sản nếu thuộc đối tượng tái cơ cấu thông qua hoạt động mua bán nợ thì có thể đã được chuyển đổi cổ phần hóa.

Để khắc phục bất cập trên, dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 1) sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 126 theo hướng: đối với doanh nghiệp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả, giao cho cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc xây dựng phương án mua bán nợ đảm bảo tính khả thi và hiệu quả để tái cơ cấu doanh nghiệp hoặc chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật, mà không căn cứ vào tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

2.1. Về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước (khoản 4 và khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị định):

2.1.1. Về xác định giá trị các quyền sở hữu trí tuệ bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử, nhãn hiệu, tên thương mại:

Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phân vốn của nhà nước/vốn của doanh nghiệp đầu tư ra ngoài, giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình xác định giá khởi điểm khi thoái vốn, việc xác định giá trị văn hóa, lịch sử theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 59/2018/TT-BTC cho thấy không có đủ hồ sơ tài liệu để xác định, không thuyết minh được căn cứ xác định giá trị văn hóa, lịch sử bằng tỷ lệ tối thiểu 1% trên giá trị thực tế phân vốn nhà nước vào giá khởi điểm, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ, địa phương) và các bộ phận tham mưu không có chuyên môn để xác định giá trị này, việc xác định này hoàn toàn mang tính chủ quan gây khó khăn cho cơ quan quyết định đặc biệt là khi có thanh tra, kiểm toán có thể đưa ý kiến chủ quan xác định giá trị khác với quyết định của chủ sở hữu sẽ tạo tâm lý gây thất thoát vốn nhà nước trong khi giá trị thực tế khi thoái vốn sẽ do thị trường quyết định khi đấu giá, còn giá khởi điểm chỉ là một cơ sở giá ban đầu cho các nhà đầu tư tham khảo làm cơ sở đặt mua. Việc quy định xác định giá trị

lịch sử, văn hóa gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn, khó quyết định.

Để khắc phục bất cập trên, dự thảo Nghị định (khoản 4 và khoản 6 Điều 2) sửa đổi quy định tại tiết c, điểm 1 khoản 12 và tiết c, điểm 1 khoản 15 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP theo hướng bỏ nội dung “*bao gồm các giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có)*” khi xác định giá trị khởi điểm chuyển nhượng vốn.

2.1.2. Về phương pháp định giá

Dự thảo Nghị định quy định tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, đảm bảo giá khởi điểm không được thấp hơn giá khởi điểm tính theo phương pháp tài sản.

Đồng thời, khi xác định giá khởi điểm theo phương pháp tài sản phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2.1.3. Về việc xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán:

Theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được căn cứ trên giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định và giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn. Trong trường hợp giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà thấp hơn giá sàn thì nhà đầu tư phải thanh toán theo giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn. Quy định nêu trên phát sinh bất cập do nhà đầu tư đã trúng đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng lại phải thanh toán theo giá sàn không phải là giá đặt mua đã trúng của nhà đầu tư.

Để khắc phục bất cập trên, dự thảo Nghị định (khoản 1 và khoản 4 Điều 4) bãi bỏ nội dung: “trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận)” tại Khoản 13 và Khoản 16

Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; đồng thời bổ sung nguyên tắc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán theo hướng:

- Mức giá khởi điểm do cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tổng khối lượng cổ phần phải chuyển nhượng có giá trị tính theo mệnh giá dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

2.1.4. Về việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước trong trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán:

Dự thảo Nghị định quy định bổ sung đối với việc xác định giá khởi điểm trong trường hợp chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ nhà nước/doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ của doanh nghiệp góp vốn và giá trị vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trong vốn điều lệ phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng theo hướng: cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp.

2.15. Về việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm:

Nghị định 32/2018/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm nên

gặp khó khăn, vướng mắc và chưa thống nhất trong quá trình triển khai. Do đó dự thảo Nghị định bổ sung quy định này theo hướng:

- Chỉ thực hiện xác định bổ sung phần chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại trong hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất tính theo giá đất tại thời điểm có hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất với tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại tính theo giá đất tại thời điểm xác định giá chuyển nhượng khi xác định giá khởi điểm đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm của doanh nghiệp có vốn nhà nước/doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn.

- Thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất hàng năm làm cơ sở tính toán vào giá khởi điểm là thời gian còn lại trên hợp đồng thuê đất ổn định trong vòng 05 năm đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.1.6. Về quy định xác định giá khởi điểm trong trường hợp thực hiện các phương thức đấu giá, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước

Nghị định số 32/2018/NĐ-CP hiện nay chưa quy định việc xác định lại giá khởi điểm trong trường hợp thực hiện các phương thức đấu giá, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng.

Do đó, dự thảo Nghị định (điểm đ khoản 5 và điểm d khoản 7 Điều 2) sửa đổi, bổ sung theo hướng: Sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước/vốn của DNNN cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch quy định.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm và tiếp tục chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển nhượng mà doanh nghiệp đang triển khai.

2.2. Về đầu tư bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại cổ phần

Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp quy định:

“Điều 16. Phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không thu hút được các nhà đầu tư Việt Nam và nước ngoài đối với doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội;

b) Cần thiết phải duy trì để thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.

2. Chính phủ quy định chi tiết việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tiếp tục duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do mình quyết định thành lập.

....

3. Trường hợp đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có mức vốn tương đương với mức vốn của dự án quan trọng quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư bổ sung sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư”.

Tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định:

“2. Doanh nghiệp được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động trong các ngành, lĩnh vực sau đây:

a) Quản lý, khai thác các cảng hàng không, sân bay; dịch vụ khai thác khu bay;

b) Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa; bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;

c) Dịch vụ thông tin dẫn đường, giám sát, dịch vụ khí tượng hàng không;

d) Khai thác khoáng sản quy mô lớn theo quy định hiện hành về phân loại quy mô mỏ khoáng;

đ) Tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí;

e) Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa;

g) Trồng và chế biến cao su, cà phê tại các địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn chiến lược, miền núi, vùng sâu, vùng xa gắn với quốc phòng, an ninh.”

Theo quy định của Luật và hướng dẫn tại Nghị định nêu trên, các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước.

Triển khai ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 3178/VPCP-KTTH ngày 31/10/2019, trên cơ sở xác định các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối khi tăng vốn điều lệ theo quy định cần được xem xét đầu tư bổ sung vốn để đảm bảo an ninh tiền tệ, dự thảo Nghị định (khoản 2 Điều 2) bổ sung nội dung ngành, lĩnh vực doanh nghiệp được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước như sau: “h) Ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối.” Việc triển khai bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối thực hiện theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 17 Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp nêu trên.

2.3. Về tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn:

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định: Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần từ 10 tỷ đồng trở lên thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước thuê Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức bán đấu giá; Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước lựa chọn thuê Sở Giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản tổ chức bán đấu giá cổ phần.

Tuy nhiên, theo phản ánh của một số doanh nghiệp, việc bán đấu giá cổ phần có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên không nên quy định chỉ thực hiện thông qua Sở Giao dịch chứng khoán mà nên mở rộng cho các công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản để tạo tính cạnh tranh và thúc đẩy quá trình bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn.

Do đó, dự thảo Nghị định (điểm c khoản 5 và điểm c khoản 7 Điều 2) sửa đổi theo hướng: Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Doanh nghiệp nhà nước ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn mà không phân biệt giá trị cổ phần chuyển nhượng tính theo mệnh giá trên 10 tỷ đồng phải thực hiện thông qua Sở giao dịch chứng khoán, dưới 10 tỷ đồng mới được thực hiện thông qua các tổ chức đấu giá khác.

2.4. Về chi phí đối với chuyển nhượng vốn nhà nước

Theo quy định hiện nay, khi chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ và địa phương) phải căn cứ số tiền thu từ chuyển nhượng và các chi phí liên quan (thuê tư vấn, thuê tổ chức bán đấu giá...) để quyết toán và chuyển tiền thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và

phát triển doanh nghiệp; trường hợp thiếu thì đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoàn trả.

Theo phản ánh, dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ và địa phương không bố trí nguồn chi hoạt động chuyển nhượng vốn này. Khi thực hiện chỉ đạo xây dựng phương án chuyển nhượng vốn cũng như thuê tư vấn xác định giá khởi điểm, thuê tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá... cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phải thanh toán một phần tiền cho các tổ chức này và không có nguồn; mặt khác có những đơn vị chuyển nhượng vốn Nhà nước không thành công đã phải bỏ ra các chi phí và đang đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ. Theo Quy chế quản lý Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ thì nội dung chi khác phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Để khắc phục bất cập trên, dự thảo Nghị định (điểm đ khoản 7 Điều 2) bổ sung quy định về chi phí đối với chuyển nhượng vốn nhà nước theo hướng:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ, ngành và địa phương xây dựng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước (bao gồm cả trường hợp chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn) gửi Bộ Tài chính để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để cấp tiền tạm ứng. Mức tạm ứng tối đa 70% tổng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn theo quyết định đã được duyệt cho các Bộ, ngành và địa phương. Đối với các đơn vị đã thực hiện chuyển nhượng vốn Nhà nước nhưng không thành công hoặc đang triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn Nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành số tiền cấp tạm ứng có thể lớn hơn 70% tổng dự toán chi phí chuyển nhượng vốn đã duyệt.

Trên cơ sở kết quả chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn, chi phí chuyển nhượng vốn và thực hiện nộp về Quỹ hoặc có văn bản đề nghị Quỹ cấp bổ sung phần chênh lệch còn thiếu.

Đối với những trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền, giao nhiệm vụ bằng văn bản cho cá nhân lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá, thuê tổ chức đấu giá, thuê tổ chức tư vấn khác có hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chuyển nhượng vốn để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước nhưng không thành công, căn cứ báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn và quyết toán của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định thanh toán chi phí chuyển nhượng vốn cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2.5. Về các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước

Tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP đang quy định các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước (gồm thu từ lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con và thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con; khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty trách

nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân độc lập (hợp đồng BCC); tiền thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước và các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài khác) hạch toán vào thu nhập khác.

Quy định này đang có sự khác biệt với quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 2) sửa đổi quy định phản ánh các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của DNNN là doanh thu hoạt động tài chính để thống nhất khi ghi nhận, hạch toán và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

2.6. Thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017) thì DNNN bao gồm cả doanh nghiệp mà Nhà nước góp vốn có tỷ lệ chi phối. Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có vốn Nhà nước góp ở mức chi phối khi thực hiện thoái vốn góp ở các doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện có ý kiến tham gia khi doanh nghiệp này thoái vốn theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 chưa quy định hướng dẫn nguyên tắc, trình tự, phương thức thoái vốn ở các doanh nghiệp này.

Để đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, thị trường và tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp và tuân thủ nguyên tắc quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, dự thảo Nghị định (khoản 10 Điều 2) bổ sung quy định giao cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này để có ý kiến khi tổ chức thoái vốn ở các doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, theo thị trường và lợi ích cao nhất của các cổ đông trong đó có Nhà nước.

2.7. Nguyên tắc chuyển nhượng vốn; thời hạn công bố thông tin, gửi hồ sơ chuyển nhượng vốn; về đấu giá cổ phần theo lô; chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu; về quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần/chào bán cạnh tranh

- Về nguyên tắc chuyển nhượng vốn:

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định việc chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước phải gắn với phương án cơ cấu lại doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phương án cơ cấu lại doanh nghiệp được phê duyệt một lần cho cả giai đoạn bao gồm nhiều nội dung như cơ cấu lại tài chính, lao động, tổ chức, quản trị... nếu đợi sửa phương án cơ cấu lại doanh nghiệp

sẽ mất nhiều thời gian mà chỉ cần điều chỉnh danh mục chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho phù hợp tình hình thực tế là có thể thực hiện chuyển nhượng vốn.

Do đó, dự thảo Nghị định (điểm a, điểm d khoản 4 Điều 2) sửa đổi quy định về việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo hướng căn cứ vào danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện mà không cần phải đợi sửa phương án cơ cấu lại doanh nghiệp.

- Về thời hạn công bố thông tin:

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định khi chuyển nhượng vốn thông qua chuyển nhượng cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước gửi các văn bản liên quan đến Sở Giao dịch chứng khoán để thực hiện công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn nhưng chưa có quy định thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán thực hiện công bố thông tin.

Dự thảo Nghị định (điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 2) bổ sung quy định về thời hạn công bố thông tin của doanh nghiệp thực hiện thoái vốn thông qua giao dịch trên sàn chứng khoán tối thiểu là 20 ngày trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch (tương tự như quy định về thời hạn công bố thông tin của doanh nghiệp không thực hiện thoái vốn thông qua giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán).

- Việc gửi hồ sơ đấu giá đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định trường hợp chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài thì doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính (tiết b điểm 3 khoản 13); trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/tổ chức đấu giá khi thực hiện công bố thông tin về việc đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đồng thời gửi hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định đến Bộ Tài chính (tiết b điểm 3 khoản 16).

Để đơn giản hóa thủ tục hành chính, dự thảo Nghị định (khoản 2 và khoản 5 Điều 4) bãi bỏ quy định về việc phải gửi hồ sơ đấu giá đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính do hồ sơ này đã được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Về đấu giá cổ phần theo lô:

Tại điểm 8, khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định đấu giá theo lô là cuộc đấu giá trong đó số lượng cổ phần bán đấu giá được xác định theo một hoặc nhiều lô, nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua tối thiểu từ một lô trở lên. Việc chia tổng số cổ phần thành từng lô cổ phần để bán đấu giá theo lô do chủ sở hữu vốn quyết định.

Dự thảo Nghị định (khoản 1 Điều 2) bổ sung quy định rõ cổ phần bán theo lô trong trường hợp bán nhiều lô thì số cổ phần mỗi lô là bằng nhau để thuận lợi hơn trong việc triển khai chuyển nhượng vốn.

- Về chuyển nhượng cổ phần kèm nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ:

Tại tiết d điểm 3 khoản 13 Điều 1 Nghị định 32 quy định việc chuyển nhượng vốn kèm theo nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán nợ thực hiện theo hình thức bán đấu giá theo lô và chưa quy định trong trường hợp bán đấu giá không thành công thì thực hiện các bước công việc tiếp theo như thế nào.

Để nâng cao hiệu quả trong công tác chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu, dự thảo Nghị định (điểm b khoản 5 Điều 2) sửa đổi theo hướng: việc chuyển nhượng vốn kèm theo nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ được thực hiện theo trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này thông qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc các tổ chức có chức năng đấu giá tài sản. Giao Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện trường hợp này.

Đồng thời, để đảm bảo tính thống nhất, dự thảo Nghị định (khoản 3 Điều 4) bãi bỏ quy định tại tiết d điểm 3 khoản 13 Điều 1 Nghị định 32.

- Về quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần/chào bán cạnh tranh

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, mẫu giấy tờ liên quan để tổ chức thực hiện đấu giá sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước.

Quá trình triển khai hiện nay thực hiện cho thấy do chưa có hướng dẫn cụ thể quy chế mẫu bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường/đấu giá theo lô) và chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn nên các quy chế ban hành còn có sự khác nhau và chưa thuận lợi cho công tác chuyển nhượng vốn.

Để đảm bảo hướng dẫn thống nhất, dự thảo Nghị định (điểm b khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 2) bổ sung quy định Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần thông thường/theo lô/chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn của nhà nước/doanh nghiệp nhà nước.

2.8. Về chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước

Tại điểm 11 khoản 13 Nghị định 32/2018/NĐ-CP đã quy định một số nội dung nguyên tắc về nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên để đảm bảo hướng dẫn thống nhất phương thức chuyển nhượng vốn dự thảo Nghị định (điểm g khoản 5 Điều 2) bổ sung nội dung: *“Căn cứ vào nội dung cụ thể của hợp đồng BCC, trường hợp doanh nghiệp nhà nước được phép chuyển nhượng vốn, cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn theo phương thức sau:*

Trường hợp chỉ được phép chuyển nhượng vốn cho các thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trường hợp không có quy định ràng buộc chuyển nhượng vốn cho thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.”

2.9. Về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn

Tại khoản 17 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn có nhận được quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) theo quy định của Luật doanh nghiệp thì chủ sở hữu vốn xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

Trong thực tế, có doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu phải thực hiện chuyển nhượng vốn theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không thực hiện chuyển nhượng mà thực hiện tăng vốn điều lệ để giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp và thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Phương thức này không được xác định là một trong các phương thức chuyển nhượng vốn. Việc triển khai hình thức này cũng sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu từ chuyển nhượng vốn (do không bán bớt vốn nên không thu được tiền chuyển nhượng vốn, giá trị chuyển nhượng quyền mua thấp hơn giá trị chuyển nhượng vốn).

Do đó, dự thảo Nghị định (khoản 8 Điều 2) sửa đổi, bổ sung nội dung theo hướng:

- Doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và phải chuyển nhượng vốn theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này và có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (tại công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) về việc không thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ dẫn tới giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các doanh nghiệp đã có ý kiến biểu quyết về việc không thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhưng do tỷ lệ nắm giữ vốn thấp nên không được Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần hoặc Hội

đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thông qua thì chủ sở hữu vốn mới xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

- Doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và không có trong danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn khi doanh nghiệp thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định.

2.10. Về quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP chưa có nội dung quy định phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Trong thực tế có những vấn đề phát sinh chưa được hướng dẫn cụ thể cần được phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Do đó dự thảo Nghị định (khoản 11 Điều 2) bổ sung nội dung: *“Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu”*.

V. Một số nội dung xin ý kiến các thành viên Chính phủ:

1. Về quy định liên quan đến quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ, việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được thực hiện thông qua Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Ngày 23/9/2019, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 60/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, nghiên cứu trình Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước quy định về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thời gian hoàn thành vào năm 2020.

Bộ Tài chính trình Chính phủ, trong thời gian Nghị định của Chính phủ về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thì việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa, thoái vốn vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành thông qua Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Sau khi có Nghị định của Chính phủ về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực, sẽ thực hiện theo quy định của Chính phủ về thu, sử dụng nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Về xác định giá đất cụ thể trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện thuê đất trả tiền hàng năm:

Tại điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai quy định:

“4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.”

Căn cứ theo quy định tại Luật đất đai, Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định đối với diện tích đất theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo hình thức thuê đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai và trả tiền thuê đất hàng năm theo giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được thuê) quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai. Đồng thời, yêu cầu UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phải có ý kiến chính thức đối với toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa và giá đất cụ thể quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật về đất đai. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Tuy nhiên, Nghị định 126/2017/NĐ-CP chưa quy định rõ trong phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa thì địa phương có phải có ý kiến về giá đất cụ thể đối với đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm hay không.

Bộ Tài chính nhận thấy, từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến trước thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa vẫn là doanh nghiệp nhà nước, chưa thực hiện chuyển đổi sở hữu. Do đó, để quy định rõ việc xác định giá đất cụ thể đối với đất thuê trả tiền thuê đất hàng

năm và thời điểm thực hiện nghĩa vụ theo giá đất cụ thể, cũng như đẩy nhanh việc hoàn thành phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa, tại dự thảo Nghị định (khoản 10 và khoản 11 Điều 1) sửa đổi, bổ sung Điều 30 Nghị định 126/2017/NĐ-CP theo hướng: Trong phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp, địa phương có ý kiến về giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai đối với những diện tích đất được giao theo quy định. Đối với giá đất cụ thể trong trường hợp thuê đất trả tiền hàng năm, công ty cổ phần thực hiện nộp tiền thuê đất kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và không tính tiền thuê đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

3. Về xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn trong trường hợp..

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về thẩm định giá; xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hằng năm), giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Khi xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán phải đảm bảo theo quy định nêu trên. Trường hợp giá khởi điểm xác định theo quy định nêu trên thấp hơn giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn thì lấy giá tham chiếu bình quân này làm giá khởi điểm chuyển nhượng vốn khi giao dịch trên hệ thống giao dịch của thị trường chứng khoán (sau đây gọi là sàn giao dịch chứng khoán) và giao dịch ngoài sàn giao dịch chứng khoán để chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết.

Một số địa phương, doanh nghiệp phản ánh thực tế khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp mà tỷ lệ và giá trị vốn thấp thì tổ chức thẩm định giá không tiếp cận được hồ sơ, tài liệu và có đầy đủ thông tin để thực hiện xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn theo phương pháp tài sản đảm bảo theo nguyên tắc nêu tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP. Do đó, rất khó khăn trong việc xác định giá khởi điểm và thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại các doanh nghiệp này.

Để tháo gỡ khó khăn trong công tác chuyển nhượng vốn, dự thảo Nghị định (khoản 4 và khoản 6 Điều 2) bổ sung quy định đối với trường hợp chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán mà tỷ lệ nhà nước/doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trong vốn điều lệ phải

chuyển nhượng phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng thì doanh nghiệp nhà nước xem xét, quyết định việc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá hoặc tự quyết định mức giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đảm bảo không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp.

V. TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Trên đây là nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Các tài liệu trình kèm theo:

- Dự thảo Nghị định Chính phủ;
- Tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp;
- Báo cáo đánh giá tác động;
- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

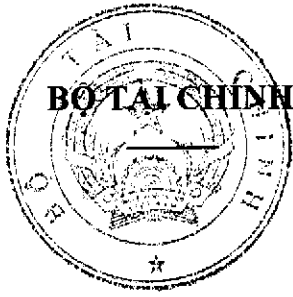
Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Dự thảo Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

(Kèm theo công văn số 15553/BTC-TCDN ngày 23/12/2019)

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP được ban hành trong thời gian qua về cơ bản đã tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, khó khăn khi cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) thúc đẩy quá trình tái cơ cấu DNNN trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước; các quy định tại các Nghị định đã được rà soát, điều chỉnh phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; công tác xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, xác định giá khởi điểm khi thực hiện thoái vốn bảo đảm tối đa lợi ích của Nhà nước/doanh nghiệp nhà nước, việc tổ chức bán cổ phần lần đầu, thoái vốn được quy định theo hướng công khai, minh bạch tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư tham gia, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển và hạn chế tình trạng lợi ích nhóm, tiêu cực trong việc cổ phần hóa, thoái vốn Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thời gian qua cho thấy chính sách về cổ phần hóa, thoái vốn vẫn còn tồn tại một số bất cập, vướng mắc, việc tổ chức triển khai của các doanh nghiệp, địa phương chưa thực sự sát sao, quyết liệt dẫn tới quá trình cổ phần hóa, thoái vốn gặp khó khăn và không đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra. Một số vướng mắc, bất cập cụ thể như sau

1.1. Về cổ phần hóa:

- Xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống:

Tại điểm a khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định “Đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có)”. Tuy nhiên, quá trình tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa cho thấy căn cứ xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống chưa thực sự rõ ràng, gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn, khó xác định.

- Khấu trừ tiền thuê đất của giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành:

Tại khoản 3 Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, khi thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của công ty cổ phần mà có khó khăn vướng mắc thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý.”

Qua rà soát, việc thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm có vướng mắc do quy định tại Luật Đất đai do không có hình thức “khấu trừ vào tiền thuê đất” chỉ có quy định “miễn, giảm tiền thuê đất” theo lĩnh vực và địa bàn, do đó cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa:

Thời gian vừa qua, khó khăn lớn nhất trong công tác cổ phần hóa doanh nghiệp chủ yếu là về đất đai, việc tổ chức thực hiện sắp xếp nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; việc xây dựng và phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của các doanh nghiệp kéo dài; quy định về thời hạn các địa phương có ý kiến về giá đất cụ thể để làm căn cứ xác định giá trị doanh nghiệp (30 ngày) theo phản ánh của các địa phương là không đủ để thực hiện do đó cần phải điều chỉnh cho phù hợp.

1.2. Về cơ chế thoái vốn:

- Xác định giá trị các quyền sở hữu trí tuệ bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử, nhãn hiệu, tên thương mại:

Trong quá trình xác định giá khởi điểm khi thoái vốn, việc xác định giá trị văn hóa, lịch sử theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 59/2018/TT-BTC gặp khó khăn do không có đủ hồ sơ tài liệu, căn cứ xác định giá trị văn hóa, lịch sử chưa rõ ràng do đó gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện và thực tế triển khai gặp khó khăn.

- Xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán và giá bán cổ phần mà nhà đầu tư phải thanh toán khi giao dịch ngoài sàn:

Theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được căn cứ trên giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định và giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn. Trong trường hợp giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà thấp hơn giá sàn thì nhà đầu tư phải thanh toán theo giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng

chuyển nhượng vốn. Quy định nêu trên phát sinh bất cập do nhà đầu tư đã trúng đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng lại phải thanh toán theo giá sàn không phải là giá đặt mua đã trúng của nhà đầu tư.

- Chi phí đối với chuyển nhượng vốn Nhà nước:

Theo quy định hiện nay, khi chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ và địa phương) phải căn cứ số tiền thu từ chuyển nhượng và các chi phí liên quan (thuê tư vấn, thuê tổ chức bán đấu giá...) để quyết toán và chuyển tiền thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; trường hợp thiếu thì đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ) hoàn trả.

Theo phản ánh, dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ và địa phương không bố trí nguồn chi hoạt động chuyển nhượng vốn này. Khi thực hiện chỉ đạo xây dựng phương án chuyển nhượng vốn cũng như thuê tư vấn xác định giá khởi điểm, thuê tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá... cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phải thanh toán một phần tiền cho các tổ chức này; mặt khác có những đơn vị chuyển nhượng vốn Nhà nước không thành công đã phải bỏ ra các chi phí và không có nguồn để bù đắp.

- Về thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác:

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017) thì DNNN bao gồm cả doanh nghiệp mà Nhà nước góp vốn có tỷ lệ chi phối

Theo quy định hiện hành, việc thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp mà Nhà nước có vốn góp chi phối ta doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện có ý kiến tham gia khi doanh nghiệp này thoái vốn theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn.

Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 chưa quy định hướng dẫn nguyên tắc, trình tự, phương thức thoái vốn ở các doanh nghiệp này.

Ngoài những hạn chế, vướng mắc nêu trên, trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ cho thấy một số quy định cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện để tăng cường tính phù hợp và đảm bảo điều chỉnh được các tình huống phát sinh trong thực tế (như quy định về điều kiện cổ phần hóa, quy định về cổ phần bán ưu đãi cho người lao động, quy định xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa do nguyên nhân bất khả kháng, quy định về xử lý cổ phần không bán hết và điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả thực hiện phương án cổ phần hóa doanh nghiệp; đầu tư bổ sung vốn

nhà nước cho các ngân hàng thương mại mà nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối; sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn công bố thông tin, gửi hồ sơ chuyển nhượng vốn quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần/chào bán cạnh tranh; về hạch toán các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của DNNN; về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn...).

2. Mục đích, yêu cầu khi xây dựng chính sách.

2.1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị định của Chính phủ nhằm hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước; trên cơ sở kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi, bổ sung để khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị định nhằm tạo môi trường pháp lý đầy đủ, thông thoáng, thuận lợi cho quá trình cổ phần hoá các doanh nghiệp, thoái vốn của Nhà nước/vốn của DNNN và tăng cường sự giám sát đối với công tác cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước.

2.2. Yêu cầu

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan như: Luật doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...

II. Đánh giá tác động của chính sách:

1. Chính sách 1: Bổ sung quy định về điều kiện cổ phần hóa, yêu cầu doanh nghiệp cổ phần hóa phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (hoặc phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp đối với các công ty TNHH MTV nông, lâm nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn).

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định doanh nghiệp thực hiện rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trước thời điểm quyết định cổ phần hóa. Trong quá trình triển khai cổ phần hóa, theo phản ánh còn có sự lúng túng trong triển khai xây dựng trình duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công dẫn tới tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp bị kéo dài so với kế hoạch.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tách bạch rõ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công với phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của doanh nghiệp cổ phần hóa.

1.3. Nội dung của chính sách

Bổ sung quy định hướng dẫn điều kiện cổ phần hóa phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định hướng dẫn điều kiện cổ phần hóa phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và căn cứ vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong việc lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp, tách biệt rõ quy trình, thẩm quyền phê duyệt từng phương án và do đó tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp sẽ không bị phụ thuộc vào tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà đất.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Doanh nghiệp phải hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất mới được tiến hành cổ phần hóa. Đối với các doanh nghiệp có nhiều cơ sở nhà đất ở nhiều địa phương hoặc cơ sở nhà đất thường xuyên biến động thì đòi hỏi phải tích cực triển khai thực hiện và hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất để thực hiện cổ phần hóa.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy, giải pháp quy định bổ sung điều kiện doanh nghiệp hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất là điều kiện cổ phần hóa đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được.

2. Chính sách 2: Bổ sung quy định về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về đối tượng, trình tự, thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa do đó các doanh nghiệp gặp khó khăn khi triển khai thực tế.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định rõ đối tượng, trình tự, thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

2.3. Nội dung của chính sách

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đại diện chủ sở hữu lựa chọn thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để xây dựng phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng khi cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai). Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) có ý kiến chính thức về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

- Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương hoặc khác với mục đích sử dụng đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng

thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Căn cứ ý kiến của các địa phương, cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp. Riêng doanh nghiệp cấp 2, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch của doanh nghiệp nhà nước phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

2.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa.

2.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong việc lập phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của doanh nghiệp, các quy định rõ ràng, cụ thể về đối tượng, quy trình, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai thực hiện một cách thuận lợi, góp phần đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Luật Đất đai.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Đối với các doanh nghiệp có nhiều cơ sở nhà đất ở nhiều địa phương, việc lập phương án, lấy ý kiến của các địa phương có thể mất nhiều thời gian. Trường hợp địa phương không có ý kiến trong thời gian quy định có thể dẫn tới vượt quá thời gian công bố giá trị doanh nghiệp và phải thực hiện xác định lại giá trị doanh nghiệp, làm phát sinh thêm chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy, giải pháp bổ sung quy định về phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được.

3. Chính sách 3: Phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp và vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước Nghị định số 59/2011/NĐ-CP

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “*Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, khi thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của công ty cổ phần mà có khó khăn vướng mắc thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý*”.

Qua rà soát, việc thực hiện khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm có vướng mắc do quy định tại Luật Đất đai do không có hình thức “khấu trừ vào tiền thuê đất” chỉ có quy định “miễn, giảm tiền thuê đất” theo lĩnh vực và địa bàn. Do đó cần phải sửa đổi quy định về việc khấu trừ giá trị vị trí địa lý tiền thuê đất đã tính vào giá trị doanh nghiệp và vốn nhà nước khi cổ phần hóa doanh nghiệp theo Nghị định trước Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xử lý giá trị vị trí địa lý giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp và vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

3.3. Nội dung của chính sách

Sửa đổi quy định về xử lý đối với giá trị lợi thế vị trí đất thuê mà các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đã tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng chưa thực hiện phân bổ hết vào chi phí sản xuất kinh doanh và chưa thực hiện khấu trừ vào tiền thuê đất theo hướng công ty cổ phần thực hiện phân bổ vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đảm bảo công ty cổ phần không bị lỗ. Sau thời hạn 03 năm, công ty cổ phần tiếp tục phân bổ vào chi phí phần giá trị còn lại (nếu có) và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Doanh nghiệp được phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng vốn nhà nước vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế trong quy định về khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý, tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp xử lý khoản giá trị lợi thế kinh doanh đã tính tăng vốn nhà nước khi cổ phần hóa.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Đối với các doanh nghiệp có giá trị lợi thế vị trí lớn, việc phân bổ giá trị lợi thế có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh cũng như nguồn thu từ cổ tức mà nhà nước nhận được.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy, giải pháp bổ sung quy định doanh nghiệp được phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được.

4. Chính sách 4: Xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa hoặc phải xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chưa có quy định về xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa hoặc phải xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Doanh nghiệp có cơ sở pháp lý để xử lý chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa hoặc phải xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4.3. Nội dung của chính sách

Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Doanh nghiệp được hạch toán chi phí khi phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

4.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế do chưa có quy định về xử lý về chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải tạm dừng cổ phần hóa hoặc phải xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp triển khai thực hiện.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Việc cho phép hạch toán chi phí khi phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế có thể tác động làm giảm lợi nhuận sau thuế còn lại nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy, giải pháp bổ sung quy định doanh nghiệp được phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực có thể chấp nhận được.

5. Chính sách 5: Về xử lý một số vấn đề về tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chưa có quy định về xử lý kiểm kê đối với một số tài sản đặc thù, chuyên ngành; về xử lý tài sản đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp; về cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Doanh nghiệp có cơ sở pháp lý để xử lý một số vấn đề về tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

5.3. Nội dung của chính sách

- Về kiểm kê đối với một số tài sản đặc thù:

Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 127/2017/NĐ-CP nội dung sau: “Đối với một số tài sản chuyên ngành, đặc thù của các doanh nghiệp cổ phần hóa mà

việc tiếp cận tài sản để kiểm kê và đánh giá hiện trạng của tài sản không đảm bảo tính khả thi và hiệu quả, cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với bộ quản lý ngành, kỹ thuật có liên quan quyết định phương án kiểm kê phù hợp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm kê.”

- Về tài sản đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như sau: “4. Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý. Trường hợp tổ chức công đoàn và tập thể người lao động trong công ty cổ phần không có nhu cầu sử dụng các tài sản này thì được tổ chức thanh lý, nhượng bán theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.”

- Về cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước theo giá được xác định tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.

5.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung các quy định để xử lý các vấn đề tài chính phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

5.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được những tồn tại, hạn chế do chưa có quy định xử lý các vấn đề tài chính để tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp triển khai thực hiện, xử lý được các tồn tại vướng mắc trong thực tế và góp phần đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là

thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực/chi phí.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp bổ sung quy định về xử lý một số vấn đề về tài chính khi cổ phần hóa doanh nghiệp đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.

6. Chính sách 6: Chính sách bán cổ phần cho người lao động

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP chưa quy định khống chế về giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động và thời hạn cam kết làm việc của người lao động khi đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi.

Thực tế có trường hợp giá trị của tổng số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động vượt quá giá trị phần vốn nhà nước mà theo quy định hiện hành giá trị ưu đãi được trừ vào vốn nhà nước và có người lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi với thời hạn cam kết tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần vượt quá độ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh chính sách bán cổ phần cho người lao động cho phù hợp với thực tế phát sinh và thống nhất với quy định tại Bộ Luật lao động.

6.3. Nội dung của chính sách

Bổ sung quy định tổng giá trị của số cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động tính theo mệnh giá tối đa không vượt quá giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp; và số cổ phần người lao động được mua thêm quy định được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến hết thời gian làm việc của người lao động theo chế độ lao động quy định tại Bộ Luật lao động hiện hành.

6.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về chính sách bán cổ phần cho người lao động.

6.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được bất cập do chưa quy định khống chế về giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động và thời hạn cam kết làm việc của người lao động khi đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi để điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tế đảm bảo quy định chặt chẽ, đầy đủ hơn.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ

tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đồng bộ với quy định tại Bộ Luật lao động.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Thực tế người lao động sau khi hết thời gian làm việc theo chế độ lao động quy định tại Bộ Luật lao động có thể tiếp tục ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp cổ phần hóa nhưng không được tính thời gian để được mua thêm cổ phần.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về chính sách bán cổ phần cho người lao động đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực chấp nhận được.

7. Chính sách 7: Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018), giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp được xác định khi định giá làm chỉ làm cơ sở xác định giá khởi điểm và doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã công bố.

Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo cơ chế trước Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đã công bố trong đó phải thực hiện tăng vốn nhà nước giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, cần bổ sung quy định về xử lý giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý để xử lý giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

7.3. Nội dung của chính sách

Bổ sung nội dung các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

7.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước Nghị

định số 126/2017/NĐ-CP.

7.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục được bất cập do chưa quy định về việc xử lý giá trị lợi thế kinh doanh đã xác định vào giá trị doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước Nghị định số 126/2017/NĐ-CP để doanh nghiệp có cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, đảm bảo quy định chặt chẽ, đầy đủ hơn.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đồng bộ với quy định của pháp luật về thuế.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về chính sách bán cổ phần cho người lao động đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

8. Chính sách 8: Chính sách bán cổ phần lần đầu và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ.

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Điều 37 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định việc bán cổ phần lần đầu thực hiện theo quy trình bán đấu giá công khai trước, sau đó mới tổ chức bán cổ phần cho tổ chức công đoàn, người lao động và số lượng cổ phần chưa bán được theo phương án cổ phần hóa sẽ được điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Do đó, trường hợp tổ chức công đoàn và người lao động từ chối mua cổ phần thì số cổ phần này sẽ thực hiện bán thỏa thuận theo như quy định về xử lý số cổ phần bán đấu giá công khai chưa bán hết. Trong khi thực tế nhà đầu tư tại cuộc bán đấu giá công khai vẫn có nhu cầu mua cổ phần nhưng bị hạn chế về số lượng bán.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý để tối đa hóa hiệu quả thực hiện phương án bán cổ phần lần đầu.

8.3. Nội dung của chính sách

Sửa đổi, quy định rõ căn cứ phương án cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Ban chỉ đạo cổ phần hóa thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp. Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn từ chối mua theo phương án cổ phần hóa, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng. Căn cứ kết quả bán cổ phần, Ban chỉ đạo cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ, số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được xác định là số cổ phần bán phần vốn nhà nước.

8.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về trình tự bán cổ phần và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần.

8.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Việc sửa đổi trình tự bán cổ phần tạo điều kiện để có thể tiếp tục bán đấu giá số cổ phần mà tổ chức công đoàn và người lao động từ chối mua tại cuộc bán đấu giá công khai, góp phần tối đa hóa hiệu quả của phương án bán cổ phần lần đầu và tăng nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Sau khi thực hiện bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động, doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện các thủ tục để công khai thông tin bổ sung số lượng cổ phần mà tổ chức công đoàn và người lao động từ chối mua vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai so với phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về Chính sách bán cổ phần lần đầu và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực là chấp nhận được.

9. Chính sách 9: Xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Trong quá trình xác định giá khởi điểm khi thoái vốn, việc xác định giá trị văn hóa, lịch sử theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 59/2018/TT-BTC cho thấy khó xác định và gây nhiều lúng túng trong quá trình thực hiện.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn được căn cứ trên giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định và giá tham chiếu bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán trước ngày công bố thông tin thực hiện bán cổ phần chuyển nhượng vốn. Trong trường hợp giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) mà thấp hơn giá sàn thì nhà đầu tư phải thanh toán theo giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn. Quy định nêu trên phát sinh bất cập do nhà đầu tư đã trúng đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh hoặc ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng lại phải thanh toán theo giá sàn không phải là giá đặt mua đã trúng của nhà đầu tư.

Nghị định 32/2018/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm nên gặp khó khăn, vướng mắc và chưa thống nhất trong quá trình triển khai.

Nghị định số 32/2018/NĐ-CP hiện nay chưa quy định việc xác định lại giá khởi điểm trong trường hợp thực hiện các phương thức đấu giá, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước cần chuyển nhượng.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý để tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong việc xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn.

9.3. Nội dung của chính sách

- Sửa đổi quy định tại tiết c, điểm 1 khoản 12 và tiết c, điểm 1 khoản 15 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP theo hướng bỏ nội dung “bao gồm các giá trị văn hóa, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có)” khi xác định giá trị khởi điểm chuyển nhượng vốn.

- Bãi bỏ nội dung: “trường hợp trong ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận) mà giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần tính theo giá sàn cao hơn giá thanh toán được xác định phù hợp với từng phương thức chuyển nhượng (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận) thì nhà đầu tư phải thanh toán tiền mua cổ phần cho cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước theo giá giao dịch là giá sàn của ngày mở cuộc đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (đối với phương thức thỏa thuận)” tại Khoản 13 và Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; đồng thời bổ sung nguyên tắc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn tại các công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán theo hướng:

Mức giá khởi điểm do cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

Đồng thời, bổ sung quy định tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm, đảm bảo giá khởi điểm không được thấp hơn giá khởi điểm tính theo phương pháp tài sản. Khi xác định giá khởi điểm theo phương pháp tài sản phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định cụ thể về việc xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm theo hướng: Chỉ thực hiện xác định bổ sung phần chênh lệch (nếu có) giữa tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại trong hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất tính theo giá đất tại thời điểm có hợp đồng hoặc quyết định cho thuê đất với tiền thuê đất của thời hạn thuê đất còn lại tính theo giá đất tại thời điểm xác định giá chuyển nhượng khi xác định giá khởi điểm đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm của doanh nghiệp có vốn nhà nước/doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước đang trực tiếp ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Đối với trường hợp doanh nghiệp thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất thuê được miễn tiền thuê đất được loại trừ khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn; Thời gian còn lại của hợp đồng thuê đất hàng năm làm cơ sở tính toán vào giá khởi điểm là thời gian còn lại trên hợp đồng thuê đất ổn định trong vòng 05 năm đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Bổ sung quy định sau khi thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước/vốn của DNNN cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch quy định.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm và tiếp tục chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển nhượng mà doanh nghiệp đang triển khai.

9.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước.

9.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước khắc phục được những bất cập đã nêu trên và tạo cơ sở pháp lý để việc triển khai xác định giá khởi điểm thuận lợi hơn, góp phần đẩy nhanh tiến trình thoái vốn của nhà nước/doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về Chính sách bán cổ phần lần đầu và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ đem lại nhiều tác động tích cực và không làm phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

10. Chính sách 10: Đầu tư bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại cổ phần

10.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và hướng dẫn tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP thì các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối không thuộc ngành, lĩnh vực được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước.

Trên cơ sở xác định các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối khi tăng vốn điều lệ theo quy định cần được xem xét đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước nhằm đảm bảo thực thi chính sách tiền tệ và an ninh tiền tệ quốc gia.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý để làm căn cứ duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối.

10.3. Nội dung của chính sách

Ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối thuộc ngành, lĩnh vực doanh nghiệp được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước.

10.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định Ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối thuộc đối tượng doanh nghiệp được nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước.

10.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo cơ sở pháp lý để thực hiện đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối, đảm bảo thực thi chính sách tiền tệ và an ninh tiền tệ quốc gia.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Việc bổ sung các ngân hàng thương mại mà nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối vào đối tượng được đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước có thể ảnh hưởng đến nguồn thu từ cổ tức mà nhà nước nhận được.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về Chính sách đầu tư bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại cổ phần đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực là chấp nhận được.

11. Chính sách 11: Chi phí đối với chuyển nhượng vốn nhà nước

11.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện nay, khi chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu (là các Bộ và địa phương) phải căn cứ số tiền thu từ chuyển nhượng và các chi phí liên quan (thuê tư vấn, thuê tổ chức bán đấu giá...) để quyết toán và chuyển tiền thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp; trường hợp thiếu thì đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp hoàn trả.

Theo phản ánh, dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ và địa phương không bố trí nguồn chi hoạt động chuyển nhượng vốn này. Khi thực hiện chỉ đạo xây dựng phương án chuyển nhượng vốn cũng như thuê tư vấn xác định giá khởi điểm, thuê tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá... cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phải thanh toán một phần tiền cho các tổ chức này và không có nguồn; mặt khác có những đơn vị chuyển nhượng vốn Nhà nước không thành công đã phải bỏ ra các chi phí và đang đề nghị Bộ Tài chính xuất Quỹ. Theo Quy chế quản lý Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ thì nội dung chi khác phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước để các cơ quan đại diện chủ sở hữu có căn cứ triển khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn.

11.3. Nội dung của chính sách

Bổ sung quy định cho phép được sử dụng nguồn từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để cấp cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu có nguồn kinh phí chi trả các chi phí phát sinh trong quá trình chuyển nhượng vốn. Trên cơ sở quyết toán tiền thu từ chuyển nhượng vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện nộp bổ sung tiền thu từ chuyển nhượng vốn hoặc đề nghị Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp cấp bổ sung kinh phí.

11.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước.

11.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo điều kiện cho cơ quan đại diện chủ sở hữu có nguồn kinh phí để chi trả cho các chi phí phát sinh khi triển khai thực chuyển nhượng vốn cũng như xử lý các trường hợp đã chuyển nhượng vốn nhưng không thành công và không có nguồn bù đắp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ

tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Việc quy định rõ về chi phí chuyển nhượng vốn nhà nước có thể ảnh hưởng đến nguồn Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để chi trả.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về Chính sách đầu tư bổ sung vốn cho các ngân hàng thương mại cổ phần đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực là chấp nhận được.

12. Chính sách 12: Mở rộng đối tượng được tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn

12.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định: Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần từ 10 tỷ đồng trở lên thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước thuê Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức bán đấu giá; Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần dưới 10 tỷ đồng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước lựa chọn thuê Sở Giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp có chức năng bán đấu giá tài sản tổ chức bán đấu giá cổ phần.

Tuy nhiên, theo phản ánh của một số doanh nghiệp, việc bán đấu giá cổ phần có giá trị tính theo mệnh giá từ 10 tỷ đồng trở lên không nên quy định chỉ thực hiện thông qua Sở Giao dịch chứng khoán mà nên mở rộng cho các công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản để tạo tính cạnh tranh và thúc đẩy quá trình bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn.

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về các tổ chức đấu giá chuyển nhượng vốn để khắc phục vấn đề bất cập.

12.3. Nội dung của chính sách

Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Doanh nghiệp nhà nước ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn mà không phân biệt giá trị cổ phần chuyển nhượng tính theo mệnh giá trên 10 tỷ đồng phải thực hiện thông qua Sở giao dịch chứng khoán, dưới 10 tỷ đồng mới được thực hiện thông qua các tổ chức đấu giá khác.

12.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn bao

gồm Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

12.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo điều kiện để cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp nhà nước có thể lựa chọn tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn, chủ động trong công tác chuyển nhượng vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước và góp phần tạo tính cạnh tranh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của tổ chức đấu giá.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật về chứng khoán.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Đối với Sở Giao dịch chứng khoán, việc sửa đổi quy định này có thể ảnh hưởng đến khối lượng hợp đồng thuê tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn do tính cạnh tranh ngày càng cao khi có thêm các tổ chức thực hiện đấu giá.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định mở rộng đối tượng được tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng vốn đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực là chấp nhận được.

13. Chính sách 13: Thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác

13.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017) thì doanh nghiệp bao gồm cả doanh nghiệp mà Nhà nước góp vốn có tỷ lệ chi phối. Theo quy định hiện hành các doanh nghiệp có vốn Nhà nước góp ở mức chi phối khi thực hiện thoái vốn góp ở các doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện có ý kiến tham gia khi doanh nghiệp này thoái vốn theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày

13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 chưa quy định hướng dẫn nguyên tắc, trình tự, phương thức thoái vốn ở các doanh nghiệp này.

13.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác để khắc phục vấn đề bất cập.

13.3. Nội dung của chính sách

Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này để có ý kiến khi tổ chức thoái vốn ở các doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, theo thị trường và lợi ích cao nhất của các cổ đông trong đó có Nhà nước.

13.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp

13.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước có thể vận dụng các quy định về thoái vốn nhà nước/vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp để triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư vào doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Tác động tiêu cực/chi phí:

Quy định này mang tính chất vận dụng nên việc triển khai thực tế tại từng doanh nghiệp có thể khác nhau, không thống nhất.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước tại các

doanh nghiệp khác đem lại nhiều tác động tích cực và tác động tiêu cực là chấp nhận được.

14. Chính sách 14: Đấu giá cổ phần theo lô; quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần, chào bán cạnh tranh

14.1. Xác định vấn đề bất cập

- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định đấu giá theo lô là cuộc đấu giá trong đó số lượng cổ phần bán đấu giá được xác định theo một hoặc nhiều lô, nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua tối thiểu từ một lô trở lên. Việc chia tổng số cổ phần thành từng lô cổ phần để bán đấu giá theo lô do chủ sở hữu vốn quyết định. Tuy nhiên trong trường hợp bán nhiều lô thì số cổ phần mỗi lô được xác định như thế nào thì chưa có quy định cụ thể.

- Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định việc chuyển nhượng vốn kèm theo nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán nợ thực hiện theo hình thức bán đấu giá theo lô và chưa quy định trong trường hợp bán đấu giá không thành công thì thực hiện các bước công việc tiếp theo như thế nào.

- Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, mẫu giấy tờ liên quan để tổ chức thực hiện đấu giá sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước. Quá trình triển khai hiện nay cho thấy do chưa có hướng dẫn cụ thể quy chế mẫu bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường/đấu giá theo lô) và chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn nên các quy chế ban hành còn có sự khác nhau và chưa thuận lợi cho công tác chuyển nhượng vốn.

14.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về bán đấu giá cổ phần theo lô trong đó có đấu giá theo lô cổ phần kèm nợ phải thu của tổ chức có chức năng mua, bán nợ và quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần, chào bán cạnh tranh.

14.3. Nội dung của chính sách

- Quy định cổ phần bán theo lô trong trường hợp bán nhiều lô thì số cổ phần mỗi lô là bằng nhau.

- Việc chuyển nhượng vốn kèm theo nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ được thực hiện theo trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này thông qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc các tổ chức có chức năng đấu giá tài sản.

- Quy định Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần thông thường/theo lô/chào bán cạnh tranh để chuyển nhượng vốn của nhà nước/doanh nghiệp nhà nước.

14.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về khái niệm đấu giá cổ phần theo lô, quy định về các phương thức chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu đối với doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ và giao Bộ Tài chính ban hành Quy

chế mẫu bán đấu giá cổ phần thông thường, theo lô và chào bán cạnh tranh.

14.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo thuận lợi hơn trong việc triển khai chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp sửa đổi, bổ sung quy định về bán đấu giá theo lô và quy chế mẫu bán đấu giá cổ phần, chào bán cạnh tranh đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.

15. Chính sách 15: Chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước

15.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định 32/2018/NĐ-CP đã quy định một số nội dung nguyên tắc về nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên cần bổ sung quy định để đảm bảo hướng dẫn thống nhất phương thức chuyển nhượng vốn.

15.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước để khắc phục vấn đề bất cập.

15.3. Nội dung của chính sách

Căn cứ vào nội dung cụ thể của hợp đồng BCC, trường hợp doanh nghiệp nhà nước được phép chuyển nhượng vốn, cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn theo phương thức sau:

Trường hợp chỉ được phép chuyển nhượng vốn cho các thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh

ng nghiệp nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trường hợp không có quy định ràng buộc chuyển nhượng vốn cho thành viên tham gia hợp đồng BCC thì áp dụng phương thức chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần chưa niêm yết quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

15.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Bổ sung quy định về các phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước.

15.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn để doanh nghiệp nhà nước triển khai chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC).

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư tham gia trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của doanh nghiệp nhà nước đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.

16. Chính sách 16: Các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước

16.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước (gồm thu từ lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con và thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con; khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp

nhân độc lập (hợp đồng BCC); tiền thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước và các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài khác) hạch toán vào thu nhập khác.

Quy định này đang có sự khác biệt với quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp, mặc dù không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng gây lúng túng cho doanh nghiệp khi ghi nhận, hạch toán và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

16.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước để thống nhất khi ghi nhận, hạch toán và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

16.3. Nội dung của chính sách

Các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Các khoản thu từ lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ tại công ty con và thu khoản chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của công ty con.

- Các khoản lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền từ hoạt động đầu tư vốn vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; các khoản thu theo chế độ kế toán hiện hành của việc đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân độc lập (hợp đồng BCC); tiền thu từ giải thể, phá sản doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp nhà nước và các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài khác.

- Việc quản lý, hạch toán, xử lý các khoản thu từ cổ phần hóa thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa hiện hành.

16.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi quy định về việc ghi nhận các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

16.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu, thống nhất khi ghi nhận, hạch toán và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong triển khai thực hiện.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực, chi phí.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về việc ghi nhận các khoản thu từ đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.

17. Chính sách 17: Chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn

17.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn có nhận được quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) theo quy định của Luật doanh nghiệp thì chủ sở hữu vốn xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

Trong thực tế, có doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu phải thực hiện chuyển nhượng vốn theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không thực hiện chuyển nhượng mà thực hiện tăng vốn điều lệ để giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp và thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần và quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Phương thức này không được xác định là một trong các phương thức chuyển nhượng vốn. Việc triển khai hình thức này cũng sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu từ chuyển nhượng vốn (do không bán bớt vốn nên không thu được tiền chuyển nhượng vốn, giá trị chuyển nhượng quyền mua thấp hơn giá trị chuyển nhượng vốn).

17.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn để khắc phục vấn đề bất cập.

17.3. Nội dung của chính sách

Doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và phải chuyển nhượng vốn theo danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định này và có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (tại công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) về việc không thực

hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ dẫn tới giảm tỷ lệ vốn góp do chủ sở hữu đang nắm giữ tại doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại các doanh nghiệp đã có ý kiến biểu quyết về việc không thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ nhưng do tỷ lệ nắm giữ vốn thấp nên không được Đại hội đồng cổ đông của công ty cổ phần hoặc Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên thông qua thì chủ sở hữu vốn mới xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

Doanh nghiệp không thuộc ngành, lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư thêm vốn và không có trong danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì chủ sở hữu vốn chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước/người đại diện phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện xây dựng phương án chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn khi doanh nghiệp thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định.

17.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn.

17.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn để cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp nhà nước triển khai chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về chuyển nhượng quyền mua cổ phần (tại công ty cổ phần) và quyền góp vốn (tại

công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) của chủ sở hữu vốn đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.

18. Chính sách 18: Quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

18.1. Xác định vấn đề bất cập

Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP chưa có nội dung quy định phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Trong thực tế có những vấn đề phát sinh chưa được hướng dẫn cụ thể cần được phân cấp cho Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

18.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quy định về quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp để khắc phục vấn đề bất cập.

18.3. Nội dung của chính sách

Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

18.4. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

18.5. Đánh giá tác động của phương án đề xuất

a) Tác động tích cực/lợi ích

- Tác động về kinh tế - xã hội:

Khắc phục bất cập đã nêu và tạo cơ sở pháp lý để Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý các nội dung đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp chưa được quy định cụ thể nhằm tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn.

- Tác động về giới: Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách

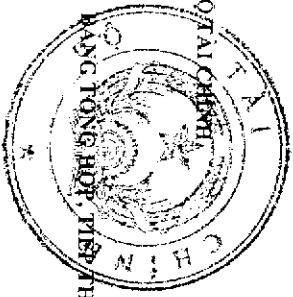
được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

- Tác động của thủ tục hành chính: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- Giải pháp không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp; đồng thời, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Tác động tiêu cực/chi phí: Không phát sinh tác động tiêu cực.

Qua đánh giá tác động của giải pháp cho thấy giải pháp quy định về Quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ trong việc xử lý, quyết định các vấn đề đặc thù, các nội dung phát sinh trong quá trình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đem lại nhiều tác động tích cực và không phát sinh tác động tiêu cực.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia		Ý kiến của Bộ Tài chính		Chức vụ
1. Tổng công ty Thương mại Sài Gòn (Văn bản số 1490/TCT-KH&DTTC ngày 12/12/2019)				
1.1 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP				
<p>1. Tại điểm b khoản 3 Điều 6. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần "Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc danh mục nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quy định tại quyết định của Thủ tướng Chính phủ" Trường hợp có những doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần khi cổ phần hóa muốn liên kết với các nhà đầu tư có tiềm lực để huy động được nguồn lực tài chính, tiếp cận trình độ, kinh nghiệm quản lý, công nghệ sản xuất hiện đại, mở rộng thị trường ra bên ngoài của các đối tác chiến lược, nếu thực hiện theo quy định trên thì không thể thực hiện được, có thể đây là điểm nghẽn đối với doanh nghiệp. Đề nghị nghiên cứu sửa theo hướng mở đề doanh nghiệp vận dụng trong trường hợp cụ thể.</p>	<p>Giữ nguyên vì các doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước nắm giữ chi phối thì các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần không hạn chế và không bị ràng buộc bởi các điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp; những doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối nếu cần mới lựa chọn nhà đầu tư chiến lược hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần theo các tiêu chí cam kết cụ thể.</p>			
<p>2. Theo Quyết định 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối khi cổ phần hóa, tuy nhiên tại Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg điều chỉnh tỷ lệ vốn điều lệ, sau khi hoàn thành phương án cổ phần hóa nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, sau khi hoàn thành phương án bán và chuyển sang công ty cổ phần thì phải xây dựng phương án thoái vốn để nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ theo Quyết định số 58. Đối với trường hợp này, khi xây dựng phương án cổ phần hóa, doanh nghiệp có được bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược không. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.</p>	<p>Sau khi cổ phần hóa hoạt động theo Luật doanh nghiệp, việc thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định của Luật 69 và các Nghị định hướng dẫn của Chính phủ. Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược thực hiện theo quy định của pháp luật cổ phần.</p>			
3. Tài khoản 3 Điều 12. Tư vấn cổ phần hóa				

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Trong thực tế, khi chọn đơn vị tư vấn có phân hóa đa phần các doanh nghiệp đều hướng đến chọn đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng để làm tư vấn trọn gói (xác định giá trị doanh nghiệp, xây dựng phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ doanh nghiệp, phương án bán cổ phần lần đầu ra công chúng...), hợp đồng tư vấn đối với trường hợp này thông thường có xác định giá trị của từng phần công việc, có thể phần xác định giá trị doanh nghiệp có chi phí tư vấn thấp hơn 03 tỷ đồng và chắc chắn là khi doanh nghiệp cổ phần hóa gửi thông báo mời thầu thì có rất nhiều đơn vị tư vấn gửi hồ sơ tham gia đấu thầu và như vậy thì điều kiện chi có 1 tổ chức đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp rất khó khăn</p>	<p>Tiếp thu đã bổ sung nội dung quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định</p>	
<p>Liên quan đến việc thực hiện lựa chọn đấu thầu để lựa chọn đơn vị tư vấn có các quy định: Điều 16 Luật đấu thầu; khoản 2 Điều 104 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; khoản 7 Điều 35 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016; Căn cứ các quy định nêu trên để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật trong việc lựa chọn nhà thầu làm đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp thì hầu hết các thành viên Tổ giúp việc, thành viên Ban chỉ đạo và nhân sự doanh nghiệp có phân hóa không đủ điều kiện để tham gia xét thầu. Thực tế hiện nay, các đơn vị tư vấn tổ chức phát hành hồ sơ mời thầu, xây dựng các tiêu chí để đánh giá hồ sơ, xét duyệt hồ sơ mời thầu, xây dựng các tiêu chí đánh giá hồ sơ, xét duyệt hồ sơ thầu đối với lĩnh vực tư vấn cổ phần hóa rất ít, chủ yếu là tư vấn lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị. Đề nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn nội dung này để việc lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa được thực hiện thông suốt.</p>	<p>Tiếp thu đã bổ sung nội dung quy định tại khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định</p>	
1.2 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-CP		
1. Tại điểm b khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về mức giá khởi điểm		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Trong thực tế có thể xảy ra giá khởi điểm do đơn vị tư vấn đưa ra cao hơn giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp giao dịch và cao hơn giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày. Ở đây cần làm rõ mức giá tại ngày đầu giá có phải là giá tham chiếu hay không? Giá tham chiếu là giá tham khảo để các nhà đầu tư làm cơ sở để đánh giá hay thực hiện mua, bán. Giá tham chiếu hôm nay chính là giá đóng cửa ngày hôm qua, là giá cơ sở để xác định giá trần, giá sàn của cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán. Do đó đối với các doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn chứng khoán, thiết nghĩ cơ sở để các nhà đầu tư tham gia đầu giá cần xoay quanh giá khởi điểm đã được phê duyệt trong phương án chuyển nhượng vốn, trong quá trình đầu giá, các nhà đầu tư sẽ đánh giá tìm năng phát triển của doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý để nắm giữ cổ phần, tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp, cổ phiếu sẽ được phân phối theo giá từ cao đến thấp cho các nhà đầu tư. Để nghị xem xét điều chỉnh đưa ra một mức giá cụ thể để nhà đầu tư và doanh nghiệp thoải mái chọn làm cơ sở để thực hiện.</p>	<p>Tiếp thu đã bổ sung nội dung quy định tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định</p>	
<p>2. Tại khoản 7 Điều 2 dự thảo quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn</p> <p>Qua thực tế hoạt động cho thấy khi doanh nghiệp thực hiện phương án phát hành thêm vốn để tăng vốn điều lệ, Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên có thông báo cho các cổ đông/thành viên góp vốn trong thời gian ngắn, trong khi đó việc xác định giá khởi điểm mất rất nhiều thời gian do phải xác định giá trị quyền sử dụng đất, đối với các doanh nghiệp mà DNNN có vốn góp với tỷ lệ thấp việc tiếp cận hồ sơ để cung cấp cho đơn vị tư vấn rất khó khăn, thậm chí là bị từ chối vì nhiều lý do đưa ra để trì hoãn. Do đó việc xác định giá khởi điểm theo quy định tại Nghị định này để chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn có thể nói là không thể thực hiện được. Trường hợp không xác định được giá khởi điểm như quy định thì chủ sở hữu xem xét quyết định giá chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn, thỏa thuận trực tiếp và đảm bảo nguyên tắc thị trường có hiệu quả. Đây là quyết định khó khăn của DNNN về việc đảm bảo nguyên tắc thị trường.</p>	<p>Tiếp thu đã bổ sung nội dung quy định tại khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>2. Tổng công ty Thép Việt Nam (Văn bản số 1064/VNS-TCKT ngày 13/12/2019) Đề nghị bổ sung khoản 15 mục a Điều 1 như sau:</p>		
<p>Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP nhưng chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp (của những lô đất đã bị địa phương thu hồi hoặc có quyết định chuyển sang hình thức giao đất) và giá trị quyền sử dụng đất đã tính vào phần vốn nhà nước khi cơ quan thẩm quyền xem xét, thẩm định để phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Hoặc, được trừ vào số phải nộp về cổ phần hóa sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền.</p>	<p>Giữ nguyên vì các doanh nghiệp đã cổ phần hóa theo cơ chế trước Nghị định 59/2011/NĐ-CP đã có thời gian phân bổ hoặc khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý tính tăng vốn nhà nước trong thời gian 07 năm; công ty cổ phần có nghĩa vụ tiếp nhận và kế thừa mọi quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước chuyển sang; việc chậm quyết toán thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp và cơ quan đại diện chủ sở hữu.</p>	
<p>3. Công ty cổ phần viện máy và dụng cụ công nghiệp (Viện IMI)</p>		
<p>3.1 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP</p>		
<p>1. Khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định, bổ sung nội dung các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>		
<p>Viện IMI đề xuất tăng thời gian cho phép công ty cổ phần tiếp tục phân bổ lên 05 năm, vì nhiều doanh nghiệp sau cổ phần hóa vẫn gặp không ít khó khăn, lãi ít và/hoặc không có lãi.</p>	<p>Giữ nguyên vì các doanh nghiệp đã cổ phần hóa theo cơ chế trước Nghị định 59/2011/NĐ-CP đã có thời gian phân bổ hoặc khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý tính tăng vốn nhà nước trong thời gian 07 năm; công ty cổ phần có nghĩa vụ tiếp nhận và kế thừa mọi quyền lợi và trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước chuyển sang.</p>	
<p>Ngoài ra dự thảo Nghị định chưa đề cập việc hiệu chỉnh, bổ sung quy định về chuyển tiếp nêu tại khoản 6 Điều 48 với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đối với trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất và/hoặc trường hợp đất thuê không có giấy tờ; đất tranh chấp và chưa có quyết định của Tòa án/Trọng tài theo quy định.</p>	<p>Việc tiếp tục thực hiện triển khai phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà đất của doanh nghiệp thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công</p>	
<p>3.2 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-CP</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>1. Khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị định bổ sung quy định giao cơ quan đại diện chủ sở hữu chi đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này để có ý kiến khi tổ chức thoái vốn ở các doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, theo thị trường và lợi ích cao nhất của các cổ đông trong đó có Nhà nước.</p>	<p>Nội dung quy định tại dự thảo là vận dụng, việc chuyển nhượng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của công ty cổ phần về nguyên tắc thực hiện theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của doanh nghiệp, do đó không nhất thiết phải bán trên Sở giao dịch chứng khoán; mặt khác, tại khoản 5 Điều 2 dự thảo đã điều chỉnh quy định doanh nghiệp được lựa chọn bán tại các tổ chức đầu giá không nhất thiết phải bán trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	
<p>Tuy nhiên, với doanh nghiệp cấp 2 của doanh nghiệp có vốn góp chi phối của nhà nước (trước đây cũng là doanh nghiệp nhà nước đã được CPH) cần được quy định thêm và/hoặc giao cho người đại diện phần vốn nhà nước quyết định nhằm tránh bất cập khi cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu phải thực hiện chuyển nhượng vốn trên TTCK hoặc đầu giá công khai tại tổ chức tài chính trung gian (ngân hàng, công ty tài chính hoặc công ty chứng khoán). Khi đó việc chuyển nhượng vốn phải lấy ý kiến của UBCKNN theo quy định (tuy nhiên trường hợp này, UBCKNN sẽ trả lời không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định), dẫn đến Tổ chức tài chính trung gian không được phép thực hiện.</p>		
<p>2. Tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định danh mục các ngành, lĩnh vực Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định bổ sung thêm danh mục lĩnh vực ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối.</p>	<p>Giữ nguyên vì Nhà nước không thể đầu tư dàn trải vào các doanh nghiệp đã có phần hóa.</p>	
<p>Viện IMI đề xuất: tại khoản 9 dự thảo Nghị định bổ sung thêm lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ Nhà nước cần tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước để đảm bảo mục đích nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp cổ phần hóa (danh nghiệp khoa học và công nghệ).</p>	<p>Giữ nguyên vì doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần việc điều chỉnh vốn điều lệ thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Nhà nước sẽ căn cứ tình hình cụ thể để chỉ đạo người đại diện tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông cho phù hợp</p>	
<p>3. Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về việc điều chỉnh giám vốn điều lệ với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động (sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 2 Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP).</p>	<p>Viện IMI đề xuất: tại khoản 10 dự thảo Nghị định bổ sung thêm nội dung:</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>“Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý về vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước trong trường hợp vốn nhà nước thiếu không có đầy đủ cơ sở xuất Quỹ hoàn trả và/hoặc góp thêm”.</p>		
<p>4. Tập đoàn bưu chính viễn thông</p>		
<p>4.1 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP</p>		
<p>1. Khoản 1 Điều 30a dự thảo quy định: “1. Căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, <i>sau khi có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp</i>, Ban Chi đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa, cụ thể:”.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p><i>Tập đoàn VNPT đề nghị cần làm rõ thời điểm lập phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa để có cơ sở thực hiện.</i></p>		
<p>2. Điểm a Khoản 1 Điều 30a dự thảo quy định phê duyệt Phương án sử dụng đất, rà soát lại việc sắp xếp các cơ sở nhà đất theo ND 167/2017/NĐ-CP xong mới cổ phần hóa. Doanh nghiệp cổ phần hóa phải xây dựng Phương án sử dụng đất bao gồm toàn bộ diện tích đất, cần làm rõ diện tích nào theo ND 167/2017/NĐ-CP (09 hình thức xử lý).</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị có hướng dẫn trong trường hợp doanh nghiệp có phát sinh hàng năm các cơ sở nhà đất so với số liệu đã ghi trong Phương án sử dụng đất, rà soát lại. Ngoài ra, liên quan đến các hình thức xử lý đất thì chỉ có 2 hình thức (giữ lại tiếp tục sử dụng, tạm giữ lại sử dụng) liên quan đến cổ phần hóa.</p>		
<p>3. Điểm c, Khoản 1, Điều 30a dự thảo quy định: “Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của doanh nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương; phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp”.</p>		

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Chú chú
<p>Khoản 2 Điều 30a dự thảo quy định: Doanh nghiệp cổ phần hóa bảo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).</p>	<p>Giữ nguyên vì việc công khai quy hoạch của các địa phương thực hiện theo pháp luật về đất đai.</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị có quy định cho các địa phương cung cấp các thông tin về quy hoạch để doanh nghiệp căn cứ vào đó rà soát, phân loại nhằm đảm bảo tiến độ rà soát (đảm bảo thuận lợi cho các địa phương có ý kiến trong 60 ngày làm việc theo quy định).</p>		
<p>4. Về khoản đã chi phí để có quyền sử dụng đất hoặc được thuê lô đất nhưng phải trả lại nhà nước:</p> <p>Điểm c khoản 1 điều 30a dự thảo quy định: “Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương; không phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp và khác với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”</p>	<p>Giữ nguyên vì việc thu hồi đất và bồi thường thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị được bồi hoàn chi phí của doanh nghiệp để có quyền sử dụng đất hoặc được thuê lô đất nhưng phải trả lại nhà nước.</p>		
<p>5. Về phê duyệt giá đất:</p>		
<p>Điểm a Khoản 1 Điều 30 quy định: “Giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được giao do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được giao) quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai”.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung quy định tại khoản 10 Điều 1 dự thảo theo hướng 90 ngày địa phương phải có ý kiến về giá đất theo quy định</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BÁNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị có các quy định rõ ràng về phê duyệt giá đất, trên cơ sở đó cần xem xét khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ vì nếu doanh nghiệp có nhiều cơ sở nhà đất (ví dụ 2.000 cơ sở) thì sẽ không đảm bảo thời gian địa phương phê duyệt trong 60 ngày (theo quy định giá trị đất trên 30 tỷ đồng phải thuê thẩm định, thành lập Hội đồng,.... dự kiến kéo dài vài tháng, không đảm bảo 60 ngày).</p> <p>Đề nghị bổ sung thời hạn sử dụng đất của công ty cổ phần.</p>	<p>Giữ nguyên vì thời hạn sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai</p>	
<p>6. Về gửi văn bản, hồ sơ liên quan để lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng)</p> <p>Khoản 2 Điều 30a của dự thảo quy định: Doanh nghiệp có phân hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau có phân hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).</p> <p>Đối với những doanh nghiệp có nhiều nhà đất sẽ cần nhiều thời gian để cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét hồ sơ để trình, hoặc cần giải trình, bổ sung hồ sơ nhà đất cho các cơ quan địa phương...điều này sẽ mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, Tập đoàn VNPT đề nghị cho phép doanh nghiệp có phân hóa trực tiếp gửi phương án sử dụng đất sau có phân hóa cùng hồ sơ liên quan cho UBND tỉnh, thành phố (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) để có thể đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải trình.</p>	<p>Giữ nguyên vì cơ quan đại diện chủ sở hữu là đơn vị sẽ phê duyệt phương án sử dụng đất khi có phân hóa nên phải rà soát có ý kiến trước khi gửi lấy ý kiến địa phương</p>	
<p>7. Về thực hiện các thủ tục để được nhà nước giao đất, cho thuê đất:</p> <p>Khoản 4 Điều 30 quy định: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có phân lần đầu, doanh nghiệp có phân hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài chính và Môi trường."</p>		

BỘ TÀI CHÍNH**BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THEU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì điều này không cần thiết, hoặc phải quy định cụ thể là doanh nghiệp có phần hóa đã có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có phần lần đầu thì công ty có phần cần đăng ký biến động theo Luật đất đai, công ty có phần kế thừa làm thủ tục khi cấp Giấy chứng nhận, thực hiện nghĩa vụ tài chính với địa phương theo Phương án sử dụng đất đã duyệt.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 11 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị quy định thống nhất cấp phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đối với doanh nghiệp cấp I và doanh nghiệp cấp II là cơ quan đại diện chủ sở hữu để thống nhất về quy trình xử lý. Hoặc cần quy định các bước trình duyệt riêng cho hai nhóm doanh nghiệp này (tránh trường hợp quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh, sau đó lại giao Hội đồng thành viên doanh nghiệp phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa đối với doanh nghiệp cấp II).</p>	<p>Giữ nguyên vì chủ sở hữu đối với doanh nghiệp cấp II là doanh nghiệp cấp I.</p>	
8. Về chi phí cổ phần hóa:		
<p>Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Chi phí cổ phần hoá được lấy từ nguồn tiền thu từ bán cổ phần theo quy định tại Điều 39 Nghị định này”. Nghị định 126/2017/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung chưa quy định đối với trường hợp chi phí cổ phần hóa lớn hơn nguồn tiền thu từ bán cổ phần.</p>	<p>Đã quy định tại Khoản 1.c và khoản 2.d Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn đối với trường hợp chi phí cổ phần hóa lớn hơn nguồn tiền thu từ bán cổ phần.</p>		
9. Về kiểm kê, phân loại tài sản:		
<p>Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Khi nhận được quyết định thực hiện cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản, các nguồn vốn và quỹ doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng, đối chiếu và xác nhận công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT có các tài sản chuyên ngành gồm: Vệ tinh Vinasat 1 và vệ tinh Vinasat 2; Các tuyến cáp biển quốc tế; Mạng ngoại vi (các tuyến cáp đồng, cáp quang, cột, bệ, cột, ODF, MDF, DDF, tủ, hộp, măng sông, các hệ thống đầu nối, các hệ thống phụ trợ cơ sở hạ tầng bao gồm tổ hợp nguồn điện, máy nắn, ác quy, cánh báo...); Các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin: Thiết bị mạng chuyên mạch, thiết bị viễn thông khác; Các thiết bị đầu cuối của dịch vụ MyTV, Gphone, MegaVNN, FiberVNN và kênh thuê riêng (Set-top-box, modem, ONT...).</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung khoản 5 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>Đối với các tài sản này, việc tiếp cận kiểm kê trực tiếp và đánh giá hiện trạng để xác định GTDN theo phương pháp tài sản là rất khó khả thi, không thể thực hiện được toàn bộ số lượng thiết bị, hoặc nếu thực hiện sẽ phát sinh khối lượng công việc, chi phí rất lớn, thời gian thực hiện kéo dài, không đáp ứng được thời gian quy định của quy trình có phân hóa tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP, ảnh hưởng đến tiến độ có phân hóa theo chỉ đạo của Chính phủ.</p>		
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn kiểm kê, đánh giá hiện trạng đối với các tài sản chuyên ngành viễn thông, công nghệ thông tin nêu trên để tạo thuận lợi cho công tác kiểm kê, phân loại tài sản.</p>		
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị được sử dụng các thông tin kiểm soát hoạt động tài sản gồm: Hệ thống giám sát, theo dõi trạng thái hoạt động của vệ tinh tại trạm điều khiển và khai thác vệ tinh Vinasat; Hệ thống giám sát, theo dõi tại trạm cập bờ đối với tuyến cáp biển; Hệ thống phần mềm quản lý đối với các thiết bị viễn thông; Cơ sở dữ liệu của các gian đồ mạng cáp/hoặc dữ liệu của các phần mềm quản lý mạng cáp/hoặc dữ liệu của các file quản lý mạng cáp đối với mạng ngoại vi; Hệ thống theo dõi online đối với thiết bị đầu cuối tại địa chỉ của khách hàng...kết hợp với các thông tin trong sổ sách kế toán của VNPT tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản, thay cho việc kiểm kê trực tiếp.</p>		
<p>10. Về đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải thu:</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THEU, GIAI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đổi chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn; đối với các tổ chức tín dụng phải đổi chiếu, xác nhận cả các khoản nợ phải thu ngoại ngân), đồng thời thực hiện thu hồi các khoản nợ đến hạn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.”</p>		
<p>Tập đoàn VNPT có khoảng 12 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin (VT-CNTT) trả sau, đặc thù của khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau là khách hàng sử dụng dịch vụ trước, trả tiền sau; thời điểm khách hàng trả tiền sau thời điểm phát sinh công nợ, do đó số lượng khách nợ phải thu hàng tháng là tương ứng với số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau. Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, tại thời điểm xác định GTDN, Tập đoàn VNPT phải đổi chiếu, xác nhận với khoảng 12 triệu khách hàng này. Việc đổi chiếu này sẽ làm phát sinh hơn 40 tỷ đồng chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiền độ cổ phần hóa.</p>	<p>Giữ nguyên vì theo quy định hiện nay tại Thông tư 48/2019/TT-BTC đã có chế xử lý, xác nhận các khoản nợ phải thu đặc thù của các đơn vị viễn thông; mặt khác các khoản công nợ phải thu đã quy định tiếp tục đổi chiếu, thu hồi đến thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn công tác đổi chiếu, xác nhận công nợ phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau để tạo thuận lợi cho công tác đổi chiếu, xác nhận công nợ phải thu.</p> <p>Tập đoàn VNPT đề xuất cơ chế đổi chiếu, xác nhận công nợ phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau như sau:</p>		
<p>- Trường hợp khoản nợ phải thu đã được khách hàng thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm xác định GTDN: Tập đoàn VNPT được sử dụng chứng từ đã thu tiền để thay thế biên bản đổi chiếu, xác nhận công nợ.</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BÁNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>11. Về đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải trả:</p> <p>Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả các tổ chức, cá nhân (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn) trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.”</p> <p>Tập đoàn VNPT hiện có khoảng 0,5 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT thực hiện ký cược, ký quỹ; khoảng 1,8 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT thực hiện trả trước cho một thời hạn nhất định (03 tháng, 06 tháng, 12 tháng,..). Khi khách hàng ký cược, ký quỹ, trả trước, Tập đoàn hạch toán nhận tiền và công nợ phải trả khách hàng, hàng tháng khoản nợ này được trừ dần vào cước sử dụng dịch vụ của khách hàng. Tập đoàn VNPT có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ số dư khoản phải trả này và đảm bảo cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo thời hạn đã cam kết. Khách hàng không có hệ thống, công cụ để theo dõi khoản nợ này. Việc đề nghị khách hàng đối chiếu, xác nhận khoản nợ này là không khả thi, tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiến độ cổ phần hóa.</p> <p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải trả khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau (Khoản ký cược, ký quỹ, trả trước) để tạo thuận lợi cho công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải trả.</p>	<p>Đây là nội dung đặc thù riêng có của VNPT sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong phương án cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1.d Điều 45 Nghị định 126/2017/NĐ-CP</p>	

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THEU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề xuất cơ chế đối chiếu, xác nhận như sau: Sử dụng Hợp đồng cung ứng dịch vụ, bảng kê theo dõi tình hình sử dụng dịch vụ của khách hàng và các hồ sơ khác như: chứng từ thu tiền, cam kết sử dụng dịch vụ của khách hàng (nếu có),... để thay thế Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ.</p>		
<p>12. Về đối chiếu xác nhận số dư tài khoản ví điện tử :</p> <p>Tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Khi cổ phần hóa Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo qui định tại Nghị định này. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của công ty con phải trùng với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của công ty mẹ.”</p>		
<p>Ngày 06/7/2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho Tổng Công ty Truyền thông (VNPT-Media) là công ty con do Tập đoàn VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ. Các dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép gồm: Dịch vụ công thanh toán điện tử; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ ví điện tử.</p>		
<p>Hiện nay, số lượng ví điện tử của VNPT-Media là 345.500 ví, dự kiến kế hoạch phát triển từ kỳ kế đến cuối năm 2020 là 2,05 triệu ví và sẽ tăng mạnh trong các năm tiếp theo. Khi khách hàng nạp tiền vào ví điện tử thì VNPT-Media hạch toán nhận tiền và công nợ phải trả khách hàng. Tại từng thời điểm, số dư tiền trong từng ví điện tử là số dư VNPT-Media phải trả khách hàng. Việc đề nghị khách hàng đối chiếu, xác nhận số dư tiền trong từng ví điện tử là không khả thi, tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiến độ cổ phần hóa. Mặt khác, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động Trung gian thanh toán, việc quản lý ví điện tử bắt buộc phải đảm bảo từ hệ thống, con người và quy định đều rất chặt chẽ về việc bảo vệ thông tin và bảo mật hệ thống, dữ liệu hệ thống và tài khoản người dùng. VNPT-Media cũng đang trình hoàn thiện để xin cấp chứng PCIDSS nhằm đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ được an toàn, chất lượng.</p>	<p>Đây là nội dung đặc thù riêng có của VNPT sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong phương án cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1.d Điều 45 Nghị định 126/2017/NĐ-CP</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về đối chiếu số dư ví điện tử. Tập đoàn VNPT đề nghị được đối chiếu tổng số tiền dư nợ phải trả khách hàng về ví điện tử trên tài khoản công nợ với tổng số tiền trong ví điện tử được theo dõi trên hệ thống, dữ liệu trung gian thanh toán, không phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư chi tiết từng ví điện tử với khách hàng.</p> <p>13. Về xử lý tài chính:</p> <p>- Khoản 2 Điều 14 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp các tài sản chưa xử lý, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp có phân hóa thực hiện chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật. Giá trị còn lại theo sổ sách của các tài sản này phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.”</p> <p>- Khoản 3 Điều 14 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “Riêng các khoản chi phí của các dự án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa hình thành hiện vật, không có giá trị thu hồi như: chi phí lập phương án tiền khả thi, chi phí khảo sát, thiết kế công trình thì doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi hoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, phần tổn thất được xử lý vào kết quả kinh doanh theo quy định.”</p> <p>Quy định trên gây khó khăn cho doanh nghiệp cổ phần hóa, việc loại trừ tài sản không cần dùng, chờ thanh lý phải chờ ý kiến của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, trong khi doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN để phục vụ việc xác định GTDN.</p> <p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi quy định này. Trường hợp không sửa đổi quy định này, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể nội dung này khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN.</p> <p>14. Về khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN:</p>	<p>Giữ nguyên vì các vấn đề này là xử lý tài chính trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp</p>	

BẢNG TỒNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126/2017/NĐ-CP và điểm 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh.</p>		
<p>Quy định trên chưa thống nhất với quy định tại Điều 69 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Doanh nghiệp cổ phần hóa gặp khó khăn khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định và cổ phần hóa hay Thông tư 200/2014/TT-BTC.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ nội dung quy định này</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi quy định về xử lý khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN. Trường hợp không sửa đổi quy định này, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể nội dung này khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN.</p>		
<p>15. Về bản giao các khoản nợ khó đòi đã được xử lý cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam: Khoản 2 Điều 15 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “3. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kề trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Đây là nội dung đặc thù riêng có của VNPT sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong phương án cổ phần hóa theo quy định tại khoản 1 đ Điều 45 Nghị định 126/2017/NĐ-CP</p>	
<p>Tập đoàn VNPT có khoảng 12 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau, hàng năm tỷ lệ thu cước của Tập đoàn VNPT đạt trên 99%, các khoản nợ khó đòi đã xử lý có đặc điểm là giá trị của từng khách nợ nhỏ nhưng số lượng khách nợ lớn, số lượng hồ sơ xử lý nợ rất lớn và đang được lưu giữ dần rải khắp cả nước. Hiện nay, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn VNPT đang tiếp tục theo dõi để đôn đốc, thu hồi nợ cũng như rà soát hạn chế khách nợ đăng ký sử dụng dịch vụ VT-CNTT khi chưa thanh toán hết công nợ.</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định “Đối với các khoản nợ khó đòi của khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liên kế trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có phân hóa thực hiện báo cáo đánh sách khách hàng đã xử lý cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam, doanh nghiệp có phân hóa tiếp tục quản lý hồ sơ khách hàng đã xử lý nợ để đơn đốc thu hồi nợ theo quy định, trường hợp thu hồi được nợ thì chuyển cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam.”</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 11 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>16. Về giá trị quyền thuê đất (đất thuê trả tiền một lần, đất thuê trả tiền hàng năm): Khoản 4 Điều 29 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp “Giá trị quyền sử dụng đất được giao, tiền thuê đất xác định lại và giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp” Tuy nhiên, Nghị định 126/2017/NĐ-CP chỉ quy định việc xác định giá trị quyền sử dụng đất (Điều 30). Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ việc có tính giá trị quyền thuê đất (đất thuê trả tiền một lần, đất thuê trả tiền hàng năm) vào giá trị thực tế của doanh nghiệp hay không.</p>		
<p>17. Về điều kiện thực hiện cổ phần hoá: Dự thảo đã bãi bỏ khoản 1 Điều 13 và bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định điều kiện thực hiện cổ phần hoá “Có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”. Tập đoàn VNPT đang có vướng mắc do VNPT là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công nghệ thông tin, hàng năm liên tục phát triển hạ tầng mạng cố định và di động và do đó liên tục phát sinh các cơ sở nhà đất mới, nếu không có quy định/hướng dẫn cụ thể, cho phép chốt thời điểm thực hiện thì VNPT không thể hoàn thành 100% việc có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến không đủ điều kiện thực hiện cổ phần hoá. Đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn để giải quyết các vướng mắc liên tục phát sinh mới về nhà đất của VNPT.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>18. Về thời gian để các nhà đầu tư chiến lược tiếp xúc, nghiên cứu thông tin doanh nghiệp:</p>		

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tại doanh nghiệp cổ phần hoá có thời gian quá ngắn. Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung dự thảo điều chỉnh theo hướng có đủ thời gian để các nhà đầu tư chiến lược tiếp xúc, nghiên cứu thông tin về doanh nghiệp cổ phần hoá, nghiên cứu và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược, tình hình tài chính... để quyết định tham gia làm nhà đầu tư chiến lược.</p>	<p>Giữ nguyên đề không ảnh hưởng đến tiến độ tái cơ cấu doanh nghiệp.</p>	
<p>19. Về Quyết định cổ phần hóa: Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung dự thảo quy định rõ nội dung Quyết định cổ phần hoá, thời điểm ban hành Quyết định cổ phần hoá, nội dung quyết định cổ phần hoá...</p>	<p>Giữ nguyên vì nội dung này sẽ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định</p>	
<p>20. Về phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa: Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hoá, phê duyệt kế hoạch lựa chọn tư vấn cổ phần hoá (kế hoạch lựa chọn nhà thầu).</p>	<p>Giữ nguyên vì nội dung này sẽ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định</p>	
<p>Để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá, đề nghị xem xét bổ sung hướng dẫn theo hướng cho phép doanh nghiệp/Ban chỉ đạo cổ phần hoá thực hiện trước/phê duyệt trước một số nội dung để triển khai trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định cổ phần hoá.</p>	<p>Giữ nguyên vì nội dung này sẽ do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định</p>	
<p>21. Về thủ lao Ban chỉ đạo, tổ giúp việc: Do quá trình cổ phần hoá dài và thường vượt quá 24 tháng, Tập đoàn VNPT đề xuất bổ sung nội dung dự thảo tính thủ lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc trong toàn bộ thời gian thực hiện cổ phần hoá (bãi bỏ nội dung không quá 24 tháng kể từ thời điểm thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc).</p>	<p>Giữ nguyên để đảm bảo thời gian tái cơ cấu, không để kéo dài, khoản thủ lao này về bản chất hỗ trợ thêm cho các thành viên và đây là nhiệm vụ phải thực hiện theo chức trách được giao.</p>	
<p>4.2 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-CP</p>		
<p>I. Về xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm:</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Điểm c khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định “Đối với trường hợp đất thuê không có giấy tờ, hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất của doanh nghiệp đã hết hạn nhưng chưa được ký lại hợp đồng/phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh thời hạn/gia hạn thời hạn thuê đất, trong khi doanh nghiệp khác có vốn góp của nhà nước/doanh nghiệp nhà nước vẫn đang thực hiện nộp tiền thuê đất, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình trạng pháp lý của khu đất đó và căn cứ vào ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về tính pháp lý và thủ tục pháp lý của lô đất để xác định tiền thuê đất trả tiền hằng năm.”</p> <p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào; quy định thời hạn cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến về tình trạng pháp lý của khu đất; Phương án giải quyết trong trường hợp quá thời hạn quy định mà cơ quan có thẩm quyền chưa có ý kiến.</p> <p>2. Về áp dụng phương pháp thẩm định giá:</p>	<p>Ý kiến của Bộ Tài chính</p> <p>Đã tiếp thu bổ nội dung quy định này</p>	
<p>Tiết c điểm 1 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định: “Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn.... xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm)...”</p> <p>Với các quy định trên, khi xác định giá khởi điểm phải sử dụng tối thiểu 2 trong các phương pháp thẩm định giá sau: Phương pháp giá giao dịch; Phương pháp tỷ số bình quân; Phương pháp tài sản; Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp; Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức; Phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu.</p> <p>Tuy nhiên, đối với một số doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn VNPT có tỷ lệ sở hữu thấp, Tập đoàn VNPT không thu thập được hồ sơ, tài liệu về tài sản, đất đai vì vậy không thể áp dụng được phương pháp tài sản khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn của Tập đoàn VNPT.</p>	<p>Đã tiếp thu điều chỉnh lại nội dung này</p>	

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định: “<i>Trường hợp không thu thập được đầy đủ hồ sơ tài sản của các công ty phải thực hiện chuyển nhượng vốn (do tỷ lệ sở hữu có phần thấp không chi phối để yêu cầu cung cấp hồ sơ về tài sản, đất đai hoặc do công ty cổ phần có địa bàn rộng không thực hiện kiểm kê cung cấp hồ sơ về tài sản, đất đai) thì đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp không phải áp dụng phương pháp tài sản khi xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn.</i>”</p>		
<p>3. Về xác định giá khởi điểm:</p> <p>- Kết quả bán vốn phân ảnh đầy đủ giá trị của doanh nghiệp cũng như cung cầu của thị trường do giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP (đưa trên kết quả thẩm định giá, ...) kết hợp với việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch thông tin bán vốn, áp dụng hình thức bán đấu giá công khai.</p> <p>Tập đoàn VNPT đề xuất không cần quy định các giới hạn dưới như : giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp, giá tham chiếu của ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng/ngày công bố thông tin / ngày đấu giá trong trường hợp bán vốn công khai .</p> <p>Quy định này chỉ nên áp dụng trong trường hợp bán vốn theo phương thức khớp lệnh/thỏa thuận trên sàn.</p>	<p>Đã tiếp thu sửa đổi bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 2 dự thảo</p>	
<p>- Không nên quy định giá khởi điểm của ngày đấu giá phải lớn hơn giá tham chiếu của ngày công bố thông tin và giá khởi điểm của ngày công bố thông tin phải lớn hơn giá tham chiếu của ngày quyết định phương án chuyển nhượng vì nếu thị trường đang đi xuống, giá thị trường sẽ xuống theo và như vậy việc căn cứ vào giá tham chiếu của ngày quyết định phương án chuyển nhượng và ngày công bố thông tin sẽ không còn ý nghĩa. Việc thực hiện quy định này dẫn đến giá khởi điểm thực tế có thể cao không hợp lý dẫn đến chuyển nhượng không thành công, như vậy sẽ tổn chi phí và thời gian của doanh nghiệp khi thực hiện quy trình chuyển nhượng vốn.</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Tập đoàn VNPT đề xuất đối với việc bán cổ phần theo phương thức khớp lệnh /thỏa thuận trên sàn , đề nghị thống nhất nguyên tắc: giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn, ngày công bố thông tin và ngày đầu giá không thấp hơn (i) giá trị sổ sách; (ii) giá xác định lại của tổ chức thẩm định giá ; (iii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và (iv) giá tham chiếu của ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng/ngày công bố thông tin/ ngày đầu giá (tương ứng với từng thời điểm).</p>		
<p>4. Về xác định giá khởi điểm điều chỉnh sau khi bán vốn không thành công:</p> <p>Điểm e khoản 4 và điểm e khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung quy định sau khi thực hiện các phương thức bán vốn không thành công thì doanh nghiệp nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp khác để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch đã quy định.</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi hướng dẫn tại khoản 5 và khoản 7 Điều 2 dự thảo</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định về xác định lại giá khởi điểm sau khi bán vốn không thành công, việc điều chỉnh giá khởi điểm đảm bảo nguyên tắc trong thời gian chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực, vậy giá khởi điểm có còn phải căn cứ vào mức giá do tổ chức thẩm định giá xác định hay không? Ngoài ra trường hợp chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì việc xác định giá khởi điểm có cần phải phát hành lại chứng thư thẩm định giá làm cơ sở xác định giá khởi điểm không? Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, làm rõ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn.</p>		
<p>5. Về phương thức chào bán cạnh tranh:</p>		
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá khởi điểm trong trường hợp phải thẩm định giá lại do chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực khi chuyển tiếp giữa các phương thức trong quy trình (đấu giá, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).</p>		

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Trường hợp chào bán cạnh tranh, sau khi thẩm định giá lại thì giá thẩm định thay đổi, khi đó xác định giá khởi điểm chào bán cạnh tranh theo giá nào? Trường hợp áp dụng theo giá mới thẩm định lại hoàn toàn có khả năng giá khởi điểm chào bán cạnh tranh còn cao hơn khi đầu giá, gây mất thời gian và phí chi phí của doanh nghiệp.</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi hướng dẫn tại khoản 5 và khoản 7 Điều 2 dự thảo</p>	
<p>6. Về trường hợp Điều lệ công ty quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần: Tiết a điểm 1 khoản 15 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định: "Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần mà điều lệ công ty cổ phần có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp (đối với trường hợp cổ đông chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty) thì việc chuyển nhượng cổ phần để chuyển nhượng vốn của nhà nước thực hiện theo thứ tự các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này đối với cổ đông hiện hữu".</p>	<p>Giữ nguyên vì khi bán đầu giá công khai trong trường hợp này chỉ bao gồm những đối tượng là cổ đông hiện hữu trong công ty cổ phần</p>	
<p>Tập đoàn VNPT đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về trường hợp đầu giá công khai cho các cổ đông hiện hữu để đảm bảo vừa tuân thủ quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần, đồng thời vẫn đáp ứng các yêu cầu của cuộc đầu giá công khai.</p>		
<p>5. Tổng công ty Bến Thành (văn bản số 662/CV-TCT ngày 16/12/2019)</p>		
<p>1. Tại điểm c khoản 4 Điều 1 dự thảo cần quy định cụ thể cách xác định như thế nào là "03 năm gần nhất" để tránh tình trạng không áp dụng được hoặc áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Cần giải thích rõ năm trong quy định này là năm dương lịch tính từ 01/01 đến ngày 31/12 hay năm được tính là từ ngày nộp hồ sơ trở về trước 365 ngày được tính thành một năm.</p>	<p>Giữ nguyên vì nội dung này đã rõ</p>	
<p>Cần quy định rõ thế nào là "thực hiện được" hoặc thay thế bằng một quy định khác cụ thể hơn.</p>		
<p>2. Về căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 8 Điều 1 dự thảo và Điều 29 Nghị định số 126/2017)</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Giá thị trường của tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là một trong những căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp (khoản 3 Điều 26 nghị định số 126/2017). Tuy nhiên, không phải tài sản nào cũng có giá trên thị trường, đơn cử như bí mật kinh doanh, bằng sáng chế, sáng kiến cải tiến và các văn bằng bảo hộ khác. Những thứ vừa liệt kê chính là tài sản của doanh nghiệp, nhưng những tài sản này là đơn nhất, chúng không tồn tại thị trường riêng và càng không có giá thị trường.</p>	<p>Nội dung này đã hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 41/2017/TT-BTC theo hướng sẽ lấy theo giá trị sổ sách</p>	
<p>3. Đối với khoản 9 Điều 1 của dự thảo</p> <p>Thực tế, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Tổng công ty được UBND thành phố phê duyệt vào năm 2014, theo đó UBND thành phố phê duyệt cho tiếp tục sử dụng nhà đất theo quy hoạch của thành phố. Từ năm 2014 đến nay, quy hoạch của thành phố có thể đã có điều chỉnh, thay đổi, do đó có trường hợp đề xuất sử dụng đất của Tổng công ty phù hợp với quy hoạch hiện tại của thành phố nhưng không phù hợp với quy hoạch tại thời điểm phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được phê duyệt. Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải trả lại đất cho nhà nước là chưa phù hợp. Đề nghị hướng dẫn cụ thể trường hợp này.</p>	<p>Nội dung này đã hướng dẫn cụ thể tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>6. Số Tài chính Hải Phòng (văn bản số 4091/STC-TCĐN ngày 17/12/2019)</p>		
<p>6.1 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 32/2018/NĐ-CP</p>		
<p>1. Về trách nhiệm của tổ chức tư vấn khi thực hiện xác định giá khởi điểm</p> <p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 59/2018/TT-BTC thì có thể hiểu: Việc lựa chọn phương pháp thẩm định giá để xác định giá khởi điểm do tổ chức tư vấn thẩm định giá lựa chọn và chịu trách nhiệm hoàn toàn được không? nếu không thì trách nhiệm của các cơ quan nào?</p>	<p>Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm lựa chọn các phương pháp theo quy định, chủ sở hữu là cơ quan quyết định</p>	
<p>2. Bổ sung nội dung hướng dẫn nguyên tắc xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng</p>		
<p>a. Theo dự thảo sửa đổi Nghị định số 32: Khi xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết/ đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán phải đảm bảo nguyên tắc sau: " Mức giá khởi điểm... và được nhận lại tiền đặt cọc". Với quy định như trên, trong thực tế phát sinh một số mâu thuẫn như sau:</p>		

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Chú chú
<p>(1) Đề thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần thành công đối với các công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán phụ thuộc vào giá của mã chứng khoán đó đăng giao sở giao dịch chứng khoán. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay đối với công ty cổ phần mà tỷ lệ vốn nhà nước chiếm trên 65% vốn điều lệ thì việc giao dịch của mã chứng khoán đã niêm yết hoặc giao dịch trên sàn chứng khoán rất hạn chế về cả số lượng và giá giao dịch, thậm chí nhiều ngày không có giao dịch hoặc giao dịch dưới mệnh giá do tâm lý nhà đầu tư không được tham gia vào quá trình điều hành công ty. Việc tham gia mua bán các mã chứng khoán này chủ yếu là các nhà đầu tư nhỏ lẻ, số lượng giao dịch thành công rất ít, không phản ánh đầy đủ bản chất giá trị cổ phiếu của công ty. Các mã chứng khoán này thường xuyên có giao dịch thấp hơn mệnh giá, thấp hơn giá trị sổ sách. Để việc thoái vốn tại các công ty cổ phần thành công thì cổ đông nhà nước có thể phải bán với giá dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách. Như vậy, sẽ gây thất thomột mức giá cụ t</p>		
<p>(2) Về xác định giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn: Trong thực tế có rất nhiều mã chứng khoán có rất ít giao dịch hoặc nhiều ngày liên tiếp không có giao dịch. Vì vậy giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liên tiếp quy định trong dự thảo là giá bình quân liên tiếp của 30 ngày có giao dịch của mã chứng khoán thực hiện chuyển nhượng hay là giá bình quân của 30 ngày liên tiếp trên thị trường chứng khoán của mã chứng khoán đang thực hiện chuyển nhượng. Nếu 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án mã chứng khoán thực hiện chuyển nhượng không có giao dịch thì chi tiêu xác định này như thế nào?</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi hướng dẫn tại khoản 5 và khoản 7 Điều 2 dự thảo</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>(3) Nếu quy định trường hợp mức giá tại ngày đấu giá cao hơn giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn thì nhà đầu tư được quyền từ chối mua không tham gia đấu giá và được nhận lại tiền đặt cọc, đây sẽ là lý do để các nhà đầu tư từ chối mua, khi đó không còn sự ràng buộc dẫn đến cuộc đấu giá sẽ không thành công và làm ảnh hưởng đến kế hoạch thoái vốn nhà nước.</p>		
<p>(4) Mức giá xác định lại của tổ chức có chức năng thẩm định giá có thể sẽ cao hơn rất nhiều (do việc tính thêm giá trị tạo bởi quyền sử dụng đất) so với giá đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán nên không đặt được lệnh, bán mã chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định trường hợp nào thì việc thoái vốn nhà nước tại CTCP đã niêm yết hoặc đăng kí giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán sẽ thực hiện ngoài sàn theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận.</p>		
<p>3. Trong quá trình thực hiện tại địa phương gặp một số vướng mắc sau: Về phương pháp xác định giá khởi điểm:</p>		
<p>+ Khi thực hiện xác định giá khởi điểm, các doanh nghiệp tư vấn có sử dụng phương pháp so sách các doanh nghiệp "tương đồng". Do vậy, Bộ Tài chính cần quy định tiêu chí để xác định giá trị doanh nghiệp "tương đồng", làm cơ sở để địa phương thẩm định và phê duyệt giá khởi điểm.</p>	<p>Đã tiếp thu chính sửa lại nội dung quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 2 dự thảo</p>	
<p>+ Một số đơn vị tư vấn vận dụng quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP để lựa chọn kết quả theo phương pháp tài sản để xác định giá trị vốn chủ sở hữu tại thời điểm chuyển nhượng vốn cũng như xác định giá khởi điểm để làm cơ sở chuyển nhượng vốn nhà nước. Khi đó, cơ quan tư vấn sẽ thực hiện đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp có vốn góp, đánh giá lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định. Nội dung này có được chấp nhận khi thực hiện xác định giá khởi điểm hay không?</p>	<p>Đã tiếp thu chính sửa lại nội dung quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 2 dự thảo</p>	
<p>6.2 Về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2017/NĐ-CP</p>		
<p>1. Về việc lựa chọn tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp</p>		

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THEU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: "... đối với gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng... chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp...". Như vậy, được hiểu trong trường hợp chi có 01 đơn vị tư vấn đăng ký cung cấp dịch vụ và dự kiến chi phí thuê tư vấn vào khoảng 150 triệu đồng thì có thể thực hiện chỉ định thầu đơn vị tư vấn định giá. Tuy nhiên, việc chỉ định đơn vị tư vấn định giá này do cơ quan đại diện chủ sở hữu tư ra vẫn cần quyết định lựa chọn hay phải thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật đấu thầu do đây là nguồn vốn nhà nước. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn rõ nội dung này?.</p>	<p>Đã tiếp thu sửa đổi bổ sung quy định tại Khoản 4 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>2. Về việc xác định giá trị tài sản dự án có sử dụng vốn ODA khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.</p> <p>Đối với DNNN công ích cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV thoát nước) do các tài sản của công ty chủ yếu là các công trình, hệ thống thoát nước phục vụ hoạt động công ích (như cống, hồ điều hòa, trạm bơm...) nên khi cổ phần hóa theo quy định sẽ không tính vào giá trị doanh nghiệp. Trong khi đó trụ sở làm việc (tầng 1) thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý & Kinh doanh nhà, Công ty cải tạo tầng 2 để hoạt động nên giá trị tài sản và phần vốn nhà nước để cổ phần hóa sẽ rất nhỏ. Do vậy, để doanh nghiệp sau cổ phần hóa có tài sản để phục vụ hoạt động và ổn định phát triển sau cổ phần hóa, đảm bảo theo đúng mục tiêu cổ phần hóa DNNN, Công ty dự kiến đưa tài sản thuộc dự án IB sử dụng vốn ODA vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, vốn vay ODA dự án IB chỉ áp dụng cho khu vực nhà nước của ngân hàng thế giới, dự án cấp phát toàn bộ trên cơ sở vốn vay ưu đãi. Khi đánh giá lại các tài sản từ dự án ODA để đưa vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thì tài sản này sẽ chuyển từ khu vực nhà nước sang một phần khu vực tư nhân một mức giá cụ thể để nhà đầu tư và doanh nghiệp thoái vốn chọn làm cơ sở để thực hiện.</p>	<p>Việc quản lý sử dụng tài sản này thực hiện theo quy định của Luật quản lý tài sản công và hợp đồng ODA</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
3. Do quy trình thực hiện có phần hóa dài với nhiều trình tự, nội dung thực hiện, do vậy đề nghị bổ sung quy định mức chi phí cổ phần hóa tối đa làm cơ sở để thực hiện.	Vấn đề này do chủ sở hữu quyết định	
4. Bổ sung hướng dẫn xử lý tài chính đối với công nợ phải thu, phải trả đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà vẫn không có đối chiếu công nợ.	Nội dung xử lý đã quy định rõ tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định 126/2017/NĐ-CP	
5. Khoản 4 Điều 1 sửa đổi Điều 12 bổ sung về đơn vị tư vấn cổ phần hóa: "...c. Có uy tín, năng lực, thương hiệu...tư vấn chuyên đổi doanh nghiệp...". Với quy định bổ sung như trên thì các cơ quan, đơn vị được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn sẽ khó khăn khi lựa chọn đơn vị tư vấn vì chưa có quy định cụ thể để xác định tiêu chí đơn vị tư vấn thế nào là "có uy tín, năng lực, thương hiệu...". Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể để xác định tiêu chí này khi thực hiện.	Giữ nguyên vì đã quy định có 05 năm kinh nghiệm đến khi nộp hồ sơ	
6. Khoản 9 Điều 1 bổ sung Điều 30a về phương án sử dụng đất như sau: "...c)... Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất...đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp". Trong thực tế, có đơn vị cổ phần hóa tài sản trên đất bán giao cho địa phương mới đang ở hình thái chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, công trình dở dang...) thì khi bán giao cho địa phương cũng rất khó khăn. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể về nội dung này để thuận tiện khi thực hiện.	Giữ nguyên vì nếu đang trong quá trình tập hợp chi phí sẽ không hình thành tài sản để bán giao.	
7. Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn		
Tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: "Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp. đảm bảo mỗi doanh nghiệp có phần hóa phải được áp dụng tối thiểu 02 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khác nhau trình cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định"		

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Phương pháp định giá cũng là một nguyên nhân làm chậm quá trình cổ phần hóa. Vì Nghị định 126 chỉ hướng dẫn 01 phương pháp định giá tài sản, trong khi xác định giá trị doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện theo phương pháp tài sản và tối thiểu 01 phương pháp khác. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn từng trường hợp áp dụng phương pháp khác nên dễ dẫn đến đơn vị tư vấn sẽ từ chối tư vấn định giá cho doanh nghiệp. Nếu buộc đơn vị tư vấn lựa chọn phương pháp áp dụng thì rất khó thực hiện nhanh, thời gian định giá sẽ kéo dài.</p> <p>Để công tác cổ phần hóa doanh nghiệp được thuận lợi, đề nghị dự thảo sửa đổi Nghị định 126 (Khoản 1 Điều 22) bổ sung quy định một số phương pháp định giá cụ thể để thực hiện.</p>	<p>Giữ nguyên vì quy định của pháp luật giá và thẩm định giá hiện hành đã có hướng dẫn các phương pháp định giá doanh nghiệp</p>	
<p>8. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam</p>		
<p>Hướng dẫn cụ thể việc hạch toán chi phí cổ phần hóa khi tạm dừng hoặc thực hiện xác định lại</p>	<p>Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo đã quy định rõ các khoản chi đảm bảo đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ</p>	
<p>Cổ phiếu nhận được không phải trả tiền và soát lại tránh tính vào vốn hai lần</p>	<p>Theo quy định tài chính và kế toán hiện nay cổ phiếu nhận thêm không phải trả tiền các doanh nghiệp chỉ theo dõi ngoài sổ, do đó việc quy định xác định tăng vốn là không bị trùng</p>	
<p>Đề nghị xem xét gộp đối tượng sắp xếp đất theo quy định tại Điều 30a thành một khoản</p>	<p>Giữ nguyên vì đối tượng cổ phần hóa khác nha</p>	
<p>Đề nghị xem xét phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư 127/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 59/2011/NĐ-CP</p>	<p>Giữ nguyên vì pháp luật thuế hiện hành chi quy định cho phân bổ vào chi tính thuế thu nhập doanh nghiệp không quá 03 năm</p>	
<p>Đề nghị xem xét thêm khi tham chiếu giá bình quân 30 ngày giao dịch liên tiếp vì trên Upcom có doanh nghiệp bị hạn chế giao dịch chỉ vào một ngày nhất định trong tuần</p>	<p>Giữ nguyên, nội dung dự thảo đã quy định rõ là giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn</p>	
<p>Thời hạn công bố thông tin của Sơ giao dịch chứng khoán tối thiểu 20 ngày trước ngày chuyển nhượng là dài</p>	<p>Giữ nguyên để đồng bộ với việc công bố thông tin của doanh nghiệp</p>	
<p>9. Tập đoàn công nghiệp Than - khoáng sản Việt Nam (công văn 6236/TKV-KTTC ngày 16/12/2019)</p>		
<p>Quy định tại Điều 6 Nghị định 167/2017/NĐ-CP về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công chưa rõ thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất</p>	<p>Nội dung này sẽ được rà soát hướng dẫn tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 167/2017/NĐ-CP</p>	
<p>Chi phí cổ phần hóa trong trường hợp xác định lại hoặc tạm dừng đề nghị đưa vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế doanh nghiệp</p>	<p>Giữ nguyên theo quy định của pháp luật thuế</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Đề nghị xem xét hướng dẫn cụ thể khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp</p>	<p>Tiếp thu đã bỏ nội dung này</p>	
<p>Đề nghị hướng dẫn rõ đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm có tính vào giá trị doanh nghiệp có phần hóa không</p>	<p>Đã tiếp thu hướng dẫn rõ tiền thuê đất trả tiền hàng năm không xác định vào giá trị doanh nghiệp</p>	
<p>Về xử lý tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi cần xem xét hướng dẫn thêm trong trường hợp có nguồn khác hình thành nên tài sản này</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 1 dự thảo, nếu có nguồn khác thì giá trị bán giao cho tổ chức công đoàn phải ghi rõ nguồn để trả lại doanh nghiệp</p>	
<p>Đề nghị xem xét thêm trường hợp doanh nghiệp thuộc diện nắm giữ trên 75% vốn điều lệ và phần bầu đầu giá tối thiểu là 20% vốn điều lệ nên cơ cấu vốn điều lệ bán ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn chỉ còn lại 5% không đảm bảo đủ mức ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn</p>	<p>Trong trường hợp này sẽ điều chỉnh phương án cổ phần hóa theo hướng giữ nguyên phần vốn nhà nước và phát hành thêm vốn điều lệ.</p>	
<p>Đề nghị quy định rõ trách nhiệm thoái vốn sau khi đã chuyển sang công ty cổ phần</p>	<p>Sau khi đã chuyển sang công ty cổ phần thì việc chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định của Luật 69 và Nghị định 91/2015/NĐ-CP, Nghị định 32/2018/NĐ-CP</p>	
<p>10. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (công văn 6930/EVN-QLV ngày 19/12/2019)</p>		
<p>Đề nghị sửa đổi nội dung tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 126 như sau: “<i>Thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần là ngày doanh nghiệp có phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần lần đầu hoặc ngày doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo hình thức CTCP theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp (trong trường hợp 2 ngày này khác nhau)</i>”</p>	<p>Giữ nguyên vì việc quy định đăng ký kinh doanh lần đầu thuộc pháp luật doanh nghiệp, không thể quy định trong Nghị định này</p>	
<p>Đề nghị sửa đổi tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định 126 như sau: “<i>Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp (từ thời điểm XDGTĐN đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp) phải đảm bảo không quá 12 tháng; đối với các doanh nghiệp phải thực hiện Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định này thời gian không quá 15 tháng, ngoại trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</i>”</p>	<p>Giữ nguyên để đảm bảo quá trình tái cấu và giá trị doanh nghiệp sau 15 tháng đã thay đổi rất nhiều, không sát với giá trị doanh nghiệp</p>	

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Khoản 3b Điều 26 Nghị định 126 quy định: “Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhân được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp có phần hóa. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán”. Thực tế quá trình làm việc của Kiểm toán nhà nước mất nhiều thời gian. Mặc dù quy định là “không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán” nhưng “ngày tiến hành kiểm toán” thì doanh nghiệp CPH hoàn toàn bị động, phải phụ thuộc hoàn toàn vào Kiểm toán nhà nước, nếu KTTN thực hiện chậm thì sẽ ảnh hưởng đến thời hạn công bố giá trị doanh nghiệp không quá 15 tháng kể từ thời điểm XDGTĐN. Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi nội dung trên theo hướng bổ sung quy định về “ngày tiến hành kiểm toán” có năm trong thời hạn 10 ngày nêu trên không.</p>	<p>Thời hạn kiểm toán năm trong toàn bộ thời gian thực hiện xác định và công bố giá trị doanh nghiệp</p>	
<p>Điều 48 Nghị định 126 chưa quy định điều khoản chuyển tiếp trong trường hợp: Ban chỉ đạo CPH đã được thành lập theo Nghị định 59, doanh nghiệp CPH đã hoàn thành hầu hết quá trình CPH, đã chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, chỉ còn bước quyết toán CPH thì Ban chỉ đạo CPH có tiếp tục duy trì thành phần của Ban chỉ đạo CPH cũ hay phải thành lập Ban chỉ đạo CPH theo quy định tại Nghị định 126.</p>	<p>Theo quy định hiện hành việc quyết toán thực hiện chuyển thể thực hiện theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP thì các thành viên Ban chỉ đạo phải điều chỉnh lại cho phù hợp</p>	
<p>Đề nghị xem xét sửa đổi Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126 theo hướng: “đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định” và xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 41/2018/T-T-BTC ngày 4/5/2018. Đồng thời, xem xét bổ nội dung “không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này” trong quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 126/2017/NĐ-CP”.</p>	<p>Đã tiếp thu bài báo nội dung này</p>	

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
<p>Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định 126, các nội dung xử lý tài chính có khác biệt so với quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước (ví dụ các nội dung ảnh hưởng lớn quy định tại Mục b Khoản 2 Điều 11 Nghị định 126 về chênh lệch tỷ giá, Mục d Khoản 2 Điều 11 Nghị định 126 về ghi nhận cổ phiếu không phải trả tiền) dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện tại đơn vị trong trường hợp thời điểm 31/12 hàng năm là thời điểm lập báo cáo tài chính năm giữa thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại thời điểm 31/12 đó, không có quy định cụ thể doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện lập báo cáo, xử lý tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 hay Khoản 2 Điều 21 Nghị định 126, đề nghị xem xét để có hướng dẫn cụ thể.</p>	<p>Việc lập báo cáo tài chính hàng năm doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định hiện hành đối với doanh nghiệp nhà nước, trường hợp thời điểm đăng ký kinh doanh lần đầu trùng với thời điểm kết thúc năm thì khi lập báo cáo tài chính và quyết toán chuyên giao sẽ thực hiện một số nội dung xử lý tài chính đã quy định tại Điều 21.</p>	
<p>Xem xét có hướng dẫn xử lý chi phí trong trường hợp DNNN không thoái được vốn tại các doanh nghiệp khác</p>	<p>Chi phí này DNNN thực hiện theo chế độ tài chính, thuế hiện hành</p>	
<p>Đề các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước có cơ sở thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định 91 và Nghị định 32, đề nghị Bộ Tài chính mở rộng đối tượng áp dụng, bổ sung trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 32</p>	<p>Các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước thoái vốn thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và không thuộc phạm vi đối tượng áp dụng Nghị định 91 và Nghị định 32</p>	
<p>11. Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị (công năm 4038/HUD-PC ngày 16/12/2019)</p>		
<p>Tại Điều 30a dự thảo đề nghị quy định rõ Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty mẹ gửi lấy ý kiến các địa phương</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>Đề nghị công ty con khi cổ phần hóa cùng với công ty mẹ không phải lập phương án sắp xếp riêng mà sử dụng phương án của công ty mẹ</p>	<p>Mỗi doanh nghiệp là một chủ thể có tư cách pháp nhân khác nhau nêu đầu căn cứ phương án cụ thể</p>	
<p>Đề nghị xem xét lại việc xin ý kiến về giá đất với xin ý kiến về phương án sử dụng đất tại địa phương tránh trùng lặp</p>	<p>Việc lấy ý kiến địa phương về giá đất và hình thức, mục đích sử dụng đất là thực hiện đồng thời, cùng thời gian do cơ quan đại diện chủ sở hữu gửi.</p>	
<p>Đề nghị không đưa diện tích nhà, đất đã ký hợp đồng chuyển nhượng vào phương án sử dụng đất</p>	<p>Việc xây dựng phương án sử dụng đất phải thể hiện toàn bộ diện tích đất được giao quản lý</p>	
<p>Đề nghị rà soát thêm các diện tích đất phát sinh trong quá trình cổ phần hóa</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại khoản 10 Điều 1 dự thảo</p>	
<p>Đề nghị hướng dẫn cụ thể khi chuyển nhượng vốn có phải lấy ý kiến địa phương về giá đất không</p>	<p>Vấn đề này do cơ quan tư vấn thực hiện</p>	
<p>Đề nghị cho phép hạ giá bán khi chuyển nhượng vốn không thành.</p>	<p>Đề xuất này không phù hợp với Luật 69 và Luật đấu giá tài sản nhà nước</p>	
<p>12. Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch (Văn bản số 4990/BVHTTDL-KHTC ngày 13/12/2019) Thông nhất với dự thảo</p>		
<p>13. Tổng công ty Viễn Thông Toàn Cầu (Văn bản số 542/GTEL-VP ngày 13/12/2019) Thông nhất với dự thảo</p>		

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỌNG HỢP, TIẾP THEU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2017/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính	Ghi chú
14. Sở Tài chính Bắc Kạn (Văn bản số 1987/STC-QLCS.G&TCĐN ngày 13/12/2019)	Thống nhất với dự thảo	
15. Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền bắc (Văn bản số 3081/CTBĐATHHMB-TCKT ngày 13/12/2019) thống nhất với dự thảo		
16. UBND tỉnh Đồng Nai (Văn bản 14618/UBND-KTNS ngày 17/12/2019) thống nhất với dự thảo		
17. Sở Tài chính Ninh Bình (Văn bản số 2684/STC-TCĐN ngày 17/12/2019) thống nhất với dự thảo		
18. Sở Tài chính Trà Vinh (Văn bản số 3159/STC-TCĐN&THTK ngày 19/12/2019) thống nhất với dự thảo		
19. Bộ Nội vụ (Văn bản số 6169/BNV-PC ngày 11/12/2019) Thống nhất với dự thảo		
20. Sở Tài chính Kon Tum (Văn bản số 3711/STC-TCĐN ngày 12/12/2019) thống nhất với dự thảo		
21. Sở Tài chính Lai Châu (Văn bản số 2301/STC-TCĐN ngày 16/12/2019) thống nhất với dự thảo		
22. Bảo Hiểm xã hội Việt Nam (Văn bản số 4689/BHXH-KHDT ngày 16/12/2019) thống nhất với dự thảo		
23. Tổng công ty Quản lý bay Việt nam (Văn bản số 6170/QLB ngày 16/12/2019) thống nhất với dự thảo		
24. Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn (Văn bản số 743/CNS-HTQL ngày 16/12/2019) thống nhất với dự thảo		
25. Sở Tài chính Cà Mau (Văn bản số 4176/STC-BTDN ngày 13/12/2019) thống nhất với dự thảo		
26. Sở Tài chính Hà Tĩnh (Văn bản số 5018/STC-TCĐN ngày 16/12/2019) Thống nhất với dự thảo		
27. Sở Tài chính Tuyên Quang (Văn bản số 1911/STC-TCĐN ngày 16/12/2019) Thống nhất với dự thảo		
28. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Văn bản số 4016/ĐS-TCKT ngày 18/12/2019) Thống nhất với dự thảo		
29. Sở Tài chính TP Cần Thơ (Văn bản số 4020/STC-TCĐN ngày 20/12/2019) Thống nhất với dự thảo		

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4689/BHXH-KHĐT
V/v ý kiến với dự thảo Nghị định của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP
và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

4497 T/ DN Co' bcs' dhi'

BỘ TÀI CHÍNH	
NGÀY ĐẾN:	16-12-2019
SỐ CV ĐẾN:	0115910

Kính gửi: Bộ Tài chính ✓

BỘ TÀI CHÍNH
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:
Ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Thực hiện công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Bộ Tài chính về việc xin ý kiến với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần) và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP (về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp), Bảo hiểm Xã hội Việt Nam nhất trí với các nội dung tại dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự Thảo nghị định đính kèm.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, KHĐT (1b).

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đào Việt Ánh

Klccv. M
19/12
Y

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

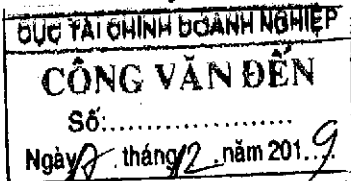
Số: 4990/BVHTTDL-KHTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

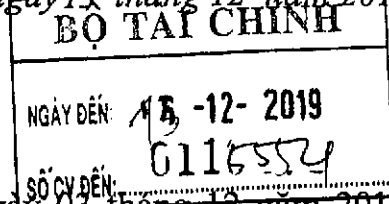
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2019



Kính gửi: Bộ Tài chính



Phúc đáp Công văn số 14665/BTC-TCĐN ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, sau khi nghiên cứu, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch như sau:

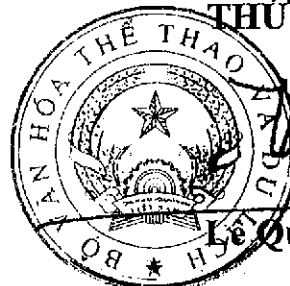
Thông nhất với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2017 quy định việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ban hành ngày 08/3/2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Quang Tùng (để báo cáo);
- Lưu VT, Vụ KHTC.DT.6.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quang Tùng

lêc vinh
17/12

TH. gr
4469 Co' loan đt

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6169/BNV-PC

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2019

V/v góp ý đối với dự thảo Nghị định
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và
Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Nhất trí với dự thảo Nghị định nêu trên do Bộ Tài chính chuẩn bị.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

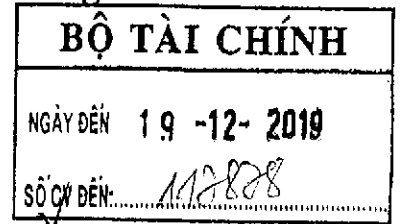
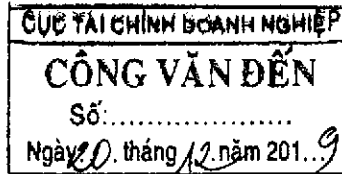
Nguyễn Trọng Thừa

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1987~~/STC-QLCS,G&TCDN
V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số
126/2017/NĐ-CP và Nghị định số
32/2018/NĐ-CP.

Bắc Kạn, ngày 13 tháng 12 năm 2019



Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

Khc Vinh
20/12

Thực hiện Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP,


Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn nhất trí với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định.

Vậy, Sở Tài chính tỉnh Bắc Kạn báo cáo Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) để tổng hợp. / 2

Nơi nhận:

- Gửi bản điện tử
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở;
- Gửi bản giấy
- Như trên;
- Lưu: VT, QLCS,G&TCDN (L).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Ven

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4091/STC-TCDN

V/v tham gia sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định
số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ

Hải Phòng, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Hải Phòng tại văn bản số 7778/UBND-DN ngày 10/12/2019 về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính,

Trên cơ sở dự thảo văn bản do Bộ Tài chính soạn thảo, sau khi thống nhất với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính Hải Phòng báo cáo Bộ Tài chính tham gia một nội dung như sau:

I. Về chuyển nhượng vốn và một số quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp

1. Về trách nhiệm của tổ chức tư vấn khi thực hiện xác định giá khởi điểm:

* Về phương pháp lựa chọn:

Theo quy định tại: Khoản 4, Điều 12, Nghị định 126/2017/NĐ-CP thì "Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp để xác định giá trị doanh nghiệp. Khoản 4, Điều 4, Thông tư 59/2018/TT-BTC: "Tổ chức thẩm định giá được lựa chọn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá, pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện nghiệp vụ và thực hiện hợp đồng đã ký kết với khách hàng. Tổ chức thẩm định giá, thẩm định viên thực hiện thẩm định giá chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Việc xác định giá đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định hiện hành của Hệ thống tiêu chuẩn Thẩm định giá Việt Nam và pháp luật có liên quan"

Như vậy, với các quy định như trên có thể hiểu là: Việc lựa chọn phương pháp thẩm định giá để xác định giá khởi điểm do tổ chức tư vấn thẩm định giá lựa chọn và chịu trách nhiệm hoàn toàn được không? Nếu không thì trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước thế nào?

2. Bổ sung nội dung hướng dẫn nguyên tắc xác định giá khởi điểm khi thực hiện chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán:

a. Theo dự thảo sửa đổi Nghị định số 32: Khi xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết /đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán phải đảm bảo nguyên tắc sau:

“- Mức giá khởi điểm do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn làm cơ sở cho nhà đầu tư đăng ký khối lượng mua và nộp tiền đặt cọc không được thấp hơn các mức giá: (i) giá xác định lại của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã chứng khoán đã giao dịch của công ty cổ phần niêm yết hoặc đăng ký trên giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán; (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

- Mức giá tại ngày đấu giá làm cơ sở cho các nhà đầu tư trả giá không được thấp hơn giá khởi điểm đã được công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày đấu giá chuyển nhượng vốn 01 ngày.

Trường hợp mức giá tại ngày đấu giá cao hơn giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn thì nhà đầu tư được quyền từ chối mua không tham gia đấu giá và được nhận lại tiền đặt cọc.”

Với quy định như trên, trong thực tế sẽ phát sinh một số mâu thuẫn như sau:

(1). Để thoái vốn nhà nước tại các công ty cổ phần thành công đối với các công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán phụ thuộc vào giá của mã chứng khoán đó đang giao Sở giao dịch chứng khoán.

Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay đối với công ty cổ phần mà tỷ lệ vốn nhà nước chiếm trên 65% vốn điều lệ thì việc giao dịch của mã chứng khoán đã niêm yết hoặc giao dịch trên sàn chứng khoán rất hạn chế về cả số lượng và giá giao dịch, thậm chí nhiều ngày không có giao dịch hoặc giao dịch dưới mệnh giá do tâm lý nhà đầu tư không được tham gia vào quá trình điều hành công ty. Việc tham gia mua bán các mã chứng khoán này chủ yếu là các nhà đầu tư nhỏ lẻ, số lượng giao dịch thành công rất ít, không phản ánh đầy đủ bản chất giá trị cổ phiếu của công ty. Các mã chứng khoán này thường xuyên có giao dịch thấp hơn mệnh giá, thấp hơn giá trị sổ sách.

Để việc thoái vốn tại các công ty cổ phần thành công thì cổ đông nhà nước có thể phải bán với giá dưới mệnh giá, dưới giá trị sổ sách. Như vậy sẽ gây thất thoát vốn nhà nước.

(2). Về xác định giá tham chiếu bình quân 30 giao dịch liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn: Trong thực tế có rất nhiều mã chứng khoán có rất ít giao dịch hoặc nhiều ngày liên tiếp không có giao dịch. Vì vậy, giá tham chiếu bình quân 30 giao dịch liên tiếp quy định trong dự thảo là giá bình quân liên tiếp của 30 ngày có giao dịch của mã chứng khoán thực hiện chuyển nhượng hay là giá bình quân của 30 ngày liên tiếp trên thị trường chứng khoán của mã chứng khoán đang thực hiện chuyển nhượng. Nếu 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án mã chứng khoán thực hiện chuyển nhượng không có giao dịch thì chỉ tiêu xác định này như thế nào?

(3). Nếu quy định trường hợp mức giá tại ngày đấu giá cao hơn giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn thì nhà đầu tư được quyền từ chối mua không tham gia đấu giá và được nhận lại tiền đặt cọc, đây sẽ là lý do để các nhà đầu tư từ chối mua, khi đó không còn sự ràng buộc dẫn đến cuộc đấu giá sẽ không thành công và làm ảnh hưởng đến kế hoạch thoái vốn nhà nước.

(4). Mức giá xác định lại của tổ chức có chức năng thẩm định giá có thể sẽ cao hơn rất nhiều (do việc tính thêm giá trị tạo bởi quyền sử dụng đất) so với giá đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán nên không đặt được lệnh bán mã chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định trường hợp nào thì việc thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán sẽ thực hiện ngoài sàn theo thứ tự phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận.

3. Một số nội dung khác:

Trên thực tế, khi thực hiện tại địa phương còn một số vướng mắc sau, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu quy định cụ thể để các địa phương triển khai được thuận lợi. Cụ thể:

* Về phương pháp xác định giá khởi điểm:

- Khi thực hiện xác định giá khởi điểm, các doanh nghiệp tư vấn có sử dụng phương pháp sơ sánh với các doanh nghiệp "tương đồng". Do vậy, Bộ Tài chính cần quy định tiêu chí để xác định doanh nghiệp "tương đồng", làm cơ sở để địa phương thẩm định và phê duyệt giá khởi điểm.

- Một số đơn vị tư vấn vận dụng quy định tại Khoản 2 Điều 22, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP để lựa chọn kết quả theo phương pháp tài sản để xác định giá trị vốn chủ sở hữu tại thời điểm chuyển nhượng vốn cũng như xác định giá khởi điểm để làm cơ sở chuyển nhượng vốn nhà nước. Khi đó, cơ quan tư vấn sẽ thực hiện đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp có vốn góp, đánh giá lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản cố định. Nội dung này có được chấp nhận khi thực hiện xác định giá khởi điểm hay không?

II. Về cổ phần hóa quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP:

1. Về việc lựa chọn tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp

Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, “*đối với gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng và chỉ có 01 tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp*”

Như vậy, được hiểu trong trường hợp chỉ có 01 đơn vị tư vấn đăng ký cung cấp dịch vụ và dự kiến chi phí thuê tư vấn vào khoảng 150 triệu đồng, thì có thể thực hiện chỉ định thầu đơn vị tư vấn định giá. Tuy nhiên, việc chỉ định đơn vị tư vấn định giá này do cơ quan đại diện chủ sở hữu tự ra văn bản quyết định lựa chọn hay phải thực hiện theo trình tự, thủ tục của Luật Đấu thầu do đây từ nguồn vốn nhà nước. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn rõ nội dung này.

2. Về việc xác định tài sản dự án có sử dụng vốn ODA khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa

Đối với DNNN công ích cổ phần hóa (Công ty TNHH MTV Thoát nước) do các tài sản của công ty chủ yếu là các công trình, hệ thống thoát nước phục vụ hoạt động công ích (như: cống, hồ điều hòa, trạm bơm, cửa xả...) nên khi cổ phần hóa theo quy định sẽ không tính vào giá trị doanh nghiệp. Trong khi đó trụ sở làm việc (tầng 1) thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý & Kinh doanh nhà, Công ty cải tạo tầng 2 để hoạt động, nên giá trị tài sản và phần vốn nhà nước để cổ phần hóa sẽ rất nhỏ.

Do vậy, để doanh nghiệp sau cổ phần hóa có tài sản để phục vụ hoạt động và ổn định phát triển sau cổ phần hóa, đảm bảo theo đúng mục tiêu cổ phần hóa DNNN. Công ty dự kiến đưa tài sản thuộc dự án 1B sử dụng vốn ODA vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, vốn vay ODA dự án 1B chỉ áp dụng cho khu vực nhà nước của ngân hàng thế giới, dự án cấp phát toàn bộ trên cơ sở vốn vay ưu đãi. Khi đánh giá lại các tài sản từ dự án ODA để đưa vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa thì tài sản này sẽ chuyển từ khu vực nhà nước sang một phần khu vực tư nhân, theo quy định phải được thẩm định phù hợp và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn trong trường hợp tính tài sản từ vốn ODA vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

3. Do quy trình thực hiện cổ phần hóa dài với nhiều trình tự, nội dung thực hiện, do vậy đề nghị bổ sung quy định mức chi phí cổ phần hóa tối đa làm cơ sở để thực hiện.

4. Bổ sung hướng dẫn xử lý tài chính đối với công nợ phải thu, phải trả đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần mà vẫn không có đối chiếu công nợ.

5. Khoản 4 Điều 1 sửa đổi Điều 12 bổ sung về đơn vị tư vấn cổ phần hóa như sau:

“c. Có uy tín, năng lực, thương hiệu và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm (60 tháng hoạt động liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ

tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp) về một trong các lĩnh vực: Thẩm định giá, kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp.”

Với quy định bổ sung như trên thì các cơ quan, đơn vị được chủ sở hữu ủy quyền ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn sẽ khó khăn khi lựa chọn đơn vị tư vấn vì chưa có quy định cụ thể để xác định tiêu chí đơn vị tư vấn thế nào là “có uy tín, năng lực, thương hiệu”. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể để xác định tiêu chí này khi thực hiện.

6. Khoản 9 Điều 1 bổ sung Điều 30a về phương án sử dụng đất như sau:

“c)Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương; không phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp và khác với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”

Trong thực tế, có đơn vị cổ phần hóa tài sản trên đất bàn giao cho địa phương mới đang ở hình thái chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang, (chỉ phí đền bù giải phóng mặt bằng, công trình dở dang,...) thì khi bàn giao cho địa phương cũng rất khó khăn. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể về nội dung này để thuận tiện khi thực hiện.

Sở Tài chính Hải Phòng tham gia một số nội dung vào dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như trên, nghị Bộ Tài chính xem xét nghiên cứu, tổng hợp báo cáo theo quy định.

(Xin gửi kèm văn bản 7778/UBND-DN ngày 10/12/2019 của UBND thành phố Hải Phòng)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để b/cáo);
- Sở KH&ĐT (để p/hợp);
- GD Sở (để b/cáo)
- Lưu VT, TCDN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Cáp Trọng Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14618 /UBND-KTNS

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị định của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số
126/2017/NĐ-CP và Nghị định số
32/2018/NĐ-CP

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

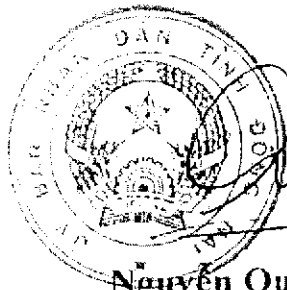
Qua nghiên cứu nội dung dự thảo, UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất với nội dung và bố cục của dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP theo nội dung tại Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Đồng Nai kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh,
- Sở Tài chính;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.
mphuong ktns

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2684/STC-TCDN**

Ninh Bình, ngày **17** tháng **12** năm **2019**

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

4496 Cục TCDN
Coll bản đt 2/19

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
CÔNG VĂN BẢN
Số:.....
Ngày 19 tháng 12 năm 201.....

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN 17-12-2019
SỐ CV ĐẾN: 0116623

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính, Văn bản số 630/UBND-VP5 ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính nhất trí với nội dung Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCDN, D(02).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đương Đức Quân

Klc CV
19/12

cu: TCON 79
4500

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4176 /STC-ĐTDN

Cà Mau, ngày 13 tháng 12 năm 2019

V/v góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN: 18 -12- 2019
SỐ CV ĐẾN: 0117352

QUẾ TÀI CHÍNH ĐƯƠNG NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:.....
Ngày 19 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Kết chính
19/12
✓

Ngày 12/12/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 9228/UBND-KT V/v góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành (kèm Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).

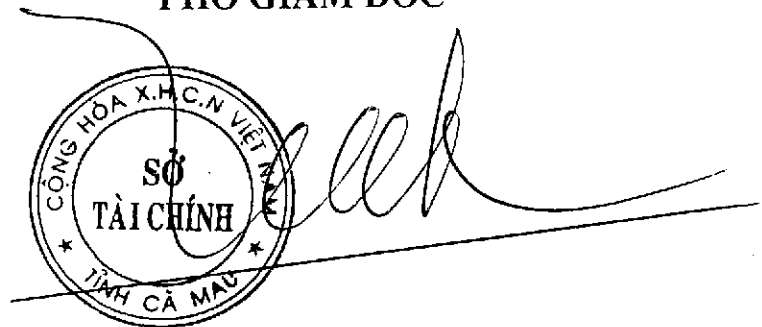
Sau khi rà soát, nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Sở Tài chính thống nhất với dự thảo.

Sở Tài chính tỉnh Cà Mau báo cáo đến Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp chung./. *lu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VP, ĐTDN_(Trg).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Minh Kiên

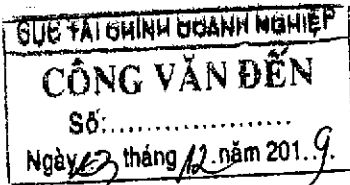
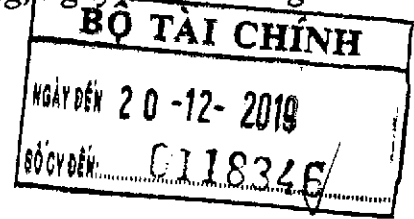
UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1911 /STC-TCDN

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP



Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP;

Thực hiện Văn bản số 3638/UBND-TH ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP,

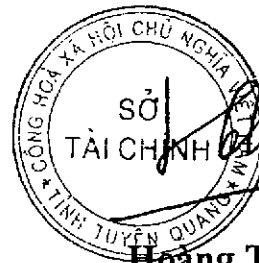
Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Sở Tài chính Tuyên Quang nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Sở Tài chính Tuyên Quang trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc STC (B/cáo);
- Lưu: VT, TCDN (Hà05)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thu Lựa

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5018 /STC-TCDN
V/v góp ý vào Dự thảo Nghị định
của Chính phủ.

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14655/BTC-TCDN ngày 3/12/2019 của Bộ Tài chính và công văn số 8226/UBND-KT1 ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc góp ý Dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Nghị định và tổng hợp ý kiến của các Sở, ngành liên quan, Sở Tài chính thống nhất với các nội dung Dự thảo.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT, TCDN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phùng Thị Nguyệt

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~201~~ 201/STC-TCDN

Lai Châu, ngày 16 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Kính gửi: Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2873/UBND-KTN ngày 09/12/2019 về việc góp ý kiến vào dự thảo Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP;

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các ngành và xem xét nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị định, sở Tài chính nhất trí với nội dung và bố cục của dự thảo Tờ trình và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu, kính gửi Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (bc);
- Giám đốc Sở (bc);
- Lưu: VT, TCDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lò Văn Duy

UBND TỈNH KON TUM
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3711/STC-TCDN

Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định của Chính phủ về sửa
đổi bổ sung một số điều của
Nghị định 126/2017/NĐ-CP và
Nghị định 32/2018/NĐ-CP.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ngày 10/12/2019, Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum có Văn bản số 3138/VP-KTTH về việc đề nghị Sở Tài chính tỉnh Kon Tum tham gia dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP kèm theo Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tỉnh Kon Tum có ý kiến như sau:

Thống nhất nội dung và bố cục của dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP tại Văn bản số 14665/BTC-TCDN nói trên.

Trên đây là góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP, Sở Tài chính tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/C);
- Lưu: VT, TCDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Ngọc Hùng

3159 ngày 19/12/19

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3159/STC-TCDN&THTK
V/v ý kiến dự thảo Nghị định
của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định
số 126/2017/NĐ-CP và Nghị
định số 32/2018/NĐ-CP

Trà Vinh, ngày 19 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Căn cứ Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Thực hiện Công văn số 4673/UBND-KT ngày 11/12/2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ.

Qua tổng hợp, nghiên cứu các Điều, Khoản; Sở Tài chính Trà Vinh và các Sở, ngành liên quan thống nhất nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính Trà Vinh và các Sở, ngành liên quan báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TCDN&THTK.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thanh Dũng

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 4020/STC-TCĐN

V/v góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14665/BTC-TCĐN ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính và Công văn số 4935/VPUB-KT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Qua lấy ý kiến đóng góp của các sở, ngành, đơn vị liên quan và qua nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP. Các đơn vị thống nhất theo nội dung của dự thảo, không có ý kiến đóng góp thêm.

Sở Tài chính kính báo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP “để báo cáo”;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Sĩ

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1490 /TCT-KH&ĐTTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2019

V/v góp ý Dự thảo Nghị định 32, 126

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:
Ngày 16 tháng 12 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN: 16-12-2019
SỐ CV ĐẾN: 0116036

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một thành viên (Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn) nhận được Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu nội dung Dự thảo Tờ trình và Nghị định của Bộ Tài chính. Về cơ bản Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn thống nhất với nội dung của bản Dự thảo và tham gia ý kiến một số nội dung cụ thể như sau:

1. Nghị định 126/2017/NĐ-CP

- Tại điểm b, Khoản 3, Điều 6. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần

"Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ."

Trường hợp có những doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần khi cổ phần hóa muốn liên kết với các nhà đầu tư có tiềm lực để huy động được nguồn lực tài chính, tiếp cận trình độ, kinh nghiệm quản lý, công nghệ sản xuất hiện đại, mở rộng thị trường ra bên ngoài của các đối tác chiến lược, nếu thực hiện theo quy định trên thì không thể thực hiện được, có thể đây là điểm nghẽn đối với doanh nghiệp.

Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, sửa đổi theo hướng mở để doanh nghiệp vận dụng trong từng trường hợp cụ thể.

Theo Quyết định 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối khi cổ phần hóa, tuy nhiên sau đó tại Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg điều chỉnh tỷ lệ vốn nhà nước khi thực hiện phương án cổ phần hóa nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, sau khi hoàn thành phương án bán cổ phần và chuyển sang công ty cổ phần thì phải xây dựng phương án thoái vốn để Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ theo Quyết định số 58. Đối với trường hợp này, khi xây dựng phương án cổ phần hóa, doanh nghiệp có được bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược hay không.

Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn cụ thể đối với nội dung này.

- Tại Khoản 3, Điều 12. Tư vấn cổ phần hóa

“ Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định lựa chọn tổ chức tư vấn có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này để xác định giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc:

a) Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng và chỉ có 01 tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp;

b) Đối với các gói thầu tư vấn không thuộc quy định tại điểm a khoản này, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”

Trong thực tế, khi chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa đa phần các doanh nghiệp đều hướng đến chọn đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng để làm tư vấn trọn gói (xác định giá trị doanh nghiệp, xây dựng phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ doanh nghiệp, phương án bán cổ phần lần đầu ra công chúng...), hợp đồng tư vấn đối với trường hợp này thông thường có xác định giá trị của từng phần hành công việc, có thể phân xác định giá trị doanh nghiệp có chi phí tư vấn thấp hơn 03 tỷ đồng và chắc chắn là khi doanh nghiệp cổ phần hóa gửi thông báo mời thầu thì có rất nhiều đơn vị tư vấn gửi hồ sơ tham gia đấu thầu và như vậy thì điều kiện chỉ 01 tổ chức đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp rất khó xảy ra.

Liên quan đến việc thực hiện lựa đấu thầu để chọn đơn vị tư có các quy định sau đây:

Theo Điều 16 Luật đấu thầu quy định về điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu:

“ 1. Cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu phải có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu và có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của gói thầu, dự án, trừ cá nhân thuộc nhà thầu, nhà đầu tư.

2. Cá nhân tham gia trực tiếp vào việc lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thuộc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị hoạt động tư vấn đấu thầu, ban quản lý dự án chuyên nghiệp phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.”

Theo Khoản 2 Điều 104 Nghị định số 63 ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định trách nhiệm của đơn vị thẩm định:

“ 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định các nội dung sau đây:

a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư, trừ các gói thầu quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ đầu tư khi được yêu cầu, trừ các gói thầu quy định tại Khoản 3 Điều này.”

Khoản 7, Điều 35 Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu có nêu: “Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, cá nhân tham gia trực tiếp vào việc lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả mời sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp, doanh nghiệp, đơn vị hoạt động tư vấn đấu thầu, ban quản lý dự án chuyên nghiệp, đơn vị mua sắm tập trung phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu”.

Quyết định cổ phần hóa các doanh nghiệp tại Thành phố quản lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố. Do đó, kế hoạch lựa chọn nhà thầu do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Căn cứ vào các quy định nêu trên để đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định pháp luật trong việc lựa chọn nhà thầu làm đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp thì hầu hết các thành viên Tổ giúp việc, thành viên Ban chỉ đạo và nhân sự doanh nghiệp cổ phần hóa không đủ điều kiện để tham gia xét thầu. Thực tế hiện nay, các đơn vị tư vấn tổ chức phát hành hồ sơ mời thầu, xây dựng các tiêu chí để đánh giá hồ sơ, xét duyệt hồ sơ thầu đối, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với lĩnh vực tư vấn cổ phần hóa rất ít, thậm chí qua trao đổi hầu như là không có kinh nghiệm trong lĩnh vực này mà chủ yếu là tư vấn lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị.

Kiến nghị, Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn nội dung này để việc lựa chọn đơn vị tư vấn cổ phần hóa được thực hiện thông suốt.

2. Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

- Tại điểm b, Khoản 3, Điều 2 Dự thảo Nghị định, quy định về mức giá khởi điểm.

“...Đối với công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, mức giá khởi điểm do doanh nghiệp nhà nước công bố và không thấp hơn: (i) giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá; (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn; (iii) giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày....

+ Mức giá tại ngày đấu giá làm cơ sở cho các nhà đầu tư trả giá không được thấp hơn giá khởi điểm đã được công bố tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và giá tham chiếu của mã chứng khoán của công ty cổ phần

đang giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán trước ngày đấu giá chuyển nhượng vốn 01 ngày.”

Trong thực tế có thể xảy ra giá khởi điểm do đơn vị tư vấn đưa ra cao hơn giá tham chiếu bình quân 30 liên tiếp giao dịch và cao hơn giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.

Ví dụ: đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm: 15.000 đ/cp; giá tham chiếu bình quân 30 ngày: 15.500 đ/cp; giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày: 16.000 đ/cp. Doanh nghiệp chuyển nhượng vốn quyết định chọn giá khởi điểm là 15.000 đ/cp.

Ngày 28/12 là ngày đấu giá, trong đó giá tham chiếu trước ngày đấu giá 01 ngày (27/12) là 14.500 đ/cp thấp hơn giá khởi điểm. Nhà đầu tư đưa ra mức giá 14.750 đ/cp, cao hơn giá tham chiếu trước ngày đấu giá 01 ngày và thấp hơn giá khởi điểm do doanh nghiệp chuyển nhượng vốn đưa ra là 15.000 đ/cp. Trong trường hợp này nhà đầu tư vi phạm điều kiện thứ nhất là giá đưa ra thấp hơn giá khởi điểm, nhưng so với giá tham chiếu của ngày trước ngày đấu giá lại cao hơn. Trong khi dự thảo lại đưa ra điều kiện là nhà đầu tư phải đưa ra mức giá để tham gia đấu giá không được thấp hơn giá khởi điểm và giá tham chiếu của ngày trước ngày đấu giá.

“... Trường hợp mức giá tại ngày đấu giá cao hơn giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn thì nhà đầu tư được quyền từ chối không tham gia đấu giá và được nhận lại tiền cọc.”

Ở đây cần làm rõ mức giá tại ngày đấu giá có phải là giá tham chiếu hay không? Giá tham chiếu là giá tham khảo để các nhà đầu tư làm cơ sở để đánh giá hay thực hiện mua, bán. Giá tham chiếu hôm nay chính là giá đóng cửa ngày hôm qua, là giá cơ sở để xác định giá trần, giá sàn của cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán.

Do đó, đối với các doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn chứng khoán, thiết nghĩ cơ sở để các nhà đầu tư tham gia đấu giá cần xoay quanh giá khởi điểm đã được phê duyệt trong phương án chuyển nhượng vốn, trong quá trình đấu giá, các nhà đầu tư sẽ đánh giá tiềm năng phát triển của doanh nghiệp để đưa ra mức giá hợp lý để nắm giữ cổ phần, tham gia vào quá trình hoạt động của doanh nghiệp, cổ phiếu sẽ được phân phối theo giá từ cao đến thấp cho các nhà đầu tư.

Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh đưa ra một mức giá cụ thể để nhà đầu tư và doanh nghiệp thoái vốn chọn làm cơ sở để thực hiện.

- Tại khoản 7, Điều 2 Dự thảo, quy định về việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ quyền góp vốn:

“Việc xác định giá khởi điểm khi đấu giá công khai quyền mua cổ phần, quyền góp vốn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 hoặc tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định này... Trường hợp thời gian cho phép cổ đông, thành viên góp vốn.... không đủ thời gian để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng thì chủ sở hữu vốn chuyển nhượng xem xét quyết định giá chuyển

nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn, phương thức chuyển nhượng thỏa thuận trực tiếp và đảm bảo nguyên tắc giá thị trường, hiệu quả.”

Qua thực tế hoạt động cho thấy khi doanh nghiệp thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần/phát hành thêm vốn để tăng vốn điều lệ, Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên có thông báo cho các cổ đông/thành viên góp vốn trong thời gian ngắn, trong khi đó việc xác định giá khởi điểm mất rất nhiều thời gian do phải xác định giá trị quyền sử dụng đất, đối với các doanh nghiệp mà DNNN có vốn góp với tỷ lệ thấp việc tiếp cận hồ sơ để cung cấp cho đơn vị tư vấn rất khó khăn, thậm chí là bị từ chối vì nhiều lý do đưa ra để trì hoãn. Do đó, việc xác định giá khởi điểm theo quy định tại Nghị định này để chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ quyền góp vốn có thể nói là “ không thể thực hiện được”.

Trường hợp không xác định được giá khởi điểm như quy định thì chủ sở hữu xem xét quyết định giá chuyển nhượng quyền mua cổ phần/quyền góp vốn, thỏa thuận trực tiếp và đảm bảo nguyên tắc giá thị trường, có hiệu quả. Đây là quyết định khó khăn cho DNNN về việc “ đảm bảo nguyên tắc thị trường”.

Kiến nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV, Ban TGD;
- Lưu VT, P.KH-ĐTTC (QT).



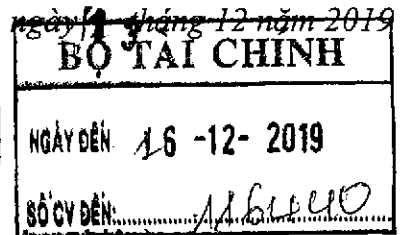
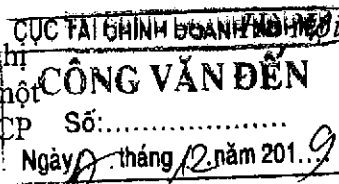
Lê Minh Trang

**TỔNG CÔNG TY
THÉP VIỆT NAM-CTCP**

Số: **11063/VNS-TCKT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v Tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị
định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP
và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP



Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Klc CV: M4
12/12

Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (Tổng công ty) nhận được Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Tổng công ty thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn chuyên tiếp giữa Nghị định 109/2007/NĐ-CP và Nghị định 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ: Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (thời điểm ngày 01/01/1010) theo Nghị định 109/2007/NĐ-CP, thực hiện quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (01/10/2011) theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

Trong quá trình Bộ Công thương xem xét, thẩm định và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty, đã phát sinh các vướng mắc liên quan đến việc xử lý giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị quyền sử dụng đất đã tính vào vốn nhà nước khi cổ phần hóa, cụ thể:

- Vướng mắc đối với việc xử lý giá trị quyền sử dụng đất đã tính vào vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, nhưng trong giai đoạn cổ phần hóa UBND địa phương đã có quyết định thu hồi lô đất và không xét đền bù giá trị quyền sử dụng đất nêu trên cho Tổng công ty.

- Vướng mắc đối với việc xử lý giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, nay bị địa phương thu hồi và không thực hiện đền bù giá trị lợi thế vị trí địa lý cho Tổng công ty, do pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp này.

- Vướng mắc đối với giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, sau cổ phần hóa địa phương đã có quyết định chuyển đổi từ hình thức thuê đất hàng năm sang giao đất có thu tiền sử dụng đất, Tổng công ty đã thực hiện nộp tiền một lần trên cơ sở đơn giá thuê đất của UBND địa phương.

Các vướng mắc trên đã dẫn đến việc xem xét, phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại Tổng công ty bị kéo dài, từ khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần (01/10/2011) đến nay đã hơn 8 năm vẫn chưa được hoàn tất.

Tổng công ty đã có nhiều văn bản gửi Chính phủ và các cấp thẩm quyền xem xét giải quyết, đồng thời khi các Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số

32/2018/NĐ-CP được ban hành, cũng chưa có các quy định cụ thể để có thể xem xét, xử lý đối với các tồn tại, vướng mắc về đất đai của Tổng công ty khi cổ phần hóa.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Tổng công ty nhận thấy nội dung của dự thảo Nghị định chưa đề cập đến việc xử lý đối với giá trị quyền sử dụng đất, giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào vốn nhà nước khi cổ phần hóa, trong và sau khi cổ phần hóa bị địa phương thu hồi, nên chưa giải quyết được dứt điểm các vướng mắc về đất đai khi cổ phần hóa của Tổng công ty.

Do vậy, Tổng công ty tham gia một số ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định nêu trên, nhằm giải quyết được các vấn đề vướng mắc của Tổng công ty về đất đai, như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định 32/2018/NĐ-CP:

Đề nghị bổ sung tại mục I, khoản 1.2.1, gạch đầu dòng thứ 2 của Dự thảo “Về khấu trừ tiền thuê đất của giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành”, nội dung sau:

“Chưa có quy định cụ thể việc xử lý đối với giá trị lợi thế vị trí địa lý đã tính vào vốn Nhà nước khi cổ phần hóa đối với các lô đất đã có quyết định thu hồi của UBND địa phương, hoặc có quyết định của UBND địa phương chuyển từ hình thức thuê đất hàng năm sang hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất”.

2. Đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP:

Đề nghị bổ sung khoản 15, mục a, Điều 1, như sau:

“Các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP nhưng chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê đã tính vào giá trị doanh nghiệp (của những lô đất đã bị địa phương thu hồi hoặc có quyết định chuyển sang hình thức giao đất) và giá trị quyền sử dụng đất đã tính vào vốn nhà nước bị địa phương thu hồi trong giai đoạn cổ phần hóa, được trừ vào vốn nhà nước khi cơ quan thẩm quyền xem xét, thẩm định để phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Hoặc, được trừ vào số phải nộp về cổ phần hóa sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp thẩm quyền”.

Tổng công ty kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét các đề xuất của Tổng công ty, bổ sung dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, để có thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai khi cổ phần hóa và đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa cho doanh nghiệp.

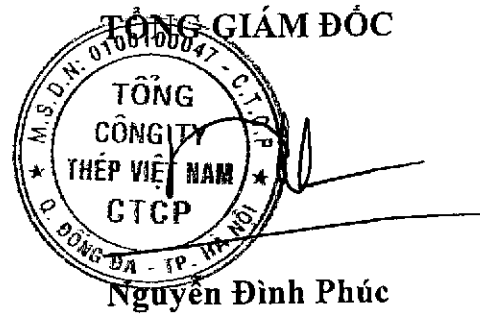
(Xin gửi kèm theo Văn bản số 1047/VNS-TCKT ngày 3/12/2019 của Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP gửi Thủ tướng Chính phủ kiến nghị xử lý các vướng mắc về đất đai khi cổ phần hóa Tổng công ty).

Rất mong được sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Tài chính.

Trân trọng cảm ơn!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- QLĐT, TCKT;
- Lưu: VT, TCKT. *lv*



TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6161/VNPT-PCTT

V/v góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH	
CÔNG VĂN ĐẾN	BỘ TÀI CHÍNH
Số:.....	NGÀY ĐẾN 18 -12- 2019
Ngày 17 tháng 12 năm 2019	0117323

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Thực hiện văn bản số 14665/BTC-TCĐN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính v/v lấy ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) xin có một số ý kiến góp ý như sau:

I. Nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 126/2017/NĐ-CP

1) Về thời điểm lập phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa:

Khoản 1 Điều 30a dự thảo quy định: “1. Căn cứ phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định, nhu cầu sử dụng đất của doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, **sau khi có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp**, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp chỉ đạo Tổ giúp việc phối hợp cùng doanh nghiệp xây dựng phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa, cụ thể:”.

Tập đoàn VNPT đề nghị cần làm rõ thời điểm lập phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa để có cơ sở thực hiện.

2) Về thẩm quyền Phương án sử dụng đất, rà soát lại việc sắp xếp các cơ sở nhà đất:

- Điểm a Khoản 1 Điều 30a dự thảo quy định phê duyệt Phương án sử dụng đất, rà soát lại việc sắp xếp các cơ sở nhà đất theo NĐ 167/2017/NĐ-CP xong mới cổ phần hóa. Doanh nghiệp cổ phần hóa phải xây dựng Phương án sử dụng đất bao gồm toàn bộ diện tích đất, cần làm rõ diện tích nào theo NĐ 167/2017/NĐ-CP (09 hình thức xử lý).

Tập đoàn VNPT đề nghị có hướng dẫn trong trường hợp doanh nghiệp có phát sinh hàng năm các cơ sở nhà đất so với số liệu đã ghi trong Phương án sử dụng đất, rà soát lại. Ngoài ra, liên quan đến các hình thức xử lý đất thì chỉ có 2 hình thức (giữ lại tiếp tục sử dụng, tạm giữ lại sử dụng) liên quan đến cổ phần hóa.

3) Về sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:

Điểm c, Khoản 1, Điều 30a dự thảo quy định: “Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của doanh nghiệp phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương; phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp”.

Khoản 2 Điều 30a dự thảo quy định: Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).

Tập đoàn VNPT đề nghị có quy định cho các địa phương cung cấp các thông tin về quy hoạch để doanh nghiệp căn cứ vào đó rà soát, phân loại nhằm đảm bảo tiến độ rà soát (đảm bảo thuận lợi cho các địa phương có ý kiến trong 60 ngày làm việc theo quy định).

4) Về khoản đã chi phí để có quyền sử dụng đất hoặc được thuê lô đất nhưng phải trả lại nhà nước:

Điểm c khoản 1 điều 30a dự thảo quy định: “Trường hợp đề xuất sử dụng đất của doanh nghiệp chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương; không phù hợp với chiến lược phát triển doanh nghiệp và khác với phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt thì doanh nghiệp phải trả lại cho Nhà nước để sử dụng vào mục đích khác. Giá trị còn lại của tài sản trên diện tích đất phải trả lại cho Nhà nước (nếu có) doanh nghiệp cổ phần hóa bàn giao cho địa phương tiếp nhận, quản lý; đồng thời hạch toán giảm tài sản, giảm vốn nhà nước theo giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”

Tập đoàn VNPT đề nghị được bồi hoàn chi phí của doanh nghiệp để có quyền sử dụng đất hoặc được thuê lô đất nhưng phải trả lại nhà nước.

5) Về phê duyệt giá đất:

Điểm a Khoản 1 Điều 30 quy định: “Giá đất để xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là giá đất cụ thể tại vị trí doanh nghiệp có diện tích đất được giao do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được giao) quyết định theo quy định tại khoản 3 và điểm d khoản 4 Điều 114 của Luật đất đai”.

Tập đoàn VNPT đề nghị có các quy định rõ ràng về phê duyệt giá đất, trên cơ sở đó cần xem xét khả năng đáp ứng yêu cầu về tiến độ vì nếu doanh nghiệp có nhiều cơ sở nhà đất (ví dụ 2.000 cơ sở) thì sẽ không đảm bảo thời gian địa phương phê duyệt trong 60 ngày (theo quy định giá trị đất trên 30 tỷ đồng phải thuê thẩm định, thành lập Hội đồng, ..., dự kiến kéo dài vài tháng, không đảm bảo 60 ngày).

Đề nghị bổ sung thời hạn sử dụng đất của công ty cổ phần.

6) Về gửi văn bản, hồ sơ liên quan để lấy ý kiến của địa phương ((nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng)

Khoản 2 Điều 30a của dự thảo quy định: Doanh nghiệp cổ phần hóa báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh

nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).

Đối với những doanh nghiệp có nhiều nhà đất sẽ cần nhiều thời gian để cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét hồ sơ để trình, hoặc cần giải trình, bổ sung hồ sơ nhà đất cho các cơ quan địa phương...điều này sẽ mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, Tập đoàn VNPT đề nghị cho phép doanh nghiệp cổ phần hóa trực tiếp gửi phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa cùng các hồ sơ liên quan cho UBND tỉnh, thành phố (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) để có thể đẩy nhanh tiến độ xử lý, giải trình.

7) Về thực hiện các thủ tục để được nhà nước giao đất, cho thuê đất:

Khoản 4 Điều 30 quy định: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật đất đai và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”

Theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì điều này không cần thiết, hoặc phải quy định cụ thể là doanh nghiệp cổ phần hóa đã có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu thì công ty cổ phần cần đăng ký biến động theo Luật đất đai, công ty cổ phần kế thừa làm thủ tục khi cấp Giấy chứng nhận, thực hiện nghĩa vụ tài chính với địa phương theo Phương án sử dụng đất đã duyệt.

Tập đoàn VNPT đề nghị quy định thống nhất cấp phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa đối với doanh nghiệp cấp I và doanh nghiệp cấp II là cơ quan đại diện chủ sở hữu để thống nhất về quy trình xử lý. Hoặc cần quy định các bước trình duyệt riêng cho hai nhóm doanh nghiệp này (tránh trường hợp quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản xin ý kiến UBND tỉnh, sau đó lại giao Hội đồng thành viên doanh nghiệp phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa đối với doanh nghiệp cấp II).

8) Về chi phí cổ phần hóa:

Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Chi phí cổ phần hoá được lấy từ nguồn tiền thu từ bán cổ phần theo quy định tại Điều 39 Nghị định này”. Nghị định 126/2017/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung chưa quy định đối với trường hợp chi phí cổ phần hóa lớn hơn nguồn tiền thu từ bán cổ phần.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn đối với trường hợp chi phí cổ phần hóa lớn hơn nguồn tiền thu từ bán cổ phần.

9) Về kiểm kê, phân loại tài sản:

Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Khi nhận được quyết định thực hiện cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản, các nguồn vốn và quỹ doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng, đối chiếu và xác nhận công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.”

Tập đoàn VNPT có các tài sản chuyên ngành gồm: Vệ tinh Vinasat 1 và vệ tinh Vinasat 2; Các tuyến cáp biển quốc tế; Mạng ngoại vi (các tuyến cáp đồng, cáp quang, cống, bể, cột, ODF, MDF, DDF, tủ, hộp, măng sông, các hệ thống đấu nối, các hệ thống phụ trợ cơ sở hạ tầng bao gồm tổ hợp nguồn điện, máy nắn, ắc quy, cảnh báo...); Các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin: Thiết bị mạng chuyên mạch, thiết bị viễn thông khác; Các thiết bị đầu cuối của dịch vụ MyTV, Gphone, MegaVNN, FiberVNN và kênh thuê riêng (Set-top-box, modem, ONT...).

Đối với các tài sản này, việc tiếp cận kiểm kê trực tiếp và đánh giá hiện trạng để xác định GTDN theo phương pháp tài sản là rất khó khả thi, không thể thực hiện được toàn bộ số lượng thiết bị, hoặc nếu thực hiện sẽ phát sinh khối lượng công việc, chi phí rất lớn, thời gian thực hiện kéo dài, không đáp ứng được thời gian quy định của quy trình cổ phần hóa tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP, ảnh hưởng đến tiến độ cổ phần hóa theo chỉ đạo của Chính phủ.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn kiểm kê, đánh giá hiện trạng đối với các tài sản chuyên ngành viễn thông, công nghệ thông tin nêu trên để tạo thuận lợi cho công tác kiểm kê, phân loại tài sản.

Tập đoàn VNPT đề nghị được sử dụng các thông tin kiểm soát hoạt động tài sản gồm: Hệ thống giám sát, theo dõi trạng thái hoạt động của vệ tinh tại trạm điều khiển và khai thác vệ tinh Vinasat; Hệ thống giám sát, theo dõi tại trạm cập bờ đối với tuyến cáp biển; Hệ thống phần mềm quản lý đối với các thiết bị viễn thông; Cơ sở dữ liệu của các giàn đồ mạng cáp/hoặc dữ liệu của các phần mềm quản lý mạng cáp/hoặc dữ liệu của các file quản lý mạng cáp đối với mạng ngoại vi; Hệ thống theo dõi online đối với thiết bị đầu cuối tại địa chỉ của khách hàng...kết hợp với các thông tin trong sổ sách kế toán của VNPT tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản, thay cho việc kiểm kê trực tiếp.

10) Về đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải thu:

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn; đối với các tổ chức tín dụng phải đối chiếu, xác nhận cả các khoản nợ phải thu ngoại bảng), đồng thời thực hiện thu hồi các khoản nợ đến hạn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.”

Tập đoàn VNPT có khoảng 12 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin (VT-CNTT) trả sau, đặc thù của khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau là khách hàng sử dụng dịch vụ trước, trả tiền sau; thời điểm khách hàng trả tiền sau thời điểm phát sinh công nợ, do đó số lượng khách nợ phải thu

hàng tháng là tương ứng với số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau. Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, tại thời điểm xác định GTDN, Tập đoàn VNPT phải đối chiếu, xác nhận với khoảng 12 triệu khách hàng này. Việc đối chiếu này sẽ làm phát sinh hơn 40 tỷ đồng chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiến độ cổ phần hóa.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau để tạo thuận lợi cho công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu.

Tập đoàn VNPT đề xuất cơ chế đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau như sau:

- Trường hợp khoản nợ phải thu đã được khách hàng thanh toán trong vòng 03 tháng kể từ thời điểm xác định GTDN: Tập đoàn VNPT được sử dụng chứng từ đã thu tiền để thay thế biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ.

- Trường hợp khoản nợ phải thu chưa thu được sau 03 tháng kể từ thời điểm xác định GTDN (chiếm khoảng 1,5% nợ phải thu): Thực hiện gửi đối chiếu công nợ cho khách hàng. Trường hợp khách hàng không xác nhận công nợ, Tập đoàn VNPT tập hợp hồ sơ gồm: Hợp đồng kinh tế; Văn bản đề nghị đối chiếu, xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát); Bảng kê công nợ. Đối với khách hàng ngoài nước, Tập đoàn VNPT được áp dụng đa dạng các hình thức đối chiếu như: Thông báo cước cho khách hàng, Bảng kê cước, văn bản, email, fax...

11) Về đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải trả:

Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả các tổ chức, cá nhân (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn) trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.”

Tập đoàn VNPT hiện có khoảng 0,5 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT thực hiện ký cước, ký quỹ; khoảng 1,8 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT thực hiện trả trước cho một thời hạn nhất định (03 tháng, 06 tháng, 12 tháng,..). Khi khách hàng ký cước, ký quỹ, trả trước, Tập đoàn hạch toán nhận tiền và công nợ phải trả khách hàng, hàng tháng khoản nợ này được trừ dần vào cước sử dụng dịch vụ của khách hàng. Tập đoàn VNPT có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ số dư khoản phải trả này và đảm bảo cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo thời hạn đã cam kết. Khách hàng không có hệ thống, công cụ để theo dõi khoản nợ này. Việc đề nghị khách hàng đối chiếu, xác nhận khoản nợ này là không khả thi, tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiến độ cổ phần hóa.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn công tác đối chiếu, xác nhận công nợ phải trả khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau (khoản ký cước, ký quỹ, trả trước) để tạo thuận lợi cho công tác đối chiếu, xác

nhận công nợ phải trả.

Tập đoàn VNPT đề xuất cơ chế đối chiếu, xác nhận như sau: Sử dụng Hợp đồng cung ứng dịch vụ, bảng kê theo dõi tình hình sử dụng dịch vụ của khách hàng và các hồ sơ khác như: chứng từ thu tiền, cam kết sử dụng dịch vụ của khách hàng (nếu có),... để thay thế Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ.

12) Về đối chiếu xác nhận số dư tài khoản ví điện tử :

Tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “Khi cổ phần hóa Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con, các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo qui định tại Nghị định này. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của công ty con phải trùng với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của công ty mẹ.”

Ngày 06/7/2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho Tổng Công ty Truyền thông (VNPT-Media) là công ty con do Tập đoàn VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ. Các dịch vụ trung gian thanh toán được cấp phép gồm: Dịch vụ công thanh toán điện tử; Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ; Dịch vụ ví điện tử.

Hiện nay, số lượng ví điện tử của VNPT-Media là 345.500 ví, dự kiến kế hoạch phát triển lũy kế đến cuối năm 2020 là 2,05 triệu ví và sẽ tăng mạnh trong các năm tiếp theo. Khi khách hàng nạp tiền vào ví điện tử thì VNPT-Media hạch toán nhận tiền và công nợ phải trả khách hàng. Tại từng thời điểm, số dư tiền trong từng ví điện tử là số dư VNPT-Media phải trả khách hàng. Việc đề nghị khách hàng đối chiếu, xác nhận số dư tiền trong từng ví điện tử là không khả thi, tốn kém chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn VNPT và tiến độ cổ phần hóa. Mặt khác, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động Trung gian thanh toán, việc quản lý ví điện tử bắt buộc phải đảm bảo từ hệ thống, con người và quy định đều rất chặt chẽ về việc bảo vệ thông tin và bảo mật hệ thống, dữ liệu hệ thống và tài khoản người dùng. VNPT-Media cũng đang trong quá trình hoàn thiện để xin cấp chứng PCIDSS nhằm đảm bảo hoạt động cung cấp dịch vụ được an toàn, chất lượng.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về đối chiếu số dư ví điện tử. Tập đoàn VNPT đề nghị được đối chiếu tổng số tiền dư nợ phải trả khách hàng về ví điện tử trên tài khoản công nợ với tổng số tiền trong ví điện tử được theo dõi trên hệ thống, dữ liệu trung gian thanh toán, không phải thực hiện đối chiếu, xác nhận số dư chi tiết từng ví điện tử với khách hàng.

13) Về xử lý tài chính:

- Khoản 2 Điều 14 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp các tài sản chưa xử lý, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật. Giá trị còn lại theo số

sách của các tài sản này phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.”

- Khoản 3 Điều 14 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “Riêng các khoản chi phí của các dự án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa hình thành hiện vật, không có giá trị thu hồi như: chi phí lập phương án tiền khả thi, chi phí khảo sát, thiết kế công trình thì doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi hoàn theo quy định của pháp luật hiện hành, phần tổn thất được xử lý vào kết quả kinh doanh theo quy định.”

Quy định trên gây khó khăn cho doanh nghiệp cổ phần hóa, việc loại trừ tài sản không cần dùng, chờ thanh lý phải chờ ý kiến của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, trong khi doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN để phục vụ việc xác định GTDN.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi quy định này. Trường hợp không sửa đổi quy định này, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể nội dung này khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN.

14) Về khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN:

Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126/2017/NĐ-CP và điểm 6 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quy định trên chưa thống nhất với quy định tại Điều 69 Thông tư 200/2014/TT-BTC. Doanh nghiệp cổ phần hóa gặp khó khăn khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định về cổ phần hóa hay Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi quy định về xử lý khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định GTDN. Trường hợp không sửa đổi quy định này, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể nội dung này khi lập báo cáo quyết toán, kiểm toán và quyết toán thuế tại thời điểm xác định GTDN.

15) Về bàn giao các khoản nợ khó đòi đã được xử lý cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam:

Khoản 2 Điều 15 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định “3. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kể trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.”

Tập đoàn VNPT có khoảng 12 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau, hàng năm tỷ lệ thu cước của Tập đoàn VNPT đều đạt trên 99%, các khoản nợ khó đòi đã xử lý có đặc điểm là giá trị của từng khách nợ nhỏ nhưng số lượng khách nợ lớn, số lượng hồ sơ xử lý nợ rất lớn và đang được lưu giữ dàn trải khắp cả nước. Hiện nay, các đơn vị trực thuộc Tập đoàn VNPT đang tiếp tục theo dõi để đôn đốc, thu hồi nợ cũng như rà soát hạn chế khách nợ đăng ký sử dụng dịch vụ VT-CNTT khi chưa thanh toán hết công nợ.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định “Đối với các khoản nợ khó đòi của khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kể trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện báo cáo danh sách khách hàng đã xử lý cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam, doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục quản lý hồ sơ khách hàng đã xử lý nợ để đôn đốc thu hồi nợ theo quy định, trường hợp thu hồi được nợ thì chuyển cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam.”

16) Về giá trị quyền thuê đất (đất thuê trả tiền một lần, đất thuê trả tiền hàng năm):

Khoản 4 Điều 29 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp “Giá trị quyền sử dụng đất được giao, tiền thuê đất xác định lại và giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp”

Tuy nhiên, Nghị định 126/2017/NĐ-CP chỉ quy định việc xác định giá trị quyền sử dụng đất (Điều 30).

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ việc có tính giá trị quyền thuê đất (đất thuê trả tiền một lần, đất thuê trả tiền hàng năm) vào giá trị thực tế của doanh nghiệp hay không.

17) Về điều kiện thực hiện cổ phần hoá:

Dự thảo đã bãi bỏ khoản 1 Điều 13 và bổ sung điểm c khoản 1 Điều 1 Nghị định 126/2017/NĐ-CP quy định điều kiện thực hiện cổ phần hoá “Có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.

Tập đoàn VNPT đang có vướng mắc do VNPT là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công nghệ thông tin, hàng năm liên tục phát triển hạ tầng mạng cố định và di động và do đó liên tục phát sinh các cơ sở nhà đất mới, nếu không có quy định/hướng dẫn cụ thể, cho phép chốt thời điểm thực hiện thì VNPT không thể hoàn thành 100% việc có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến không đủ điều kiện thực hiện cổ phần hoá. Đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn để giải quyết các vướng mắc liên tục phát sinh mới về nhà đất của VNPT.

18) Về thời gian để các nhà đầu tư chiến lược tiếp xúc, nghiên cứu thông tin doanh nghiệp:

Quy trình lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tại doanh nghiệp cổ phần hoá có thời

gian quá ngắn. Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung dự thảo điều chỉnh theo hướng có đủ thời gian để các nhà đầu tư chiến lược tiếp xúc, nghiên cứu thông tin về doanh nghiệp cổ phần hoá, nghiên cứu và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, chiến lược, tình hình tài chính... để quyết định tham gia làm nhà đầu tư chiến lược.

19) Về Quyết định cổ phần hóa:

Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung dự thảo quy định rõ nội dung Quyết định cổ phần hoá, thời điểm ban hành Quyết định cổ phần hoá, nội dung quyết định cổ phần hoá...

20) Về phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa:

Tập đoàn VNPT đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hoá, phê duyệt kế hoạch lựa chọn tư vấn cổ phần hoá (kế hoạch lựa chọn nhà thầu).

Để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá, đề nghị xem xét bổ sung hướng dẫn theo hướng cho phép doanh nghiệp/Ban chỉ đạo cổ phần hoá thực hiện trước/phê duyệt trước một số nội dung để triển khai trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định cổ phần hoá.

21) Về thù lao Ban chỉ đạo, tổ giúp việc:

Do quá trình cổ phần hoá dài và thường vượt quá 24 tháng, Tập đoàn VNPT đề xuất bổ sung nội dung dự thảo tính thù lao cho Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc trong toàn bộ thời gian thực hiện cổ phần hoá (bãi bỏ nội dung không quá 24 tháng kể từ thời điểm thành lập Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc).

II. Nội dung dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

1) Về xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm:

Điều c khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định “Đối với trường hợp đất thuê không có giấy tờ, hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất của doanh nghiệp đã hết hạn nhưng chưa được ký lại hợp đồng/phụ lục hợp đồng về việc điều chỉnh thời hạn/gia hạn thời hạn thuê đất, trong khi doanh nghiệp khác có vốn góp của nhà nước/doanh nghiệp nhà nước vẫn đang thực hiện nộp tiền thuê đất, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình trạng pháp lý của khu đất đó và căn cứ vào ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về tính pháp lý và thủ tục pháp lý của lô đất để xác định tiền thuê đất trả tiền hàng năm.”

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào; quy định thời hạn cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến về tình trạng pháp lý của khu đất; Phương án giải quyết trong trường hợp quá thời hạn quy định mà cơ quan có thẩm quyền chưa có ý kiến.

2) Về áp dụng phương pháp thẩm định giá:

Tiết c điểm 1 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định: “Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn:... xác định đầy đủ giá trị thực tế

phần vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm)...”

Với các quy định trên, khi xác định giá khởi điểm phải sử dụng tối thiểu 2 trong các phương pháp thẩm định giá sau: Phương pháp giá giao dịch; Phương pháp tỷ số bình quân; Phương pháp tài sản; Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp; Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức; Phương pháp chiết khấu dòng tiền thuần vốn chủ sở hữu.

Tuy nhiên, đối với một số doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn VNPT có tỷ lệ sở hữu thấp, Tập đoàn VNPT không thu thập được hồ sơ, tài liệu về tài sản, đất đai vì vậy không thể áp dụng được phương pháp tài sản khi xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn của Tập đoàn VNPT.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định: “Trường hợp không thu thập được đầy đủ hồ sơ tài sản của các công ty phải thực hiện chuyển nhượng vốn (do tỷ lệ sở hữu cổ phần thấp không chi phối để yêu cầu cung cấp hồ sơ về tài sản, đất đai hoặc do công ty cổ phần có địa bàn rộng không thực hiện kiểm kê cung cấp hồ sơ về tài sản, đất đai) thì đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp không phải áp dụng phương pháp tài sản khi xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn.”

3) Về xác định giá khởi điểm:

- Kết quả bán vốn phản ánh đầy đủ giá trị của doanh nghiệp cũng như cung cầu của thị trường do giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP (dựa trên kết quả thẩm định giá, ...) kết hợp với việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch thông tin bán vốn, áp dụng hình thức bán đấu giá công khai.

Tập đoàn VNPT đề xuất không cần quy định các giới hạn dưới như: giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp, giá tham chiếu của ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng/ngày công bố thông tin/ ngày đấu giá trong trường hợp bán vốn công khai. Quy định này chỉ nên áp dụng trong trường hợp bán vốn theo phương thức khớp lệnh/thỏa thuận trên sàn.

- Không nên quy định giá khởi điểm của ngày đấu giá phải lớn hơn giá tham chiếu của ngày công bố thông tin và giá khởi điểm của ngày công bố thông tin phải lớn hơn giá tham chiếu của ngày quyết định phương án chuyển nhượng vì nếu thị trường đang đi xuống, giá thị trường sẽ xuống theo và như vậy việc căn cứ vào giá tham chiếu của ngày quyết định phương án chuyển nhượng và ngày công bố thông tin sẽ không còn ý nghĩa. Việc thực hiện quy định này dẫn đến giá khởi điểm thực tế có thể cao không hợp lý dẫn đến chuyển nhượng không thành công, như vậy sẽ tốn chi phí và thời gian của doanh nghiệp khi thực hiện quy trình chuyển nhượng vốn.

Tập đoàn VNPT đề xuất đối với việc bán cổ phần theo phương thức khớp

lệnh/thỏa thuận trên sàn, đề nghị thống nhất nguyên tắc: giá khởi điểm tại ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn, ngày công bố thông tin và ngày đấu giá không thấp hơn (i) giá trị sổ sách; (ii) giá xác định lại của tổ chức thẩm định giá; (iii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và (iv) giá tham chiếu của ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng/ngày công bố thông tin/ ngày đấu giá (tương ứng với từng thời điểm).

4) Về xác định giá khởi điểm điều chỉnh sau khi bán vốn không thành công:

Điểm e khoản 4 và điểm e khoản 6 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung quy định sau khi thực hiện các phương thức bán vốn không thành công thì doanh nghiệp nhà nước căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp khác để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức giao dịch đã quy định.

Tập đoàn VNPT đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ quy định về xác định lại giá khởi điểm sau khi bán vốn không thành công, việc điều chỉnh giá khởi điểm đảm bảo nguyên tắc trong thời gian chứng thư thẩm định giá còn hiệu lực, vậy giá khởi điểm có còn phải căn cứ vào mức giá do tổ chức thẩm định giá xác định hay không? Ngoài ra trường hợp chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì việc xác định giá khởi điểm có cần phải phát hành lại chứng thư thẩm định giá làm cơ sở xác định giá khởi điểm không? Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể việc lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, làm rõ cơ quan quan có thẩm quyền phê duyệt thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn.

5) Về phương thức chào bán cạnh tranh:

Tập đoàn VNPT đề nghị hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá khởi điểm trong trường hợp phải thẩm định giá lại do chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực khi chuyển tiếp giữa các phương thức trong quy trình (đấu giá, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).

Trường hợp chào bán cạnh tranh, sau khi thẩm định giá lại thì giá thẩm định thay đổi, khi đó xác định giá khởi điểm chào bán cạnh tranh theo giá nào? Trường hợp áp dụng theo giá mới thẩm định lại hoàn toàn có khả năng giá khởi điểm chào bán cạnh tranh còn cao hơn khi đấu giá, gây mất thời gian và phí chi phí của doanh nghiệp.

6) Về trường hợp Điều lệ công ty quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần:

Tiết a điểm 1 khoản 15 Điều 1 Nghị định 32/2018/NĐ-CP quy định: “Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần mà điều lệ công ty cổ phần có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp (đối với trường hợp cổ đông chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty) thì việc chuyển nhượng cổ phần để chuyển nhượng vốn của nhà nước thực hiện theo thứ tự các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này đối với cổ đông

hiện hữu”.

Tập đoàn VNPT đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về trường hợp đấu giá công khai cho các cổ đông hiện hữu để đảm bảo vừa tuân thủ quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần, đồng thời vẫn đáp ứng các yêu cầu của cuộc đấu giá công khai.

Trên đây là những ý kiến, đề xuất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP. Kính mong Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) xem xét, tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- TGD Phạm Đức Long (để b/c);
- PTGD Huỳnh Quang Liêm (để biết);
- Lưu: VT, PCTT.

Số eOffice: 819835 - VBĐT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Tô Dũng Thái

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 938/TCT-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2019

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị
định số 32/2018/NĐ-CP

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN 20-12-2019
SỐ QUÝ ĐẾN 0118432

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:.....
Ngày 23 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn – TNHH một thành viên tiếp nhận Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, về cơ bản Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên thống nhất. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính xem xét về phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp.

Tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định: “*Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp được lựa chọn các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp, đảm bảo mỗi doanh nghiệp cổ phần hóa phải được áp dụng tối thiểu 02 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp khác nhau trình cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định*”

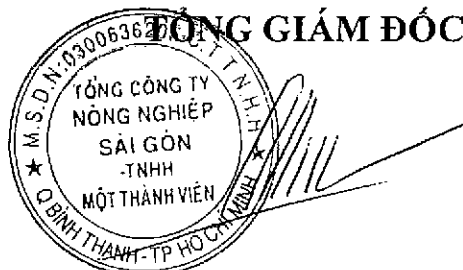
Phương pháp định giá cũng là một nguyên nhân làm chậm quá trình cổ phần hóa. Vì Nghị định 126 chỉ hướng dẫn 01 phương pháp định giá tài sản, trong khi xác định giá trị doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện theo phương pháp tài sản và tối thiểu 01 phương pháp khác. Tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn từng trường hợp áp dụng phương pháp khác nên dễ dẫn đến đơn vị tư vấn sẽ từ chối tư vấn định giá cho doanh nghiệp. Nếu buộc đơn vị tư vấn lựa chọn phương pháp áp dụng thì rất khó thực hiện nhanh, thời gian định giá sẽ kéo dài.

Để công tác cổ phần hóa doanh nghiệp được thuận lợi, đề nghị dự thảo sửa đổi Nghị định 126 (Khoản 1 Điều 22) bổ sung quy định một số phương pháp định giá cụ thể để thực hiện.

Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên kính báo ./. *M*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.TCKT, HKT.



Phạm Thiết Hòa

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cục TCDN/TH

Số: 2892 /HHVN-TGTT

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị
định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP
và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

BỘ TÀI CHÍNH	
NGÀY ĐẾN	20-12-2019
SỐ CV ĐỀ:	0118360

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:
Ngày 13 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện theo yêu cầu tại Văn bản số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xin tham gia đóng góp ý kiến như sau:

1. Đối với việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP

Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đang thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty mang tính đặc thù do Tổng công ty phải xác định lại giá trị doanh nghiệp (thời điểm xác định giá trị lần 1 ngày 31/12/2013, lần 2 ngày 31/12/2016) và triển khai thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn có sự thay đổi văn bản pháp luật về cổ phần hóa (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thay thế Nghị định số 59/2011/NĐ-CP), Tổng công ty thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và xây dựng phương án cổ phần hóa, bán cổ phần lần đầu theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Trong quá trình thực hiện cổ phần hóa, Tổng công ty gặp một số khó khăn, vướng mắc do đặc thù của Tổng công ty và liên quan đến việc áp dụng Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có nhiều quy định khác so với Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (như việc xây dựng dự toán chi phí cổ phần hóa trong trường hợp phải xác định lại giá trị doanh nghiệp, việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, việc xác định số phần bán được thuộc phần vốn phát hành thêm hay thuộc phần vốn nhà nước, việc điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần lần đầu, ...). Cho đến nay, những khó khăn, vướng mắc đã được Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền có văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, để hoàn thiện văn bản pháp luật về cổ phần hóa, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP là cần thiết.



Dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP cơ bản đã chỉnh sửa, bổ sung chi tiết các quy định còn chưa cụ thể, rõ ràng nêu trên. Ngoài ra, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xin đóng góp thêm một số ý kiến để Bộ Tài chính xem xét như sau:

1.1 Đề nghị xem xét, điều chỉnh dự thảo Nghị định

- Về chi phí cổ phần hóa:

Chi phí cổ phần hóa bao gồm nhiều khoản chi phí theo như quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. Tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định "*Chi phí cổ phần hóa được lấy từ nguồn tiền thu từ bán cổ phần*".

Tuy nhiên, tại Khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định về bổ sung Khoản 5 Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định "*Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp*". Điều này quy định chưa rõ trong trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp thì khoản chi phí cổ phần hóa nào hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kính đề nghị Bộ Tài chính quy định cụ thể hơn về chi phí cổ phần hóa hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh là khoản nào và hướng dẫn thời điểm hạch toán.

- Tại Khoản 7 Điều 1 của dự thảo Nghị định về sửa đổi Điểm d Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định "*Đối với cổ phiếu doanh nghiệp cổ phần hóa đã được nhận thêm từ sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần mà không phải trả tiền, doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ số lượng cổ phiếu nhận được để ghi tăng giá trị vốn nhà nước (theo giá được xác định tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần và các nguyên tắc quy định tại Điều 32 Nghị định này) đồng thời ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính*".

Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp đã xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, đã định giá lại giá trị các khoản đầu tư và ghi tăng vốn nhà nước (trong đó đã tính toán đến phần lợi nhuận chưa phân phối, Quỹ đầu tư phát triển, ... là nguồn để các doanh nghiệp chia cổ tức bằng cổ phiếu) nhưng thực hiện xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP như hướng dẫn nêu trên sẽ phát sinh việc tính vào vốn nhà nước 02 lần. Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung quy định đối với trường hợp này.

- Tại Khoản 9 Điều 1 của dự thảo Nghị định về bổ sung Điều 30a: Đề nghị xem xét gộp 02 nội dung a) và b) thành "*Đối với các doanh nghiệp quy định tại*

Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 Nghị định này, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa bao gồm toàn bộ diện tích đất của doanh nghiệp và các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp đầu tư 100% vốn điều lệ".

- Tại Khoản 13 Điều 1 của dự thảo Nghị định về sửa đổi Điểm a, b Khoản 1 Điều 39:

"a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc đấu giá công khai, tổ chức thực hiện bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần lần đầu ..., để lại cho doanh nghiệp cổ phần hóa giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá và giá vốn ...; phần còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

b) Sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của tổ chức công đoàn và người lao động, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chuyển tiền thu từ bán cổ phần cho tổ chức công đoàn và người lao động về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp".

Nội dung sửa đổi nêu trên chưa quy định rõ trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa xác định số cổ phần phát hành thêm bao gồm cả số cổ phần bán cho tổ chức công đoàn và số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP thì tiền thu từ bán cổ phần được để lại cho doanh nghiệp (theo như Điểm a nêu trên) hay phải chuyển về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (theo như Điểm b nêu trên).

- Về thời gian phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí:

Theo quy định trước đây, tại Khoản 10 Điều 18 Thông tư số 127/2014/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 59/2011/NĐ-CP "Khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản, toàn bộ giá trị cấu thành nên tổng giá trị tài sản doanh nghiệp và được tính vào giá trị thực tế doanh nghiệp cổ phần hóa, ...; các giá trị tài sản tăng khác tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa: giá trị quyền sử dụng đất, giá trị lợi thế kinh doanh, doanh nghiệp được thực hiện phân bổ dần vào chi phí kinh doanh được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn không quá 10 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần".

Tuy nhiên, tại Điểm b Khoản 15 Điều 1 của dự thảo Nghị định về bổ sung Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP "Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành".

Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và Thông tư số 127/2014/TT-BTC, đã thực hiện điều chỉnh số liệu trong sổ kế toán theo giá trị doanh nghiệp đã được công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trong đó, giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị

1104
TỔNG
ÔNG
ANG
IẾT N
S DA

thương hiệu với số tiền 583 tỷ đồng sẽ phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của công ty cổ phần.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là một doanh nghiệp lớn, có bề dày phát triển nên chi phí cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại phát sinh nhiều. Đồng thời, Tổng công ty lại là doanh nghiệp đặc thù do thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP nhưng thực hiện xây dựng phương án cổ phần hóa và bán cổ phần lần đầu theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. Với quy định bổ sung Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP nêu trên, Tổng công ty khi chuyển sang công ty cổ phần sẽ phải phân bổ một khoản chi phí rất lớn về giá trị thương hiệu trong một khoảng thời gian ngắn (không quá 03 năm). Điều này gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty những năm sau cổ phần hóa.

Do vậy, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét sửa đổi quy định trên như sau: "Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ và công bố giá trị doanh nghiệp trước ngày 01/01/2018, đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 10 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần".

1.2 Đề nghị bổ sung trong dự thảo Nghị định

- Về thẩm quyền quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ:

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định Thủ tướng Chính phủ "*Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo sổ kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên và các doanh nghiệp cấp II có mức vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên*".

Tại Điểm e Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định cơ quan đại diện chủ sở hữu "*Quyết định điều chỉnh vốn nhà nước tại công ty cổ phần theo quy định*".

Tuy nhiên, tại Khoản 3 Bước 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định "*Trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án cổ phần hóa được duyệt, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa ra quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa*".

Từ những quy định nêu trên, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định phương án cổ phần hóa đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước theo sổ kế toán dưới 1.800 tỷ đồng là một cơ quan (cơ quan đại diện chủ sở hữu) nhưng đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước theo sổ kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên và các doanh nghiệp cấp II có mức vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán từ 1.800 tỷ đồng trở lên, cơ quan đại diện chủ sở hữu không đồng thời là cơ quan quyết định phương án cổ phần hóa (do Thủ

tướng Chính phủ quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa). Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, điều chỉnh nội dung tại Khoản 3 Bước 2 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP rõ ràng hơn để có thể hiểu đúng theo quy định về thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ tại Điểm e Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

- Đề nghị bổ sung thêm quy định về việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong giai đoạn cổ phần hóa:

Thực tế trong quá trình cổ phần hóa của Tổng công ty đã có rất nhiều nghiệp vụ phát sinh mà các Nghị định, Thông tư về cổ phần hóa không có hướng dẫn (nghiệp vụ cơ cấu nợ của Tổng công ty, việc nhận lại cổ phần Cảng Quy Nhơn,...). Trong Chế độ kế toán cũng có những nội dung hướng dẫn về cổ phần hóa nhưng khác với văn bản hướng dẫn về cổ phần hóa (do Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có nhiều hướng dẫn khác với Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, trong khi Chế độ kế toán ban hành năm 2014 phần hướng dẫn hạch toán các doanh nghiệp cổ phần hóa chưa kịp thay đổi). Để có thể thống nhất việc thực hiện các quy định, đặc biệt trong quá trình làm việc của các đoàn thanh kiểm tra tại doanh nghiệp, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét hướng dẫn thêm: Đối với các nghiệp vụ không có quy định tại các văn bản về cổ phần hóa thì sẽ được hạch toán theo quy định của Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

2. Đối với việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Về cơ bản, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thống nhất với dự thảo Nghị định của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Ngoài ra, Tổng công ty xin đóng góp một số ý kiến như sau:

- Tại Điểm c Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định cơ sở xác định giá khởi điểm được căn cứ vào "... (ii) giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn ... và (iii) giá tham chiếu của mã chứng khoán ... trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày". Tuy nhiên, thực tế thực hiện đối với một số mã cổ phiếu trên sàn UPCoM bị hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch ngày thứ 6 hàng tuần, do vậy 30 ngày liên tiếp cần xác định rõ có phải là ngày giao dịch liên tiếp hay không?

- Tại Điểm a Khoản 4 Điều 2 quy định "thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn", thời hạn này tương đối dài, vì theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đối với công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ thực hiện chậm nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.

- Hiện nay, doanh nghiệp nhà nước khi thoái vốn tại các doanh nghiệp đã niêm yết/đăng ký giao dịch đang vừa công bố thông tin theo quy định của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và vừa công bố thông tin theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Do vậy, Tổng công ty kiến nghị cần có điều khoản cụ thể để thống nhất quy định về công bố thông tin khi doanh nghiệp nhà nước thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban: TCKT, ĐT, TCNS, PC&QTRR;
- Lưu: VT, Q. TGD, TGTT. Di02. *TTB*



Nguyễn Cảnh Tĩnh

Số: 6236/TKV-KTTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia dự thảo Nghị định của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP
và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Số:	NGÀY ĐẾN: 17 -12- 2019
Ngày 17 tháng 12 năm 2019	SỐ EV ĐẾN: 0118821

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 3/12/2019 của Bộ Tài chính V/v tham gia dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) trân trọng báo cáo và tham gia một số nội dung sau:

I. Đối với Nghị định sửa đổi một số điều Nghị định số 126/2017/NĐ-CP

Về cơ bản, TKV thống nhất với các nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 126/2017/NĐ-CP. Đối với một số nội dung theo ý kiến của TKV vẫn còn có vướng mắc hoặc chưa được đề cập tại dự thảo Nghị định, TKV báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính xem xét:

1. Một số nội dung đã được sửa đổi, bổ sung nhưng còn có vướng mắc:

1.1. Về thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất:

Tại Khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị định sửa đổi một số điều Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (sau đây gọi là Dự thảo sửa đổi Nghị định 126), bổ sung, sửa đổi khoản 1 Điều 4 quy định:

“1. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định này thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ;

b) Còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

c) Có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.”

Tại Điều 6 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công có quy định như sau:

“Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với:

a) Nhà, đất tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý;

b) Nhà, đất của các bộ, cơ quan trung ương còn có ý kiến khác nhau về phương án xử lý giữa Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có nhà, đất;

c) Nhà, đất đề xuất phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trừ nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều này) do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý; do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý trên địa bàn địa phương khác.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (trừ nhà, đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều này) do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý.”

Quy định tại Điều 6 Nghị định 167 chưa rõ thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với trường hợp doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước quản lý (Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn) thuộc Khoản 2 hay Khoản 3. Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Dự thảo sửa đổi Nghị định 167 làm cơ sở để các đơn vị thực hiện đúng quy định.

1.2. Về chi phí cổ phần hoá đối với doanh nghiệp phải xác định lại giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hoá:

Tại Khoản 3 Điều 1 Dự thảo sửa đổi Nghị định 126, bổ sung khoản 5 Điều 8:

“Trong trường hợp doanh nghiệp phải thực hiện lại việc xác định giá trị doanh nghiệp hoặc tạm dừng cổ phần hóa theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định xử lý các khoản chi phí cổ phần hóa (đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ) hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.”

Theo quy định tại Luật thuế TNDN và Nghị định hướng dẫn luật thuế TNDN thì các khoản chi được trừ khi xác định thuế TNDN là các khoản chi thực tế phát sinh có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ. Trường hợp như quy định tại dự thảo đã đảm bảo theo quy định, được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, do đó TKV đề nghị xem xét, hướng dẫn chi phí này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

1.3. Về việc xử lý số dư chênh lệch tỷ giá:

Tại Khoản 6 Điều 1 Dự thảo sửa đổi Nghị định 126, sửa đổi khoản 3 Điều 17:

“3. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư khoản chênh lệch tỷ giá này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xử lý vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước.”

Theo quy định tại Nghị định 126: “Số dư khoản chênh lệch tỷ giá này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục theo dõi trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần”. Nay nếu quy định doanh nghiệp được xử lý vào kết quả hoạt động kinh doanh từ thời điểm xác định GTDN đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần đề nghị Bộ Tài chính có quy định cụ thể: Trường hợp lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá xử lý thế nào; doanh thu/chi phí chênh lệch tỷ giá có được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN?

2. Một số nội dung đề nghị tiếp tục bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp:

2.1. Về cách hiểu và áp dụng văn bản pháp luật liên quan đến giá đất tính trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá:

(i) Tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần quy định đối với những diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để bán và xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê theo phương án sử dụng đất của doanh nghiệp cổ phần hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phải xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 30 hướng dẫn đối với diện tích đất còn lại thì doanh nghiệp chuyển sang hình thức thuê đất, đồng thời quy định các xác định giá trị doanh nghiệp đối với đất thuê trả tiền một lần. Như vậy, chưa có quy định cụ thể là đối với đất thuê trả tiền hàng năm thì có phải định giá để đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa hay không?

Trong khi đó, khi thoái vốn (thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Thông tư số 59/2018/TT-BTC) thì lại có quy định là phải xác định giá trị đối với đất thuê trả tiền hàng năm để tính bổ sung vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá khởi điểm bán cổ phần.

(ii) Ngoài ra, đối với diện tích đất giao có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền một lần, đất nhận chuyển nhượng... nay khi tiến hành cổ phần hóa thì chuyển sang hình thức thuê đất theo phương án sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt (thời hạn để chuyển các diện tích đất trên sang hình thức thuê đất trong vòng 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần). Trong trường hợp này, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì các loại đất trên vẫn là đất giao có thu tiền sử dụng đất, đất nhận chuyển nhượng... nhưng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án sử dụng đất sẽ phải chuyển đổi sang đất thuê trả tiền hàng năm. TKV kính đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn và có quy định cụ thể tại Dự thảo Nghị định thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì có phải tính giá trị đất trên vào giá trị doanh nghiệp hay không?

2.2. Xử lý đối với tài sản hình thành từ nguồn Quỹ phúc lợi và nguồn xã hội hóa:

Theo quy định hiện hành thì khi cổ phần hóa, đối với các tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi phục vụ cho mục đích phúc lợi của người lao động sẽ được bàn giao cho Tổ chức Công đoàn cùng cấp quản lý. Tuy nhiên, hiện nay TKV có tài sản hình thành cả từ nguồn Quỹ phúc lợi và nguồn vốn xã hội hóa đối với 01 số dự án, trong

đó có dự án mang tính đặc thù riêng trong quá trình đầu tư xây dựng (như Dự án bảo quản, tu bổ Khu di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện từ năm 2009. Dự án phục vụ cho người lao động trong toàn TKV và nhân dân địa phương và các nơi đến thăm viếng). Ngoài ra còn có các dự án nhà ở cho công nhân mỏ độc thân sử dụng nhiều nguồn vốn: Quỹ phúc lợi, kinh phí công đoàn, vốn do doanh nghiệp thu xếp.

Theo quy định hiện hành thì chỉ có tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi và phục vụ cho lợi ích người lao động trong Công ty mẹ TKV mới bàn giao cho Tổ chức Công đoàn cùng cấp. Trường hợp tài sản hình thành từ nguồn phúc lợi và các nguồn vốn khác phục vụ cho lợi ích chung của toàn bộ người lao động trong TKV và người dân TKV có được bàn giao cho Tổ chức công đoàn cùng cấp không?

TKV đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn và có quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định sửa đổi lần này doanh nghiệp căn cứ thực hiện.

2.3. Về tỷ lệ bán cổ phần:

Tại Điều 33, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định tỷ lệ tối thiểu bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng là 20%. Đối với trường hợp theo quy định thì Nhà nước phải sở hữu từ 75% trở lên. Như vậy, tỷ lệ sở hữu nhà nước và tỷ lệ bán cổ phần ra công chúng là 95%, chỉ còn lại 5% bán cho người lao động và tổ chức Công đoàn.

Tại Điều 33 cũng quy định: *“Trong trường hợp số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp (tính theo mức ưu đãi tối đa) lớn hơn số lượng cổ phần dự kiến phát hành còn lại (sau khi đã trừ đi số cổ phần Nhà nước nắm giữ và số cổ phần bán cho các nhà đầu tư, tổ chức Công đoàn theo quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều này) và doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định điều chỉnh giảm số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ để tăng số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động.”*

Như vậy, chưa có quy định đối với trường hợp của TKV khi nhà nước phải nắm giữ từ 75% tỷ lệ cổ phần trở lên, nên không thể điều chỉnh giảm tỷ lệ cổ phần nhà nước trong trường hợp số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động lớn hơn số lượng cổ phần phát hành còn lại. TKV đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn và quy định bổ sung vào Nghị định sửa đổi đối với trường hợp này.

2.4. Về việc bán tiếp cổ phần:

Khoản 12, Điều 1 Dự thảo Nghị định sửa đổi nội dung Khoản 1, Điều 37 Nghị định 126 như sau:

“3. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, căn cứ kết quả bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp để thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

Quy định tại Điều 37 Nghị định 126:

"1. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần."

Nội dung sửa đổi này về cơ bản là phù hợp, tuy nhiên đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cân nhắc giữ lại quy định "*và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.*" để làm rõ trách nhiệm thoái vốn (nhằm đạt cơ cấu cổ phần như phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt) của công ty cổ phần.

II. Đối với Nghị định sửa đổi một số điều Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, trong công tác thoái vốn, trong đó đặc biệt là việc điều chỉnh, bãi bỏ quy định về giá trị văn hoá lịch sử:

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, theo đó: Bãi bỏ nội dung quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: "*Đối với một số doanh nghiệp đặc thù, cơ quan tư vấn xác định để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định xác định giá trị thương hiệu dựa vào các yếu tố lịch sử, bề dày truyền thống (nếu có)*".

- Bãi bỏ nội dung quy định tại tiết c điểm 1 Khoản 12 và c điểm 1 Khoản 15: "*giá trị các quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các giá trị văn hoá, lịch sử khác, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có)*".

Đây là nội dung sửa đổi quan trọng, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong công tác thoái vốn. TKV thống nhất với nội dung dự thảo.

Ngoài các nội dung góp ý riêng đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 126, Nghị định 32 như đã báo cáo ở trên, để đảm bảo tính đồng bộ của văn bản pháp lý, TKV kính đề nghị Bộ Tài chính: (i) Sửa đổi, bổ sung các Thông tư hướng dẫn Nghị định 126, Nghị định 32 cho phù hợp, thống nhất; Sớm ban hành Nghị định hướng dẫn chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang công ty cổ phần thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg phù hợp với các quy định hiện hành về cổ phần hoá.

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trân trọng báo./.

Nơi nhận:

- Như trên; *lan*
- Tổng giám đốc (e-copy, b/c);
- P.TGD Lê Quang Dũng (e-copy);
- KTT Đặng Thị Hương (e-copy);
- Ban KS (e-copy);
- Các Ban: KP, TCNS, KSNB (e-copy);
- Lưu VT, KTTC, NKT.



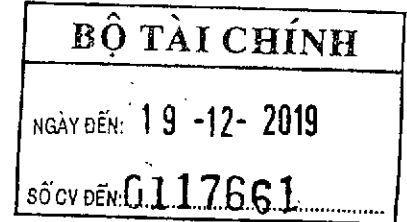
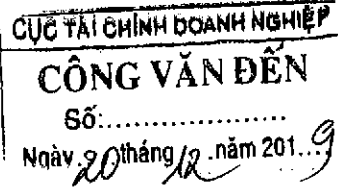
CỤC AN NINH MẠNG VÀ PCTP
SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CAO
TỔNG CÔNG TY
VIỄN THÔNG TOÀN CẦU

4514
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 542/GTEL-VP

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định của Chính phủ về sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định
số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định
số 32/2018/NĐ-CP



Kính gửi: Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính

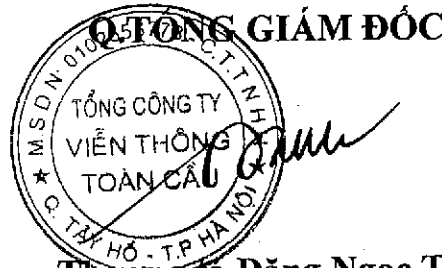
AccNium
20/12
1

Phúc đáp công văn số 14665/BTC-TCDN về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP. Sau khi nghiên cứu và xem xét, Tổng công ty Viễn thông Toàn Cầu nhất trí với nội dung dự thảo trên và không có ý kiến khác.

Tổng công ty Viễn thông Toàn Cầu phản hồi để Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Chính phủ./m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT. *NS*



Thương tá Đặng Ngọc Tín

Thy Cục TCDN

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3081 /TCTBĐATHHMB-TCKT
V/v lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị
định của Chính phủ về sửa đổi, bổ
sung một số điều của Nghị định số
126/2017/NĐ-CP và Nghị định số
32/2018/NĐ-CP.

Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN: <u>17-12-2019</u>
SỐ CV ĐẾN: <u>116803</u>

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:
Ngày <u>18</u> tháng <u>12</u> năm 201... <u>9</u>

Kính gửi: Bộ Tài chính.

McCrack
14/12
1

Thực hiện yêu cầu tại Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 3/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc xin báo cáo như sau:

Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc thống nhất với dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc kính báo cáo./. *zvl*

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu: VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]
Đông Trung Kiên

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6170/QLB

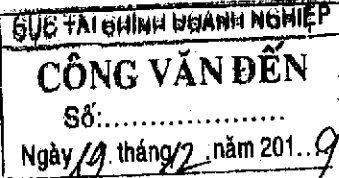
V/v: Ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH

NGÀY ĐẾN: 18-12-2019

SỐ CV ĐẾN: G117313



Kính gửi: Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 14665/BTC-TCĐN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Sau khi nghiên cứu 02 dự thảo Nghị định, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam nhất trí với nội dung quy định của 02 dự thảo Nghị định và không có ý kiến bổ sung hoặc sửa đổi.

Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Quốc Khánh

Nơi nhận: 4

- Như trên;
- Lưu: VT, TC (Dz03b).

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(CNS)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 743/CNS-HTQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2019

Về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

BỘ TÀI CHÍNH	
NGÀY ĐẾN	16-12-2019
SỐ CV ĐẾN:	6117465

CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
CÔNG VĂN ĐẾN	
Số:
Ngày:	19 tháng 12 năm 2019.

Kính gửi: Bộ Tài Chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)

Căn cứ Công văn số 14665/BTC-TCĐN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP;

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên thống nhất các nội dung dự thảo Tờ trình về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV TCT (để báo cáo);
- Ban TGĐ TCT (để chỉ đạo thực hiện);
- Ban Kiểm soát TCT.
- Lưu: VP, HTQL.



Chu Tiên Dũng

Kle Minh
19/12

DN/7

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY
ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4016/ĐS-TCKT

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2019

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo
Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của
Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định
số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ

GỤC TẠI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
CÔNG VĂN ĐẾN	BỘ TÀI CHÍNH
Số:.....	NGÀY ĐẾN 20-12-2019
Ngày 18 tháng 12 năm 2019	SỐ CV ĐẾN: 0118340

Kính gửi: Bộ Tài Chính

Căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam thống nhất với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính soạn thảo.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, trình Chính phủ ban hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng thành viên (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT (2)

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Sỹ Mạnh

**TẬP ĐOÀN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6930/EVN-QLV

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019

V/v Góp ý dự thảo Nghị định
bổ sung Nghị định 126 và
Nghị định 32

Kính gửi: Bộ Tài chính

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nhận được Công văn số 1665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP (Nghị định 126) và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP (Nghị định 32) của Chính phủ. Sau khi nghiên cứu, EVN đánh giá dự thảo Nghị định đã có nhiều đổi mới, giải quyết nhiều khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện công tác cổ phần hóa và thoái vốn.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có một số nội dung quy định trong Nghị định 126 và Nghị định 32 hiện đang gây khó khăn, vướng mắc cho EVN trong quá trình thực tế triển khai công tác CPH và thoái vốn chưa được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định mới, cụ thể như sau:

1. Đối với nội dung về CPH quy định trong Nghị định 126:

1.1. Tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 126:

Khoản 5 Điều 3 Nghị định 126 quy định “*Thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần là ngày doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần lần đầu*”. Việc xác định thời điểm EVNGENCO3 chuyển sang CTCP rất quan trọng bởi đây là thời điểm để EVNGENCO3 lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí CPH, quyết toán vốn nhà nước. Tuy nhiên, thực tế đang có sự khó khăn khi xác định thời điểm này đối với trường hợp của Tổng công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) – CTCP có vốn góp của EVN (EVN giữ 99,19% VDL) trong quá trình quyết toán CPH, cụ thể như sau:

- EVNGENCO3 - CTCP đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/9/2018. Theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của EVNGENCO3 - CTCP, EVNGENCO3 đăng ký ngày bắt đầu hoạt động là ngày 01/10/2018. Các nội dung theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của EVNGENCO3 - CTCP đã được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được liên thông ghi

nhận và hiển thị trên Cổng thông tin điện tử của Tổng Cục thuế và Cổng thông tin điện tử Cục thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là ngày 01/10/2018.

- Tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định: “Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp”. Như vậy, các nội dung theo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, trong đó có nội dung đăng ký về ngày bắt đầu hoạt động từ ngày **01/10/2018** có giá trị pháp lý là thông tin gốc về EVNGENCO3 - CTCP.

- Do Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 5 không có nội dung ngày bắt đầu hoạt động của EVNGENCO3 - CTCP; EVNGENCO3 đã có Công văn số 1155/GENCO3-PC ngày 21/12/2018 gửi đến Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ KHĐT để được xác nhận ngày EVNGENCO3 được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần lần đầu là ngày 01/10/2018. Ngày 10/01/2019, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ KHĐT đã có văn bản số 08/ĐKKD-NV về việc xác nhận thông tin đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh có ý kiến: “Theo Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì thông tin về ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần đăng ký trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (ngày 17/9/2018) là ngày 01/10/2018”. Tiếp đó, ngày 12/7/2019, Bộ KHĐT đã có Công văn số 4869/BKHĐT-PTDN gửi Ủy ban và nêu rõ: “theo pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngày khác (do doanh nghiệp tự đăng ký)”.

Như vậy, căn cứ quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp và 2 văn bản của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh và Bộ KHĐT thì thời điểm bắt đầu hoạt động Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là ngày 01/10/2018. Thông tin về ngày bắt đầu hoạt động là ngày 01/10/2018 đã được đăng ký và lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Do vậy, có thể khẳng định thời điểm EVNGENCO3 chuyển sang CTCP là 0h ngày 01/10/2018 và đây cũng là thời điểm để EVNGENCO3 lập báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí CPH, quyết toán vốn nhà nước. Tuy nhiên, nếu căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 126 thì thời điểm EVNGENCO3 chuyển sang công ty cổ phần là ngày 27/9/2018 (ngày EVNGENCO3 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần).

Từ thực tế trên, EVN đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi nội dung tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định 126 như sau: “Thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển

sang công ty cổ phần là ngày doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần lần đầu hoặc ngày doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo hình thức CTCP theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp (trong trường hợp 2 ngày này khác nhau)".

1.2. Tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định 126:

Khoản 1 Điều 23 Nghị định 126 quy định: "Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp (từ thời điểm XDGTĐN đến thời điểm công bố GTĐN) phải đảm bảo không quá 12 tháng; đối với các doanh nghiệp phải thực hiện Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định này thời gian không quá 15 tháng".

Thực tế, quá trình thẩm tra kết quả XDGTĐN của các thành viên Ban chỉ đạo CPH, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo CPH (có sự tham gia của Ban ĐM&PTĐN, các Bộ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp), đặc biệt là quá trình làm việc của Kiểm toán nhà nước mất khá nhiều thời gian (60 ngày làm việc, tương ứng khoảng 3 tháng) nên việc công bố giá trị doanh nghiệp trong một số trường hợp sẽ không thể đáp ứng thời gian 15 tháng. Nhất là đối với các doanh nghiệp quy mô lớn, nhiều đơn vị thành viên trải dài khắp đất nước, tài sản đặc thù,... như các Tổng công ty Phát điện của EVN.

Do vậy, đề nghị sửa đổi nội dung trên tại Khoản 1 Điều 23 Nghị định 126 như sau: "Thời gian thực hiện xử lý tài chính và tổ chức tư vấn định giá xác định giá trị doanh nghiệp (từ thời điểm XDGTĐN đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp) phải đảm bảo không quá 12 tháng; đối với các doanh nghiệp phải thực hiện Kiểm toán nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Nghị định này thời gian không quá 15 tháng, ngoại trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ". Nội dung này cũng phù hợp với nội dung tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định 126 (quy định về thời hạn IPO), trong đó cũng có nội dung "ngoại trừ các trường hợp đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ".

1.3. Tại Khoản 3b Điều 26 Nghị định 126:

Khoản 3b Điều 26 Nghị định 126 quy định: "Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính doanh nghiệp cổ phần hóa. Thời gian hoàn thành, công bố kết quả kiểm toán không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán". Thực tế quá trình làm việc của Kiểm toán nhà nước mất nhiều thời gian. Mặc dù quy định là "không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành kiểm toán" nhưng "ngày tiến hành kiểm toán" thì doanh nghiệp CPH hoàn toàn bị động, phải phụ thuộc hoàn toàn vào Kiểm toán nhà nước, nếu KTNN thực hiện chậm thì sẽ ảnh hưởng đến thời hạn công bố giá trị doanh nghiệp không quá 15 tháng kể từ thời điểm XDGTĐN. Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi nội dung trên theo

hướng bổ sung quy định về “ngày tiến hành kiểm toán” có nằm trong thời hạn 10 ngày nêu trên không.

1.4. Tại Khoản 3d Điều 21 Nghị định 126:

Về thẩm quyền trình Hồ sơ quyết toán CPH, hiện nay đang có sự không thống nhất giữa quy định tại Khoản 3d Điều 21 Nghị định 126 và Bước 3 (mục 2.a) Phụ lục II, cụ thể như sau:

- Tại Khoản 3d Điều 21 Nghị định 126 quy định: “*Doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn thành các công việc sau:*

a. Lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu;

b. Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

c. Quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế;

d. Sau khi hoàn thành các quy định tại điểm a, b, và c khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán tiền thu về CPH, chi trả chế độ người lao động dôi dư, chi phí CPH theo quy định”.

Như vậy, theo quy định này, doanh nghiệp CPH là đơn vị đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị vốn nhà nước.

- Tại Bước 3 (mục 2.a) Phụ lục II của Nghị định 126 quy định: “*Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, Ban chỉ đạo CPH chỉ đạo Tổ giúp việc và doanh nghiệp lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán chi phí CPH, báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu”.*

Như vậy, theo quy định này, Ban chỉ đạo là đơn vị báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét và thống nhất nội dung này trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 126.

1.5. Tại Điều 48 Nghị định 126:

Điều 48 Nghị định 126 chưa quy định điều khoản chuyển tiếp trong trường hợp: Ban chỉ đạo CPH đã được thành lập theo Nghị định 59, doanh nghiệp CPH đã hoàn thành hầu hết quá trình CPH, đã chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, chỉ còn bước quyết toán CPH thì Ban chỉ đạo CPH có tiếp tục duy trì thành phần của Ban chỉ đạo CPH cũ hay phải thành lập Ban chỉ đạo CPH theo quy định tại Nghị định 126.

Đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn về nội dung này trong dự thảo Nghị

định sửa đổi Nghị định 126.

1.6. Tại Khoản 3 Điều 17 và Khoản 1 Điều 27 Nghị định 126:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126 cũng như nội dung sửa đổi tại dự thảo Nghị định, nội dung “*đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*” không thay đổi; dự thảo Nghị định sửa đổi chỉ bổ sung nội dung xử lý số dư chênh lệch tỷ giá này từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần: “*Số dư khoản chênh lệch tỷ giá này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được xử lý vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước*”.

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Nghị định 126 liên quan đến giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo phương pháp tài sản: “*Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa là giá trị toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sau khi đánh giá lại có tính đến khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Giá trị thực tế vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có) và không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.*”

Theo các quy định về thẩm định giá, “*tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp cổ phần hóa hay giá trị toàn bộ tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp*” đã được xác định theo giá trị “suất đầu tư”, giá trị “thị trường” tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, không bị ảnh hưởng bởi yếu tố chênh lệch tỷ giá ghi nhận từ thời điểm đầu tư tài sản cho đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Theo đó, khi thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 126 khi tính toán giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa, trong trường hợp “*không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định 126*” là chưa phù hợp với bản chất nội dung xác định giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do giá trị chênh lệch tỷ giá tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126 đã bị triệt tiêu khi thực hiện xác định giá trị tài sản doanh nghiệp theo phương pháp tài sản căn cứ theo các quy định về thẩm định giá; đặc biệt là trong trường hợp phát sinh lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, nếu thực hiện theo nội dung hướng

dẫn hiện hành sẽ dẫn đến giảm vốn nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

Căn cứ vào các nội dung trên, đề nghị Bộ Tài chính xem xét sửa đổi Khoản 3 Điều 17 Nghị định 126 theo hướng: “*đối với khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện đánh giá lại theo quy định*” và xử lý tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 4/5/2018. Đồng thời, xem xét bỏ nội dung “*không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này*” trong quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định 126/2017/NĐ-CP”.

1.7. Tại Khoản 1 Điều 21 và Khoản 2 Điều 21 Nghị định 126:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 126: “*Doanh nghiệp cổ phần hóa tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần.*”

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định 126, các nội dung xử lý tài chính có khác biệt so với quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước (ví dụ các nội dung ảnh hưởng lớn quy định tại Mục b Khoản 2 Điều 11 Nghị định 126 về chênh lệch tỷ giá, Mục d Khoản 2 Điều 11 Nghị định 126 về ghi nhận cổ phiếu không phải trả tiền) dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện tại đơn vị trong trường hợp thời điểm 31/12 hàng năm là thời điểm lập báo cáo tài chính năm giữa thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại thời điểm 31/12 đó, không có quy định cụ thể doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện lập báo cáo, xử lý tài chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 hay Khoản 2 Điều 21 Nghị định 126, kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét để có hướng dẫn cụ thể.

1.8. Tại Khoản 13 Điều 1 của Dự thảo Nghị định sửa đổi:

Do tại Khoản 12.1 Điều 1 của Dự thảo quy định việc bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn được thực hiện trước khi bán đấu giá ra công chúng (IPO) nên tại Khoản 13 Điều 1 của Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 126 đề nghị chuyển nội dung tại mục b (chuyển tiền thu từ bán cho người lao động và tổ chức công đoàn) lên trước mục a (chuyển tiền thu từ bán đấu giá công khai). Đồng thời tại mục b đề nghị sửa lại câu “Sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của tổ chức công đoàn và người lao động,...” thành “Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của tổ chức công đoàn và người lao động,...” để xác định rõ thời hạn nộp tiền về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

2. Đối với nội dung về chuyển nhượng vốn quy định trong Nghị định

32:

Trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 32 đang chưa có hướng dẫn đối với 2 nội dung sau:

2.1. Đối với chi phí chuyển nhượng vốn đã chi mà không thực hiện thành công việc chuyển nhượng vốn:

Điểm g Khoản 6 Điều 2 của dự thảo Nghị định đã quy định “Cơ quan đại diện chủ sở hữu là các Bộ, ngành và địa phương ... thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước nhưng không thành công. Bộ Tài chính căn cứ báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn và quyết toán của cơ quan đại diện chủ sở hữu để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thanh toán chi phí chuyển nhượng vốn cho cơ quan đại diện chủ sở hữu” nhưng chưa có quy định cho trường hợp doanh nghiệp chuyển nhượng vốn không thành công. Thực tế trong quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn của EVN/các đơn vị 100% vốn của EVN tại các CTCP đang gặp phải vướng mắc trong quá trình xử lý các chi phí chuyển nhượng vốn (chi phí tư vấn định giá, tư vấn chuyển nhượng vốn,...) mà quá trình chuyển nhượng vốn lại không thành công (tổ chức đấu giá không thành công).

Đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn về nội dung này trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 32, cho phép doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2. Đối với việc chuyển nhượng vốn của các công ty con 100% vốn của các doanh nghiệp nhà nước tại các CTCP:

Trong quá trình các công ty con 100% vốn của EVN (các Tổng công ty Phát điện, các Tổng công ty Điện lực) làm việc với các Sở giao dịch chứng khoán (HOSE, HNX) để thực hiện đấu giá ra công chúng phần vốn của các công ty con tại các CTCP, các Sở giao dịch đã có văn bản trả lời các công ty con của EVN, trong đó nêu rõ: “các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định 91 và Nghị định 32”. Để các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước có cơ sở thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định tại Nghị định 91 và Nghị định 32, đề nghị Bộ Tài chính mở rộng đối tượng áp dụng, bổ sung nội dung sau trong dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 32:

“Các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và Nghị định này khi thực hiện thoái vốn ở các doanh nghiệp khác”.

Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định về bán đấu giá cổ phần (chào bán ra công chúng) đối với việc chuyển nhượng vốn tại các CTCP chưa đại chúng để có đầy đủ căn cứ pháp lý cho EVN cũng như các công ty 100% vốn của EVN thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo quyết định tái cơ cấu của cấp có thẩm quyền.

Trong thời gian chờ Nghị định sửa đổi, đề nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn chung đối với các công ty con 100% vốn của doanh nghiệp nhà nước được bán đấu giá công khai tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam xin gửi góp ý để Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBQLVNN (b/c);
- UBCKNN (b/c);
- HĐTV, TGDĐ (b/c);
- Ban TCKT;
- Lưu VT, QLV.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Nam

Số: 662.../CV-TCT

V/v góp ý Dự thảo Nghị định của Chính phủ

TP.HCM, ngày 16 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 09/12/2019 Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV nhận được Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP (Sau đây gọi tắt là “Dự thảo”). Sau khi xem xét Dự thảo và các quy định của pháp luật có liên quan, Tổng Công ty Bến Thành có một số góp ý đối với Dự thảo như sau:

1. Về tiêu chuẩn các tổ chức tư vấn nước ngoài được cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp (điểm c khoản 4 Điều 1 Dự thảo).

Điểm c khoản 4 Điều 1 Dự thảo quy định: “*Trong thời gian 03 năm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, mỗi năm tổ chức phải thực hiện được ít nhất 30 hợp đồng cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nói trên*”.

Cần quy định cụ thể cách xác định như thế nào là “*03 năm gần nhất*” để tránh tình trạng không áp dụng được hoặc áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Cần giải thích rõ “*năm*” trong quy định này là năm dương lịch tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hay “*năm*” được tính là từ ngày nộp hồ sơ trở về trước 365 ngày được tính thành một năm. Ví dụ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 20/08/2020, vậy thời gian 03 năm gần nhất nên được xác định là ngày 20/08/2017 đến ngày 20/08/2020 hay từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019.

Cần quy định rõ ràng thế nào là “*thực hiện được*” hoặc thay thế bằng một quy định khác cụ thể hơn. “*Thực hiện được*” ít nhất 30 hợp đồng có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau như:

- Tổ chức mỗi năm ký kết được 30 hợp đồng hay đang thực hiện 30 hợp đồng hay hoàn thành được 30 hợp đồng hay chỉ cần có một bước trong hợp đồng đã đã được xem là “*thực hiện được*” và được tính là một hợp đồng.

- Trường hợp những hợp đồng cung cấp dịch vụ thuộc các lĩnh vực nói trên kéo dài qua nhiều năm tính tới thời điểm nộp hồ sơ thì hợp đồng dịch vụ đó được tính cho năm nào hay được tính cho tất cả các năm.
- Trường hợp tổ chức đáp ứng đủ số lượng hợp đồng nêu trên nhưng lại chỉ ký hợp đồng với một tổ chức duy nhất; trường hợp hợp đồng dịch vụ trong các lĩnh vực nêu trên được cung cấp miễn phí.

Quy định trên nhằm đặt ra một tiêu chuẩn nhất định mà theo đó, những tổ chức không đáp ứng được tiêu chuẩn sẽ không được cung cấp dịch vụ tư vấn để xác định giá trị doanh nghiệp nhằm chọn lọc ra những tổ chức có năng lực thực sự, nhưng nếu quy định như vậy sẽ rất khó đạt được mục đích vì tiêu chuẩn này không thể đánh giá được năng lực của một tổ chức, và các tổ chức có năng lực yếu hơn vẫn có thể trang bị cho mình tiêu chuẩn này bằng nhiều cách khác nhau.

2. Về các căn cứ xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp (theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Dự thảo và Điều 29 Nghị định 126/2017).

Giá trị trường của tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là một trong những căn cứ để xác định giá trị doanh nghiệp (khoản 3 Điều 26 Nghị định 126/2017).

Tuy nhiên, không phải tài sản nào cũng có giá trên thị trường, đơn cử như bí mật kinh doanh, bằng sáng chế, sáng kiến cải tiến và các văn bằng bảo hộ khác. Những thứ vừa liệt kê chính là tài sản của doanh nghiệp, nhưng những tài sản này là đơn nhất, chúng không tồn tại thị trường riêng và càng không có giá thị trường.

3. Ý kiến đối với Khoản 9 Điều 1 của Dự thảo.

Thực tế hiện nay, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Tổng Công ty Bến Thành được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt vào năm 2014, theo đó Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt cho tiếp tục sử dụng nhà đất theo quy hoạch của Thành phố. Từ năm 2014 đến nay, quy hoạch của Thành phố có thể đã có điều chỉnh, thay đổi, do đó sẽ có trường hợp đề xuất sử dụng đất của Tổng Công ty Bến Thành phù hợp với quy hoạch hiện tại của Thành phố nhưng không phù hợp với quy hoạch tại thời điểm phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải trả lại đất cho Nhà nước là chưa phù hợp. Đề nghị có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp này.

Trên đây là ý kiến của Tổng Công ty Bến Thành đối với Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và Nghị định 32/2017/NĐ-CP ngày 08/03/2018.

Trân trọng. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: PC. *HL*

TỔNG GIÁM ĐỐC
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hòa

BỘ CÔNG THƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ
CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 365/IMI-TKyCty

V/v góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP

16 tháng 12 năm 2019

SỞ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ THUẾ	
CÔNG VĂN ĐẾN	
NGÀY ĐẾN	20-12-2019
SỐ CV ĐẾN	G118303

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục TCDN)

Klc Chính
24/12

Thực hiện yêu cầu Bộ Tài chính trong Công văn số 14665/BTC-TCDN ngày 03/12/2019 về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng Cụ Công nghiệp (Viện IMI) xin báo cáo và tham gia đóng góp một số ý kiến như sau:

Trong những năm qua, Chính phủ đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và ban hành các quy định liên quan công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) nhằm phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu DNNN mà trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước theo Chủ trương của Đảng, Nhà nước.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Dự thảo Nghị định) do Bộ Tài chính chủ trì xây dựng lần này đã được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và có sự liên thông, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp bối cảnh và tình hình thực tế. Sau khi được Chính phủ phê duyệt, Nghị định sẽ là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn mới nảy sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP.

Về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP nêu tại Điều 1 dự thảo Nghị định.

- Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện cổ phần hóa, doanh nghiệp phải có phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định doanh nghiệp cổ phần hóa phải xây dựng phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa; báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản gửi lấy ý kiến của địa phương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất đang quản lý, sử dụng) về toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa (bao gồm ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch chung của địa phương và mục đích sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hình thức sử dụng đất và giá đất cụ thể tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp).

Hai nội dung này là cần thiết và phù hợp bối cảnh hiện nay.

Thực tế, đa số các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần hóa nhà nước giữ cổ phần chi phối đã xây dựng phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và đã được Bộ Tài chính và Bộ chủ quản phê duyệt. Tuy nhiên, hầu hết đều ở dạng: “*cho phép tiếp tục giữ lại để quản lý và sử dụng*”.

Việc xây dựng phương án sử dụng đất theo chiến lược phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa đồng thời với mong muốn có thể phù hợp và đáp ứng được kỳ vọng của NĐT sẽ tham gia đấu giá mua cổ phần khi IPO để trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trước khi công bố giá trị doanh nghiệp nhiều khi không thực hiện được (hoặc với phương án đưa ra có thể không bán được cổ phần).

- Khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định, bổ sung nội dung các doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời điểm ngày 01/01/2018 đã tính toán, xác định giá trị lợi thế kinh doanh vào giá trị doanh nghiệp thì công ty cổ phần tiếp tục phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian tối đa không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Viện IMI đề xuất tăng thời gian cho phép công ty cổ phần tiếp tục phân bổ lên 05 năm, vì nhiều doanh nghiệp sau cổ phần hóa vẫn gặp không ít khó khăn, lãi ít và/hoặc không có lãi.

- Ngoài ra dự thảo Nghị định chưa đề cập việc hiệu chỉnh, bổ sung quy định về chuyển tiếp nêu tại khoản 6 Điều 48 với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa trước ngày Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đối với trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chưa được phê duyệt phương án sử dụng đất và/hoặc trường hợp đất thuê không có giấy tờ; đất tranh chấp và chưa có quyết định của Tòa án/Trọng tài theo quy định.

Về nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2018/NĐ-CP nêu tại Điều 2 dự thảo Nghị định.

- Điểm c khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị định đã bổ sung nội dung xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm, bao gồm trường hợp đất thuê không có giấy tờ. Tuy nhiên với doanh nghiệp được giao quản lý đất đang có tranh chấp thì chưa có quy định cụ thể.

Doanh nghiệp cổ phần hóa đã xây dựng phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (do đất có tranh chấp). Cơ quan đại diện chủ sở hữu và UBND tỉnh nơi doanh nghiệp có đất giao cho doanh nghiệp tiếp tục quản lý và có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét về tình trạng pháp lý của khu đất đó.

Việc doanh nghiệp xin ý kiến về tính pháp lý và thủ tục pháp lý của lô đất để xác định tiền thuê đất trả tiền hàng năm làm căn cứ xác định giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm trong giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn cũng cần được quy định cụ thể hơn.

- Khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị định bổ sung quy định giao cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn góp chi phối vận dụng các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP và

Nghị định này để có ý kiến khi tổ chức thoái vốn ở các doanh nghiệp khác đảm bảo công khai, minh bạch, theo thị trường và lợi ích cao nhất của các cổ đông trong đó có Nhà nước.

Tuy nhiên, với doanh nghiệp cấp 2 của doanh nghiệp có vốn góp chi phối của nhà nước (trước đây cũng là doanh nghiệp nhà nước đã được CPH) cần được quy định thêm và/hoặc giao cho người đại diện phần vốn nhà nước quyết định nhằm tránh bất cập khi cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu phải thực hiện chuyển nhượng vốn trên TTCK hoặc đấu giá công khai tại *tổ chức tài chính trung gian* (ngân hàng, công ty tài chính hoặc công ty chứng khoán). Khi đó việc chuyển nhượng vốn phải lấy ý kiến của UBCKNN theo quy định (*tuy nhiên trường hợp này, UBCKNN sẽ trả lời không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định*), dẫn đến Tổ chức tài chính trung gian không được phép thực hiện.

- Tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định danh mục các ngành, lĩnh vực Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp. Dự thảo Nghị định bổ sung thêm danh mục lĩnh vực ngân hàng thương mại nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Viện IMI đề xuất: tại khoản 9 dự thảo Nghị định bổ sung thêm lĩnh vực nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ Nhà nước cần tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước để đảm bảo mục đích nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp cổ phần hóa (*doanh nghiệp khoa học và công nghệ*).

- Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP đã bổ sung quy định về việc điều chỉnh giảm vốn điều lệ với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động (*sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 2 Điều 19 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP*).

Viện IMI đề xuất: tại khoản 10 dự thảo Nghị định bổ sung thêm nội dung:

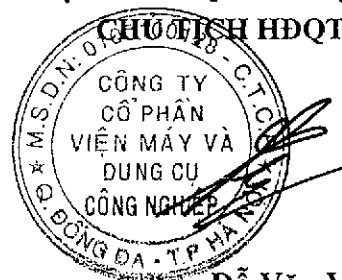
“Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý về *vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ của các doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước trong trường hợp vốn nhà nước thiếu không có đầy đủ cơ sở xuất Quỹ hoàn trả và/hoặc góp thêm*”.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp của Viện IMI với mong muốn góp phần xây dựng dự thảo Nghị định hoàn chỉnh, đầy đủ hơn và sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành sẽ thúc đẩy hơn nữa quá trình tái cơ cấu DNNN theo Chủ trương của Đảng.

Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp xin báo cáo Bộ Tài chính xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VIỆN IMI



Đỗ Văn Vũ

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCT (để b/c);
- Cục TCDN-BTC (để b/c);
- BP ĐDVNN, TGD IMI (để ph/h);
- Lưu: VT, Tky Cty.